SỐ 8 NGÀY 1-5-1963

# BACH KHOA

THỜI-ĐẠI

*năm thứ chín*

PHẠM LƯƠNG GIANG *Việt-Nam và lễ kỷ niệm 10 năm hội nghị Bandoeng* * TRẦN HƯƠNG TỬ *nhân đọc cuốn « Tìm Đẹp » của Đoàn Thêm* * NGUYỄN GIA TƯỜNG *nhà trường : Trung tâm Văn hóa Dân tộc* * VÕ QUANG YẾN *đời sống ngày mai* * GIẢN CHI và NGUYỄN HIẾN LÊ *Biệt Mặc và Danh Gia* * NGUYỄN PHƯƠNG *đời sống của dân Lạc Việt dưới thời Hán* * VŨ BẢO *tổ chức Ku Klux Klan và vấn đề người da đen tại Hoa Kỳ* * HỮU PHƯƠNG — ĐOÀN THÊM — NGUIỄN NHO NHƯỢNG — HOÀI VỌNG — THANH THUYỀN *thơ* * DOÃN DÂN *chỗ của Huệ* * THANH TÂM TUYỀN *Cát lầy* * NGUIỄN NGU Í *sống và viết với Vi Huyền Đắc* * **SINH HOẠT** *15 ngày tin tức*

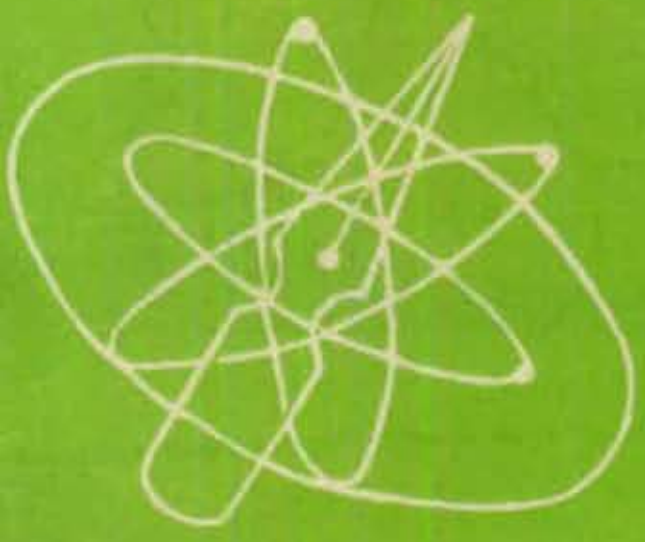

**200**

Thanh thoát
Fine
Dịu dàng
Racée
Tonique
NƯỚC HOA "NGÔI SAO"
EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
T G
DESORMAIS FABRIQUEE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA Sté Fnse DES DISTILLERIES DE L'I.C.
DiC
L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE
Assurez-vous de l'authenticité de votre achat, en vérifiant que la capsule inviolable que comportent les bouteilles d'origine sous leur bouchon à vis est bien en place
T G
NƯỚC HOA "NGÔI SAO"
RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIẢ TẠO
Muốn tìm được thứ thiệt, khi mua quý ngài nên dè dặt kiểm soát lại nắp chì ngừa gian bọc ở miệng chai chánh gốc nằm phía trong nắp vặn đinh ốc còn nguyên vẹn.
DiC
AIP.

# BÁCH KHOA

THỜI ĐẠI *trong số này*

**Số 200 ngày 1 - 5 - 1965**


PHẠM LƯƠNG GIANG *Việt Nam và lễ kỷ niệm 10 năm hội nghị Bandœng* 10

TRẦN HƯƠNG TỬ *nhân đọc cuốn « Tìm đẹp » của Đoàn Thêm* 11

NGUYỄN GIA TƯỜNG *nhà trường : Trung Tâm Văn Hóa Dân Tộc* 17

VÕ QUANG YẾN *đời sống ngày mai* 23

GIẢN CHI và NGUYỄN HIẾN LÊ *Biệt Mặc và Danh Gia* 29

VŨ BẢO *tổ chức Ku Klux Klan và vấn đề người da đen tại Hoa Kỳ* 37

HỮU PHƯƠNG rồi — NGUYỄN NHO NHƯỢNG *cảnh tượng (thơ)* 46

NGUYỄN PHƯƠNG *đời sống dân Lạc Việt dưới thời Hán* 47

DOÃN DÂN *chỗ của Huệ (truyện 2 kỳ)* 53

ĐOÀN THÊM *thủy triều XXIII (thơ)* 71

HOÀI VỌNG — THANH TUYỀN *những đoản khúc Dalat — Thân phận (thơ)* 72

THANH TÂM TUYỀN *cát lầy* 73

NGUIỄN NGU Í *sống và viết với Vi Huyền Đắc* 80

**SINH HOẠT** *15 ngày tin tức* 87

*BANDŒNG : 18-4-1955*
*DJAKARTA : 18-4-1965*

# Việt-Nam và lễ « Kỷ-niệm 10 năm Hội-nghị Bandœng » (1)

PHẠM-LƯƠNG-GIANG

**1.**

Đáp lời hiệu triệu của Ấn Độ, Hồi Quốc, Tích Lan, Miến Điện và Indonesia, 29 quốc gia Á-Phi đã tham dự Hội Nghị Á-Phi kỳ 1, họp tại Bandoeng ngày 18-4-1955. Như một số chánh khách và ký giả Tây phương khi đó nhận xét, đây là một cảnh cáo hùng hồn và quyết liệt của các dân tộc da màu nguyên bị trị, gởi các dân tộc da trắng nguyên thống trị.

Hội-nghị là một sự kiện lịch sử đánh dấu một kỷ nguyên mới, và thời đại « người da màu, thần da trắng » đã do đó khởi sự lần trôi vào dĩ vãng..

Các phái đoàn Á-Phi (trong số có Việt-Nam Cộng-Hòa), sau nhiều ngày hội-thảo, đã đi đến các khuyến-cáo sau đây :

*a*) đặt nền móng cho nguyên tắc cộng tác chặt chẽ giữa các quốc gia Á-Phi, mà tối đại đa số mới vãn hồi độc lập *nhờ* và *sau* cuộc thế chiến 1939 - 45 ;

*b*) lên án các chánh sách đế quốc và kỳ thị chủng tộc;

*c*) xác nhận các nước lớn, giàu và mạnh, có bổn phận triệt để giúp đỡ các nước nhỏ, nghèo và yếu, ngõ hầu mau chấm dứt tình trạng « chậm tiến » (2) nó là cái ung nhọt cho nhân loại hiện thời.

(Sau này, nhân một khóa hội thảo

---

(1) Xin coi bại « Từ Bandoeng 1955 tới Alger 1965 : Việt Nam với Hội nghị Á Phi sắp tới ». Bách khoa số 197, trang 3. Hội Nghị Bandoeng khai mạc ngày 18-4-1955 ; chánh phủ Indonesia tổ chức lễ kỷ niệm 10 năm tại Djakarta, ngày 18-4-1965.

(2) Trước đây được diễn tả bằng phẩm từ : « sous-développé », (chậm tiến) ; nay được đổi thành : « en voie de développement » (đang tiến ; trên đường tiến bộ).

Tiếng Anh không dùng chữ « underdeveloped », mà dùng chữ « developing countries ».

Sự thay đổi không những nhằm thỏa mãn lòng tự ái của các dân tộc liên hệ, mà còn chú trọng đến khía cạnh nội dung và định nghĩa. Vì « sous-développé » có nghĩa tĩnh ; còn « en voie de développement » có nghĩ động hay đang tiến,..

khác tại Le Caire tháng 10 năm 1964 giữa các quốc-gia « không tham khối », một số chánh khách còn chủ trương rằng : không phải các nước lớn, giàu và mạnh *giúp đỡ*, mà trái lại, *trả nợ, bồi thường, chuộc tội* đối với các nước nhỏ, nghèo và yếu. Vì :các nước nghèo và yếu này đã bị các nước giàu và mạnh kia bóc lột ; và cái giàu của các nước mạnh là do cái nghèo của các nước yếu mà nên !...)

Nguyên tắc « đoàn kết », « tranh đấu », « tương trợ », của các quốc-gia Á-Phi, là một điều hay. Trước khi Hội nghị Bandoeng (họp tại Á-châu) năm 1955 bế mạc, các phái đoàn đã đồng thanh biểu quyết sẽ tái ngộ nhân một kỳ họp 10 năm sau, nghĩa là năm 1965, tại một nước Phi Châu. Và Hội nghị Á-Phi kỳ 2 sẽ nhóm họp tại Alger ngày 29-6-1965, nếu không có điều gì thay đổi bất ngờ vào giờ chót. Chúng ta đã có dịp phát biểu ý kiến về Hội nghị Alger, là : « *dù với bất cứ giá nào, dưới bất cứ hình thức nào, Việt Nam Cộng Hòa cần phải có mặt, vì quyền lợi và uy tín quốc gia* » (1)

## 2.

Các phái đoàn tham dự Hội nghị Bandoeng năm 1955 tạm chia tay, trong hân hoan và hy vọng. Ai nấy mong rằng đến Hội nghị Á-Phi kỳ 2, năm 1965, những thành quả sẽ được trình bày và ghi nhận. Nhưng mặc dầu những thành-tích đáng kể ở một vài nơi, chúng ta không thể bỏ qua những nứt rạn ở Phi-Châu, nhân các vụ Mauritanie, Congo. ., và nhất là ở Á Châu, nhân các vụ Cambodge / Việt-Nam, Indonesia / Malaysia, và Ấn Độ / Trung-Cộng...

Dù sao, kinh thành La-Mã chẳng thể xây dựng trong một ngày, thì trên đường tranh-đấu « vạn sự khởi đầu nan », những khó khăn buổi sơ khai làm sao mà tránh khỏi ? Một bước tiến là một bước tiến ; nên chi được tin Indonesia hô hào kỷ niệm 10 năm, Hội Nghị Bandoeng, một số quốc gia Á-Phi đã vội mừng thầm và sốt sắng chờ đợi để đáp lời... Ít nhất, các quốc gia đã họp mặt 10 năm trước, sẽ có dịp tái ngộ, để cùng nhau ôn lại chuyện xưa, và đối chiếu quan điểm, thông cảm lẫn nhau, hầu san bằng một phần nào ngộ nhận. Khách quan mà xét, đó là một sáng kiến hay, rất đáng khuyến khích.

## 3.

Tiếc rằng Indonesia đứng ra tổ chức lễ « kỷ niệm 10 năm Hội nghị Bandoeng » đã không có những ý niệm khách quan như vậy !

Tại Á Châu, Indonesia là quốc gia đứng hàng đầu chịu ảnh hưởng và chi phối của Cộng sản, luôn luôn sẵn sàng hướng các hoạt-động theo chiều đỏ quốc đỏ.

Sœkarno, Tổng thống Indonesia, luôn luôn khuyến khích Cambodge ngả về phe Trung Cộng, chống-đối các nước Tây Phương. Không một năm nào hai lãnh tụ Sœkarno — Sihanouk lại không trực tiếp hay gián tiếp «tỏ tình» với nhau: khi thì Sœkarnq (hay một trong số năm bà vợ của ông, hoặc một vài vị Tổng, Bộ Trưởng Indonesia) sang viếng Phnom Penh; khi thì Sihanouk sang viếng Djakarta... ; nhân các cuộc « công du thiện chí », lễ quốc khánh, hay « kỷ niệm đặc biệt ».

(1) Bách Khoa số 197, trang 7.

Hai thủ đô Djakarta và Phnom Penh, trong hai năm qua, đã nổi tiếng trên thế giới nhờ các cuộc biểu tình đập phá các tòa Đại sứ Anh và Mỹ : các cuộc biểu tình đập phá mệnh danh là dân chúng « phẫn nộ, tự động chủ trương », nhưng thực ra là do chánh quyền ra lệnh và điều khiển, trước khi ngụy biện che đậy một cách sống sượng vụng về...

Trước khi lên đường đi Djakarta dự lễ « kỷ niệm 10 năm Hội nghị Bandoeng », Sihanouk đã không nề hà lên tiếng, để làm hài lòng Sœkarno vốn không có thiện cảm với Việt Nam. Norodom Sihanouk tuyên bố « không cần nói chuyện với Saigon, vì trong thực-tế, chánh phủ đó coi như không có ! » (1).

Đối với Việt Nam Cộng Hòa, Soekarno nuôi một mối ác cảm mãnh liệt, bắt nguồn từ *tình trạng Indonesia lệ thuộc Trung Cộng, và do đó, nên Indonesia có rất nhiều mỹ ý đối với Việt Cộng.* Tháng 8 năm 1964, Sœkarno tiếp đón phái đoàn « Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam » nồng hậu : Tòa Tổng Lãnh sự VNCH phản kháng, chánh phủ Indonesia bất nhã đến mức không trả lời đúng với nghi lễ ngoại giao, mà chỉ lần lữa tỏ thái độ mập mờ... Kế đó, Indonesia nâng Tổng Lãnh sự quán Việt Cộng lên hàng Đại sứ quán, khiến Việt Nam Cộng Hòa dù có óc cộng tác khiêm nhường đến đâu, cũng không thể làm gì khác và hơn là đoạn-giao với Indonesia! Và từ đó, Indonesia lại càng có thái độ bất bình đối với Việt Nam, cùng là khuyến khích bằng cách này hay cách khác Cambodge cứng rắn đối với Việt-Nam !

Mặt khác, Malaysia là một quốc gia Á châu. Nhưng chỉ vì Malaysia theo chủ nghĩa quốc gia, chống đế quốc đỏ, ngả về phía Tây Phương, lại nữa, Indonesia và Malaysia xung đột, mà Indonesia tìm hết cách để gạt Malaysia ra ngoài Hội nghị Á-Phi kỳ 2 sẽ họp tại Alger ! (Hiện Phó Thủ-Tướng Malaysia là Tengku Abdul-Razak viếng thiện chí một số quốc gia Á-Phi để làm sáng tỏ lập trường của Malaysia, và chắc Malaysia sẽ được mời tham dự Hội nghị Á-Phi tại Alger).

4.

Tổ chức lễ « kỷ niệm 10 năm Hội nghị Bandoeng », Indosesia không mời hết thảy các quốc gia đã chánh thức tham dự Hội nghị, mà chỉ mời đa số các quốc gia bạn của Indonesia, cùng một quan niệm chánh trị với Indonesia ! (2) Một sự kiện như vậy không phải là một ngẫu nhiên sơ xuất : nó chứng tỏ một cách hùng hồn cả một dã tâm của Sœkarno đối với khối Á-Phi, cả một tình trạng lệ-thuộc của Indonesia đối với Cộng-Sản, hay đúng ra, *đối với Trung-Cộng !* (Vì Nga Sô không được tham khảo ý kiến, và Nga Sô cũng không còn tha thiết mong tham dự Hội nghị Alger !)

Indonesia không mời Việt Nam Cộng Hòa là quốc gia đã tích cực tham dự Hội nghị Bandoeng. Về phần các quốc gia được Indonesia mời tham dự lễ « kỷ niệm », ta nhận thấy các phái đoàn thật hùng hậu và long trọng. Phái đoàn Cambodge do Norodom Sihanouk hướng dẫn. Phái đoàn Việt Cộng có Phạm văn

(1) « Il est désormais hors de question de traiter avec Saigon dont la Gouvernement n'existe pratiquement plus ». Trích bài xã luận trong « Kambuja », số ra mắt, ngày 15 4-1965.

(2) Indonesia mời Thái Lan có thể coi như biệt lệ ! Và Thái Lan nhận lời tham dự để dễ phản đối là một thủ đoạn chính trị thông thường.

Đồng, Hoàng Minh Giám... Phái đoàn Lào Cộng (1) có ông Hoàng tử thiên Cộng Souphanouvong cầm đầu. Phái đoàn Trung Cộng do Chu-Ân-Lai lãnh đạo..

Soekarno đã mượn danh « lễ kỷ niệm » để họp mặt, và bàn chiến lược, hầu gây áp lực đối với các nước Á-Phi không thiên Cộng, để tạo điều kiện thuận tiện cho các nước Á-Phi thiên Cộng dễ thao túng Hội nghị Alger nhằm mục đích phụng sự Trung Cộng, nghĩa là đả-phá Tây phương !

Công cuộc này được thực hiện với rất nhiều kỹ-thuật và khoa-học : nấp sau tấm bình phong « đoàn kết Á Phi », lại hoạt động vừa hai tháng trước khi Hội nghị Alger chắc chắn sẽ nhóm họp, nghĩa là không gần quá, mà cũng không xa quá ! Trong thâm tâm các chánh khách tham dự «lễ kỷ niệm», chắc không thiếu xót những kế hoạch nhằm các mục phiêu sau đây :

— gạt Malaysia ra khỏi Hội nghị Alger,

— đả-phá các quốc gia Á-Phi không theo chủ nghĩa Cộng Sản hay Xã hội,

— chấp thuận sự hiện diện của các phong trào mệnh danh là « nhân dân », » ái quốc », ví dụ như « Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam »...

— loại ảnh hưởng của Cộng sản Nga, và mang thắng lợi cho Cộng sản Tàu...

Nói tóm lại, « lễ kỷ niệm 10 năm Hội nghị Bangdoeng », không hơn kém, chỉ là *một Hội nghị trù bị trá hình, nhằm biến Hội nghị Alger thành một diễn đàn đặc biệt, có sự tham-gia hiện diện của các phái-đoàn quốc-gia, nhưng các phái-đoàn cộng-sản (theo khuynh-hướng Trung-Cộng) sẽ toàn-quyền thao-túng và chi-phối !...*

## 5.

Nhiều quốc gia đã bắt đầu phản ứng, tuy chưa chánh thức. Nếu những thâm ý và tham vọng của Soekarno tiếp tục diễn tiến quá sống sượng, hay có cơ thành tựu một phần nào, thì tất nhiên có một số quốc gia Á Phi sẽ « tẩy chay » Hội nghị Alger.

Ngay hiện nay, đối với Hội nghị Alger:

— Nga không tha-thiết tham-dự ;

— Một số quốc gia trong « khối Liên Minh » (l'Entente : Côte d'Ivoire, Niger, Haute Volta,..) đã tỏ vẻ ngần-ngại và nghi-kỵ, có rất nhiều phần sẽ không tham-dự ;

— Và rồi sớm muộn, chắc một số quốc-gia khác cũng sẽ có những phản ứng tương tự.

Như vậy, rồi đây số phận Hội nghị Alger sẽ ra sao ? Và Hội nghị sẽ còn thẩm quyền mang danh nghĩa Á-Phi nữa chăng, một khi có một số không nhỏ các quốc gia Á-Phi đã rút lui, vì bất đồng ý kiến ? !

## 6.

Một chi tiết về thủ tục thông qua các quyết nghị tại Hội nghị Alger sau này — mà Indonesia đã có lần sốt sắng đề cập — cũng đáng cho chúng ta cùng lưu ý.

Nếu phải hội đủ *tổng số phiếu*, quyết nghị mới có thể thông qua, thì những quyết nghị quan trọng sẽ chỉ được thông qua một cách thật thận-trọng. Nếu chỉ cần đa số tuyệt đối hay tương đối, tất nhiên là các quyết nghị sẽ rất dễ dàng bị các phái đoàn Cộng sản « toa rập » để thông qua; nhất là gặp trường hợp một số không nhỏ các quốc gia Á-Phi không theo Cộng đã rút lui vì « tẩy chay » Hội nghị ! Diễn đàn khi

---

(1) Vì sau này, Indonesia còn mời cả phái-đoàn Lào trung lập Souvana Phouma !

đó sẽ *hoàn toàn Cộng sản* hay *bị Cộng sản « giật dây »*, nghĩa là vốn dĩ ác cảm với khối tự do trong đó có Việt Nam Cộng Hòa đang được dư luận quốc-tế đặc biệt chú ý sau những cuộc oanh tạc trả đũa miền Bắc Việt...

Hội nghị Alger, trong trường hợp này, sẽ mất hết tánh cách đoàn-kết Á Phi, mà chỉ còn là một trường thử thách và đọ sức phi lý : các quốc gia Á-Phi trong khối tự do sẽ vắng mặt vì đã « tẩy chay », hay bị « lép vế » nếu sẽ tham dự lẻ loi ; các quốc gia Á Phi trong khối Trung cộng sẽ tung hoành làm mưa làm gió, âm mưu mượn danh nghĩa Á-Phi để đề xướng nên những nguyên tắc phản quyền-lợi cũng như ý kiến chân thực của toàn-thể các quốc-gia Á-Phi.

**7.**

*Với những yếu-tố mới đó, Việt Nam Cộng Hòa cần phải duyệt lại nguyên-tắc có nên tham dự Hội-Nghị Alger nữa hay không ?* Nói như vậy không có nghĩa là Việt Nam Cộng Hòa phải gạt bỏ hẳn ý nghĩ tham dự Hội Nghị.

Chúng ta phải tiếp tục sửa soạn để tham dự. Nhưng từ đây đến đó, còn phải tùy theo tình thế biến chuyển. Nếu Hội Nghị còn giữ được một phần nào cái cốt-cách căn-bản của nó, thì Việt Nam Cộng Hòa vắng mặt sẽ có nghĩa như một sự đầu hàng, và uy tín quốc gia sẽ bị thương tổn rất nhiều trên trường quốc-tế. Còn nếu âm mưu của Soekarno có cơ tiến hành, và các quốc gia không thiên Cộng lên tiếng phản ứng « tẩy chay », thì khi đó Hội-nghị sẽ chỉ còn là một diễn đàn hoàn toàn Cộng-sản. Bổn phận chúng ta trong trường hợp này, không những là phải đứng chung hàng ngũ với các quốc-gia đã khởi sự phản đối, « tẩy chay » Hội-nghị Alger, mà còn phải thuyết phục thêm các quốc-gia bạn đề cùng không tham dự.

Diễn-đàn đã hoàn-toàn biến thành một dụng-cụ của Cộng-Sản Tàu, thì ta hãy mặc cho chúng ăn nói và quyết nghị với nhau : Sự hiện diện của Việt Nam Cộng Hòa, trong tình trạng như vậy không những không có lợi gì, mà chỉ có hại là vô tình và gián tiếp góp phần vào công cuộc thông qua các quyết nghị phản quyền lợi của chính mình...

Ít nhất các quyết nghị được thông qua với sự vắng mặt của hết thảy các quốc gia không thiên Cộng, cũng chứng tỏ một điều : đó chẳng phải là nguyện vọng của toàn thể các quốc-gia Á-Phi ; mà các quyết nghị ra đời chỉ là do *khối các quốc-gia Á Phi chư hầu Trung-Cộng*...

**8.**

Bài chưa kịp lên khuôn, thìnhững tin giờ chót đã xác nhận : những dự đoán trên đây có rất nhiều phần sẽ trở nên sự thực, và những lo ngại không phải là không căn cứ :

● Ủy ban tổ chức không mời hết thảy 29 quốc-gia đã tích cực tham dự Hội-nghị Bandœng năm 1955. Mặc dầu vậy cũng có tới 41 « phái đoàn » dự « lễ kỷ-niệm», và như thế có nghĩa là Indonesia đã mời rất nhiều đoàn thể « nhân dân », « ái quốc » ra đời mới gần đây, nghĩa là chưa ra đời hồi năm 1955 và như vậy tất nhiên không có danh nghĩa gì để dự « lễ kỷ niệm» ! Ý-kiến tây-vị, nhằm liên kết các quốc-gia thiên Cộng để dả phá khối Tự-do thực là rõ-rệt !

● Phái đoàn Trung-Cộng có Thủ-tướng Chu-Ân-Lai, Ngoại-trưởng Trần-Nghị, và 25 nhân vật khác, trong số có hai Thứ-trưởng Ngoại giao Trương-Hán Phu và Trần-Quan-Hứa.

Phái đoàn Việt-Cộng có Phạm-Văn-Đồng và 16 nhân viên.

Phái đoàn Lào-Cộng do Hoàng thân Souphonouvong cầm đầu.

Các phái đoàn này khi tới Djakarta, được chào mừng chung với 19 tiếng súng lệnh : Sự kiện chứng tỏ thâm ý của Indonesia nhằm vận động gây uy-tín cho Việt-Cộng trong khối Á-Phi, hầu chuẩn bị lá bài mà Trung-Cộng và Việt-Cộng sẽ dùng tại Hội-nghị Alger tháng 6 tới.

● Cờ của « Mặt trận giải phóng miền Nam » được ban tổ-chức treo cạnh cờ Việt-Cộng, và đây là *lần đầu* cờ này được phép xuất hiện nhân một cuộc họp mặt quốc-tế !

● Từ Comlombo, Thủ-tướng Tích-Lan D. Senanayake không che đậy nỗi bất bình, đã khách-quan ngỏ lời công-phẫn : « tinh thần Bandœng đang xuống giốc ! (1). Ở một chánh khách Tích-Lan nhận xét như vậy thật đầy ý-nghĩa ..

● Nhưng, thái độ của Ngoại-trưởng Thái-Lan Thanat Khoman mới thật đáng cho chúng ta lưu ý, và cảm-kích. Thái-độ đó khiến chúng ta không những an-ủi một phần nào, mà còn là thêm một nguồn tin tưởng và phấn khởi.

**9.**

Ngoại-Trưởng Thanat Khoman từ biệt Bangkok thứ sáu 16-4 để kịp dự « lễ kỷ niệm », khai-mạc ngày 18-4, chủ-nhật, tại Djakarta. Các cuộc thi đua hùng-biện bắt đầu. Và Ngoại-trưởng đã ngay tức khắc đứng dậy ra khỏi phòng họp, để tỏ lòng công phẫn ! Đáng lẽ Ngoại-trưởng về ngay Bangkok, nhưng vì không gặp chuyến phi cơ nên phải hoãn đến hôm sau, 19-4-1965.

Tại phòng danh dự phi-trường Don Muong, (Bangkok), Ngoại-trưởng được các ký giả đón tiếp và phỏng vấn. Và cùng với toàn thể phái đoàn Thái-Lan (gồm có trưởng phái đoàn và hai nhân viên cao cấp Bộ ngoại-giao : Hoàng-thận Vongsamahip Jayangura phát ngôn viên và ông Pariyart Kunakasem Thứ trưởng), Ngoại trưởng Thanat Khoman vui vẻ đáp lời :

— Có những sự kiện bất nhã đã xảy ra ! Phái-đoàn Thái-Lan phản đối, rút lui, vì Đại-diện Bắc-Việt đã đọc một bài diễn-văn dài tới 45 phút, mặc dầu y không có quyền ăn nói như vậy tại buổi lễ (2)

Ngoại trưởng Thanat Khoman tình-cờ gặp Ngoại-trưởng Trung-Cộng Trần Nghị, nhân một buổi tiếp tân. Trần-

---

(1) A.F P. ngày 22-4-1965. Tout ne va pas pour le mieux au sein de la famille Afro-Asiatique, et il semble bien que, depuis 1955, ce qu'on appelait fièrement «l'esprit de Bandoeng» ait connu quelque déclin.

(2) «...certain incidents happened that were not suitable. The Thai delegation took part in the meeting... but since certain incidents occured that were not suitable, the Thai delegation had to withdraw... The reason for the withdrawal was because the North vietnamese representative made a speach lasting as long as 45 minutes, though he had no right to take part in the meeting or make any speech at all...»

Nghị nâng ly chào người « bạn cũ » (1) quen biết từ thuở Hội-nghị Genève! Và Ngoại-trưởng THANAT KHOMAN đáp lời :

— Ông muốn đi Genève thì cứ việc... Còn tôi không dự-tính đi... (2).

Ngoại-trưởng THANAT KHOMAN cũng tình cờ gặp gỡ và bắt tay ông Hoàng NORODOM SIHANOUK, Quốc-trưởng xứ Chùa Tháp (3). Chúng ta chưa quên vụ Chánh-phủ Cambodge treo cờ ăn mừng và các nhân viên nội các Cambodge đeo hoa hồng trên « ve » áo tỏ-lộ hân hoan khi được tin Thủ-tướng Thái Sarit Thanarat tạ thế, cuối năm 1963. Ngoại-trưởng THANAT KHOMAN đã nói với ông Hoàng NORODOM SIHANOUK :

— Dường như chúng ta có quen nhau !?... Và tôi còn biết là Thái-tử cầu cho tôi chết... Nhưng tôi vẫn còn sống, và lại khỏe mạnh hơn trước. Cũng nhờ vậy mà tôi có thể tới dự lễ kỷ-niệm 10 năm Hội nghị Bandoeng. . (4).

Sau này trở về Bangkok, Ngoại-trưởng còn tuyên bố rõ ràng hơn, nhân vụ ông phản-kháng Indonesia. Ông nói : « kỷ-niệm 10 năm Hội nghị Bandoeng không nhằm mục đích gì khác hơn là biến cuộc hội-họp thành *một diễn đàn để tuyên-truyền cho Cộng-sản ! Những nguyên tắc Bandoeng đã bị vi-phạm về tinh-thần cũng như thành văn.* Lễ kỷ-niệm đã chú trọng *huy-động những lực lượng Á-Phi hầu ủng-hộ Bắc-Việt xâm lăng Nam-Việt, và chánh-sách của Indonesia muốn tiêu diệt Mã-Lai-Á* » (5). Một sự việc trắng trợn như vậy không thể tha thứ được...

Ngoại-trưởng Việt-Nam TRẦN-VĂN-ĐỖ được tin này, đã sốt-sắng gửi điện-văn chúc mừng và cám ơn Ngoại-trưởng Thái-lan THANAT KHOMAN. Thái-độ can-đảm của Ngoại-trưởng Thái-Lan đã « làm nảy-nở trong dân-chúng, quân-đội và giới lãnh-đạo Việt-Nam, một nguồn vô-biên an-ủi và phấn khởi », và « sự-kiện đã xảy ra tại Djakarta cho phép chúng ta ức-đoán Cộng-sản sẽ không ngần-ngại tái diễn những thao-túng tương-tự nhân dịp Hội-nghị Alger ! » (6).

10.

Trong khuôn-khổ tạp-chí này, chúng tôi mong sẽ có dịp giới thiệu tường-tận cùng các bạn đọc : Ngoại-trưởng THANAT KHOMAN, đối với Việt-Nam, là một người bạn thân, sáng-suốt, chân-thành, và can-đảm... (7).

---

(1) I drink to an old friend in Genève...

(2) Go, if you want to. I'm not going...

(3) Thái-Lan và Cambodge đoạn giao. Vì vậy những vụ bắt tay như đây, mặc dù chỉ là xã-giao bề mặt, cũng rất hãn hữu. Theo thông-lệ ngoại-giao, các nhân vật đại diện cho hai quốc-gia đã đoạn-giao phải tránh gặp nhau. Trừ khi gặp trường hợp bất khả kháng thì cũng chỉ chào nhau cho có lệ.

(4) « I think we are acquainted. Though you have prayed for my death, I have become even stronger and more healthy and that is why I am able to attend this meeting and celebrations... » (Bangkok World, 20-4-1965).

(5) « Forum destiné à servir la propagande communiste. Les principes de Bandoeng y sont violés dans leur esprit comme dans leur lettre. Mobiliser les Afro-Asiatiques en faveur de l'agression du Nord-Vietnam contre le Sud-Vietnam et de la politique de l'Indonesie visant à écraser la Malaysia ».

(6) « ... a fait naitre en nos compatriotes, notre armée et nos milieux dirigeants immense réconfort et encouragement... Incident Djakarta laisse prévoir que communistes ne manqueront pas de procéder aux mêmes manoeuvres au cours prochaine Conférence Alger... ».

(7) Indonesia là một khách hàng quí của Thái-Lan về gạo. Nhưng đó không phải là một cớ để Ngoại-trưởng Thanat Khoman ngần-ngại phản-đối ra về..

Những người bạn như vậy thật đáng quí, nhất là đối với nước ta, trong tình-trạng như hiện nay « kẻ thù chờ ở ngưỡng cửa và ngay cả trong nhà » chúng ta (1), như lời Tổng-thống Houphouët — Boigny xứ Côte d'Ivoire thông-cảm, thân-tình, vừa hội-đàm với phái-đoàn Trần-Văn-Tuyên viếng thăm thiện-chí Phi-châu. Những kẻ thù đó âm-mưu, lập khối, kết đoàn, tại Djakarta. Chúng hy-vọng sẽ thao-túng Hội-nghị Alger tháng 6 tới đây...

Soekarno đề-cao Việt-Cộng « ái-quốc ». Phạm-Văn-Đồng ca-ngợi Soekarno « can-đảm phi-thường khi rút lui khỏi Liên-Hiệp-Quốc ». Norodom Sihanouk kêu Phạm-Văn.Đồng là « người bạn thân anh em » (2) và Norodom Sihanouk lên tiếng, hy-vọng rằng : lễ kỷ-niệm 10 năm Bandoeng và « đệ nhị Hội-nghị Á-Phi tại Alger sẽ mở mắt tất cả những quốc-gia Á-châu đang lầm đường lạc lối ủng-hộ Tây-phương ! » (3)

Giữa một bối-cảnh như vậy, hình-ảnh của THANAT KHOMAN (4) chẳng khác nào một tia sáng trong đêm tối.

Từ nay tới tháng 6-1965, chúng ta còn nhiều yếu-tố để thận-trọng cứu-xét, và can-đảm quyết-định sẽ

CÓ HAY KHÔNG THAM-DỰ HỘI-NGHỊ ALGER ?

Nhưng dù sẽ có hay không tham-dự, thì chương-trình và chiến-thuật « tấn-công ngoại-giao » mà Chánh-phủ PHAN-HUY-QUÁT đã lớn tiếng đề-cập, cần phải được sớm và tích-cực thực-hiện.

*
* *

Trên chiến-trường ngoại-giao và diễn-đàn quốc-tế, Việt-Nam còn cần rất nhiều *nước bạn* như THÁI-LAN, và *người bạn* như THANAT KHOMAN...

**PHẠM-LƯƠNG-GIANG.**
Saigon 23-4-1965.

## SÁCH BÁO MỚI

— **Mẹ Á châu** tập truyện của Kiêm Minh do Hữu Nghị xuất bản và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 126 trang, gồm 9 truyện ngắn, giá 50.

— **Chuẩn bị và vệ sinh tuổi già** hai bài diễn văn của B. S. Nguyễn hữu Phiếm và B. S. Trần văn Bảng tại hội quán Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Trường Bưởi ngày 5-11-64. Sách dày 26 trang, do Kim Lai ấn quán ấn hành và tác giả gửi tặng.

— **Đại Học Đà-Lạt**, nội san in ronéo, tiếng nói của Tổng hội sinh viên Đàlạt. Số ra mắt khổ 21 x 27 dày 32 trang.

— **Đại Chúng** : số 1 tháng 3-65 Tập san in ronéo dày 16 trang khổ 21 x 27 do ô. Đan Tâm làm chủ bút và thư từ gửi về B. P. 40.

— **Khuôn mặt của chúng ta.** tập thơ của Thế Viên do Sáng Tạo xuất bản và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 150 trang gồm 60 bài thơ. Bản quý không đề giá.

(1) l'ennemi est à votre porte ; il est même déjà dans votre maison...

(2) ...dear friend and brother...

(3) «...the second Afro-Asian Conference would reconcile Asian Nation who mistakenly are supporting the Western world...».

(4) sanh năm 1914 tại Bangkok. Luật khoa tiến sĩ và tốt nghiệp chánh trị học tại Pháp. Vào làm việc tại Bộ Ngoại giao hăm 1940. Đã từng giữ chức : Đại lý tại Washington, New Delhi ; Giám đốc chánh trị tại Bộ ; Đại sứ tại Hoa kỳ ; Guatemala. Hiện là Ngoại-trưởng Thái-lan.

*Nhân đọc cuốn*

# « Tìm Đẹp » của Đoàn Thêm

• *TRẦN HƯƠNG TỬ*

Tìm Đẹp. Đẹp là gì ? Đó là những đề tài được tác giả nêu lên và cố gắng đem ra một giải đáp. Và thay vì đưa chúng ta vào lãnh vực những quan niệm trừu tượng và những định nghĩa đại quan, tác giả đã khéo hướng dẫn chúng ra rảo qua những vườn thơ, những triển lãm hội họa và điêu khắc, những buổi hòa nhạc của nhiều thời đại khác nhau, để chúng ta thưởng ngoạn và chứng nghiệp Đẹp. Đẹp muôn vẻ. Đẹp muôn thể. Đẹp huyền diệu của thi ca, mở cho ta thế giới của siêu thoát. Đẹp du dương của hòa-âm làm người trần quên được cảnh trần ai và cao-hưởng tiêu diêu trong giây phút. Rồi điêu khắc và hội họa với những chiều hướng, màu sắc và hình thể những thế giới mà chúng ta chưa từng thấy và chưa từng dự đoán : trong những thế giới đó của Thẩm mỹ, ta thấy vạn vật hiện ra đẹp hơn cái đẹp mà ta thường ngắm, hoặc tiều tụy hơn cái tiều tụy mà ta thường gặp, hoặc bi thảm hơn tất cả những gì là bi thảm mà ta đã cảm thông, hoặc hùng tráng hơn tất cả những gì là hùng tráng mà ta đã thán phục...

Như vậy, không có Đẹp ở trên trần gian ? Hoặc những cái đẹp của trần gian chỉ là những vẻ vời của một Đẹp thực sự mà Platon đặt ở trên Linh-giới và tác giả đã đề cập nơi những trang 15-18 ? Và đã vậy, thì đâu là thực và đâu là giả ? Nếu thế giới sinh hoạt thường ngày của ta là thực, phải chăng thế giới thẩm mỹ là ảo tưởng ? Nếu thế giới của thẩm mỹ là thực hơn cái thực của thế giới thường nhật, có lẽ ta phải coi thế giới thường nhật của ta là không thực, là giả chăng ? Vấn đề này đã được Platon đặt ra và đã làm bận đầu óc của các triết-gia tự hơn hai mươi thế kỷ. Platon và truyền thống triết học Tây phương không sao tìm ra được câu giải đáp cho vấn đề kia, chỉ vì các ông đã bắt đầu bằng sự phân chia thế giới khả tri và thế giới khả giác, thế giới của tri thức và thế giới của cảm giác, thế giới của linh hồn và thế giới của thể xác. Nhị-nguyên là tội tổ-tông của triết Tây phương : nó đã gây nên bao nhiêu mâu thuẫn và sai lầm, nó đã lần lượt chủ trương con người chỉ là hồn, rồi lại chủ trương con người chỉ là xác, tri thức chỉ là quan niệm với Descartes, rồi tri thức chỉ là cảm-thọ với Hume chẳng hạn. Nhưng, cho dù chủ trương tri-thức là quan-niệm hay chủ-trương tri

thức là cảm-thọ, họ vẫn đồng ý ở chỗ quyết rằng *có* thế giới trước khi đó *là* thế giới *cho tôi*. Nói cách khác, họ quả quyết một cách ngây thơ rằng thế giới là như thế như thế, mặc dầu thế giới chưa là đối tượng cho một cái nhìn và một ý thức nào hết. Như vậy, thế giới của họ là một thứ thế giới *tuyệt đối*, nghĩa là không đối diện với một cái nhìn nào hết và không được một tâm-thức nào gọi tên và nhận-thức. Duy-tâm và Duy-nghiệm đều chủ-trương có cái thế giới hoàn toàn khách-thể, tức thế giới tuyệt đối đó. Họ chỉ phản đối nhau về phương pháp tri-thức : bằng tâm, tức bằng quan-niệm, hay bằng vật tức bằng cảm giác.

Bao lâu triết-học còn lẩn quẩn trong sự phân tách khả tri và khả giác, và nhất là bao lâu con người còn ngây thơ chấp nhận cái thế giới hoàn toàn khách-thể kia, thì không làm sao giải quyết được vấn đề tương quan giữa lý tưởng và thực-tại. Đàng khác, bao lâu chúng ta còn coi nhẹ vai trò của cảm giác, coi cảm-giác là âm vang theo sau tri-thức, thì Thẩm mỹ và Kỹ thuật vẫn bị khinh rẻ như một xa xỉ phẩm. May thay ! khoa Hiện-tượng-học của Husser! đã vạch cho ta thấy vẻ ngây ngô và hụt lý của những ai chủ trương có thế giới khách-quan tuyệt-đối, và sau đó

*ĐÃ CÓ BÁN :*

**Tương-lai Văn-Hóa Việt-Nam**

**của HỒ-HỮU-TƯỜNG**

*(In lần thứ ba)*

— Bản di chúc tinh thần viết ở Hà Nội năm 1946 trong một hoàn cảnh đặc biệt cho thế hệ mới chào đời năm ấy.

*Giá 22đ.*

HUỆ MINH xuất bản — SỐNG MỚI tổng phát hành

*TÌM ĐỌC :* **Vùng Kỷ-Niệm**

**Đoản tác của VŨ-THÚY THỤY-CA**

VÙNG KỶ-NIỆM : Một bản trường ca của tình người, của những ai đã từng linh cảm mỗi giờ về thân phận mình trước cuộc đời.

**D. P. Thanh-Huyền-Nga Hội An.**— Sống và viết với Nguyễn-Hiến-Lê đã rao lại trong B K. T.Đ. số nầy và sẽ đăng trong một hai số tới đây. Đã chuyển những bài thơ cho người phụ trách về thơ của B K.

**ô. Hà-minh-Đức Dầu Tiếng.**— Đã nhận được bưu phiếu và thư. Rất cảm ơn về những nhận xét trong thư. Những đề tài đã rao sẽ đăng hết trong những dịp thuận tiện.

**Phan đức Bình-Minh Đalat.**— Rất cảm ơn về lá thư góp ý của ông Chúng tôi sẽ nghiên cứu lại những đề nghị trong thư.

TÒA SOẠN BÁCH KHOA THỜI ĐẠI

triết lý *Dasein* của Heidegger đã vén màn cho ta thấy thế nào là « tại thế » và thế nào là « thế-giới hình-thành thế giới ». Triết-lý « tại-thế » của Heidegger đã chấm dứt sự phân chia khả-tri và khả-giác : con người chỉ tại thế và tri-giác, khi con người là hồn xác nhất-thể; hơn nữa, con người tại thế *chưa* tự ý-thức về mình như sau này khi phản-tỉnh và suy-niệm, cho nên Merleau-Ponty đã có lý để nói rằng : khi nhìn hoặc sờ vạn vật, thì tôi *là* mắt tôi, tôi *là* tay tôi và tôi *là* sự nhìn và *là* sự sờ đó, thành thử ý-thức tôi chưa rút ra khỏi tay tôi như khi tôi khoe bàn tay *nhỏ nhắn* của tôi, hoặc như khi tôi soi gương để xem mắt tôi ; hơn nữa, khi tôi nhìn và sờ vạn vật, nghĩa là khi tôi tại thế, thì tôi và sự vật còn là một cái gì nhất-thể, tôi hoàn toàn *chỉ hiện-hữu cho* đối-tượng kia, cũng như nó chỉ là như thế cho mình tôi. Chỉ sau đó, sau sự « tiếp-thông » này giữa tôi và sự vật, mới có sự phân biệt chủ-thể và đối-tượng, rồi nhân đó chúng ta mới ngộ nhận rằng đối-tượng *vẫn* có tính-chất khách-quan như thế.

Một khi đã bỏ được cái thiên-kiến về thế-giới tuyệt đối khách-quan, người ta mới có thể hiểu thế nào là « thế-giới hình-thành thế-giới », thế-giới *đã bắt đầu* là thế giới với mỗi cách « tiếp-thông » của con người : thế giới đã là thế giới đầy kinh hãi của người thượng cổ, với bao nhiêu quỷ thần, yêu tinh và mãnh lực ; rồi thế giới đã trở thành thế giới thản-nhiên một cách phi nhân đạo của thời kỳ đề cao khoa-học thực-nghiệm, để rồi trở thành thế-giới huyền-nhiệm vượt quá mọi quan-niệm và giả-thuyết của thế hệ khoa-học hiện nay. Sự hình-thành của thế giới cũng giống sự hình thành của một tác-phẩm mỹ-thuật : sự hình-thành đó là một trong muôn ngàn thể-hiện *có thể*. Mỗi vũ-trụ-quan là một cái nhìn mới, khua động một miền sâu mới, và gọi lên được một vẻ mới chưa từng thấy của cõi Bao-la. Cõi Bao-la này được Heidegger gọi là *Ẩn-tàng vô-tận*. Không bao giờ nghệ sĩ sợ hết việc, vì sáng-tác không bao giờ làm cạn được Vô-tận. Với mỗi « tiếp thông » trung-thực, ta lại thấy hình-thành một thế giới mới. Và mỗi tác phẩm mỹ-thuật đích-thực đã sáng-tạo nên một thế giới mới, thế giới *của* các sự vật có cái Thể như thế : Những nhân vật của Corneille không thể ở trong thế giới của Sartre hay của Montherlant, và những tĩnh-vật của Cézanne không cách nào có chỗ đứng trong thế giới tĩnh-vật của Gris, vì đó là những thế giới khác nhau với những khung cảnh và chiều hướng hoàn toàn khác nhau Khác nhau hơn cả một cảnh mùa đông và một cảnh mùa hạ, một miền nhiệt-đới và một miền ôn-đới. Cảnh nào vật ấy, mùa nào thức ấy, và cũng vậy : mỗi cái nhìn, mỗi « tiếp thông » của nghệ sĩ đều vén lên một chân trời mới và một thế giới mới cùng với những sự vật *của* thế giới đó.

Như vậy, chẳng những có thế giới của âm thanh do những bản hòa nhạc khơi lên, mà còn có những thế giới của các chiều hướng và màu sắc « ẩn tàng » do họa-sĩ khám-phá ra và mời chúng ta đi vào. Hơn nữa, thế giới âm thanh của Mozart là một thế giới khác, thế giới âm thanh của Beethoven là một thế giới khác. Thế giới của Delacroix khác hẳn thế giới của Renoir, và thế

giới của Gauguin khác hẳn thế giới của Van Gogh : những nhân vật và hình sắc của thế giới nọ không thể kiếm được chỗ đứng trong thế giới kia. Có nhiều thế giới như vậy ư ?

Đặt vấn đề « nhiều thế giới » cũng là đặt vấn đề « thế giới hình thành thế giới ». Sự hình thành này bắt nguồn nơi mối « tiếp thông » uyên-nguyên giữa phần tinh-anh của nghệ-sĩ và phần huyền-nhiệm của Ẩn-tàng vô tận : mối tiếp thông càng sâu xa và trung thực, tác-phẩm mỹ-thuật càng độc đáo và bất diệt. Khi tác phẩm đã hoàn thành và được trình diện với quần chúng, quần chúng có cảm giác mình được dẫn vào một miền xa lạ, một thế giới mới, rất mới, nhưng đồng thời mình vẫn nhận ra một âm vang quen thuộc nào đó. Thì ra miền mới đó của thế giới lại chính là một miền mới của tâm-hồn : miền đó của thế giới hầu như vẫn có đấy, vẫn chờ đó cho tới khi có một phần tinh-anh của nhân-loại gọi tên, thì tất cả nhân loại đều cảm thấy mình cũng có khả-năng để nhận-thức như nghệ sĩ đã sáng tạo ra nó. Cho hay : mỗi người chúng ta đều có thể là Racine, là Nguyễn-Du, là Mozart, là Honeiger, là Cézanne, là Utrillo.. , nhưng chỉ Racine đã thực sự là Racine, và chỉ Utrillo đã thực sự là Utrillo, còn chúng ta phải đợi có Racine và có Utrillo đã, chúng ta mới nhận ra và khoái-trá cái miền thế giới Racine và thế giới Utrillo vẫn nằm chờ ở trong ta.

Không có thế giới Apollinaire trong ta, sao thế giới đó lại chỗi dậy khi ta nghe thơ Apollinaire ? Không có Thế âm-thanh Ravel trong ta, sao ta lại thấy quen thuộc đến mê-ly khi nghe nhạc Ravel ? Không có chiều-hướng Lập-thể ở trong ta, sao thế-giới hội-họa Lập-thể của Gris lại mở ra đón chào ta vào, như đón chào một người đã hiểu biết nhau và có chuyện để nói với nhau ? Thì ra, đúng như Heidegger nói, « *con người ở đời như một thi-gia* » và *con người là kẻ phục-dịch cho Hữu-thể* » (l'homme est le serviteur de l'Être). Tuy nhiên riêng chỉ những thành phần tinh anh của nhân loại mới là những « con người » có thể « ở đời như một thi-gia » và có khả-năng để « phục dịch cho Hữu-thể ». Heidegger hiểu chữ « Thi-ca » (Poiesis) theo nghĩa nguyên-thủy của nó là : sáng tạo. Và triết-nhân cho rằng bản-chất trung-thực của con người là sáng tạo, là mặc khải, là gọi tên những gì cho đến nay vẫn chưa ai biết đến. Như vậy, những Thi-gia và nghệ-sĩ đích-thực đã tỏ ra có đầy đủ bản-chất của con người : chỉ họ mới là những con người theo nghĩa của Heidegger. Họ đã làm người, và chúng ta nhờ họ mà làm người : họ đã sáng tạo và mặc khải, rồi vì họ là người như ta, nên khi họ thể hiện và làm phong phú cho bản-chất con người đồng thời họ cũng làm chúng ta rộng thêm khả năng nhận-thức, mở rộng thêm một miền nữa của Ẩn tàng vô-tận. Và miền mới này được khai mở, cũng bởi vì tâm-thức ta vừa có mở thêm tầm nhận-thức. Nói đúng ra, chính mối « *tiếp thông* » vừa khai mở rộng thêm, và sự khai mở này (sự khai mở uyên-nguyên) đã phát sinh ra sự khai mở của thế-giới và của tâm-giới đối diện với thế-giới đó. Chỉ có những phần tinh anh của nhân loại, những thi-gia và khoa-học-gia, những nghệ-sĩ và kiến-trúc

gia đích thực mới cư-ngụ nơi mối, *tiếp-thông* giữa thế-giới và Ẩn tàng, giữa Hữu-thể và Vô-thể, để gọi ra ánh sáng những gì còn man mác trong Ẩn-tàng' và để giúp (phục dịch) cho những gì còn khả-thể chuyển mình sang hiện-thể...

***

Vô tình chúng ta vừa chạm phải vấn-đề khá tế nhị của khoa Thẩm-mỹ. Vấn-đề mà tác-giả nêu một cách rõ ràng nơi những trang 140-144 : tương quan biện-chứng giữa Riêng và Chung, giữa Độc-đáo và Thông-cảm (truyền cảm). Tác giả đã nhận định rất đúng khi viết : « Thể-tính phải chứa phần Chung để giao cảm, nhưng còn phải độc-đáo như của Hóa-công, mới có sáng-tạo là nghệ-thuật-tính thuần-túy » (trg 144a). Thực ra, khi sáng tác, nghệ-sĩ không để ý đến ai hết. Nghệ sĩ quá si mê với sự khai sáng của mình. Si mê trong một thế *xuất thần*. Chính trong chỗ xuất thần đó, nghệ sĩ đã vươn mình lên trên tất cả những gì là thường nhật. là cũ kỹ, là sở đắc của nhân loại : nếu nghệ sĩ cóp lại thiên nhiên của thường nghiệm, thì tác phẩm làm sao đáng gọi là sáng-tác ? nếu nghệ sĩ chắp nối những gì của mình và của người, thì độc-đáo làm sao được ? Vậy chỉ có một cách làm nghệ-sĩ trung thực : « *Anh hãy trở nên chính mình anh* » (Deviens ce que tu es. NIETZSCHE). Khi nghệ-sĩ *thành* với mình nhất, cũng chính là khi nghệ-sĩ độc đáo nhất, đồng thời cũng là khi nghệ sĩ đạt tới miền trung-thực nhất của đáy lòng người, cái đáy mà nhân loại chưa ai khơi lên, nhưng khi khơi lên thì ai cũng tự nhận thấy mình trong đó. Mikel DUFRENNE đã nhận định sâu sắc khi viết :

« L'œuvre exprime une essence singulière, mais qui porte en elle une essence humaine, et qui la porte éminemment.. L'essence n'est donc pas un moyen d'habiller, d'orner ou de camuf er une essence humaine. Elle est une façon de réaliser une essence humaine en assumant la condition humaine, et d'abord en assumant sa singularité : la seule façon d'être homme est d'être soi ». (Mikel DUFRENNE, *Phénoménologie de l'expérience esthétique*, t.II,p.591).

« Tác-phẩm nói lên một bản-chất độc-đáo, nhưng bản chất này lại mang trong mình cái bản chất nhân-loại, và mang một cách viên mãn .Bản-sắc không phải là một cách phủ lên, hoặc vẽ vời để che khuất cái bản-chất con người. Nhưng nó là sự thể-hiện bản-chất nhân-loại trong chính thân-phận của mỗi người chúng ta, và trước hết là trong chính sự riêng tư của mỗi người chúng ta : chỉ có một cách để làm con người, đó là : là mình ». Hễ mình là mình một cách trung-thực, nhất định mình là con người, và như vậy mình thông-hiệp với những gì là « người » nhất nơi quần chúng. Anh hãy trở nên chính mình anh. Mình phải là mình một cách trung thực, mình mới là « con người » : khi đó mình rung cảm thì sẽ rung cảm cả nhân loại và thế-giới, vì mình đã tìm thấy Đẹp thực-sự.

Có phải mọi rung cảm, mọi linh ứng của nghệ sĩ đều là trung thực cả chăng ? Chắc là không. Biết bao nhiêu tác phẩm

bị phủ nhận, bị loại ra ngoài gia-tài của nhân loại coi như những quái thai. Tại đâu? Có phải tại mới quá? Không gì mới bằng sáng tạo ; nếu nhân loại khao khát và luôn luôn chào đón sáng tạo, mà lại không đoái hoài những cái « mới » kia, có lẽ chỉ vì những cái « mới » đó không phải là sáng tạo đích thực. Không có sáng tạo đích thực, vì nghệ sĩ đã không *là mình* một cách trung thực : nghệ sĩ đã muốn lập dị, hoặc mô tả *quá* cái mà mình thực sự linh cảm. Nhất là vì nghệ sĩ đã không « tiếp thông » tới mức sâu xa, tới mức *xuất thần*.

Cái « mới » giả tạo đó không gây được cảm thông đầy kính phục và yêu quý như khi ta đứng trước một sáng tác đích thực, nhưng chỉ làm cho ta buồn tủi vì không cách nào nhận ra cái mà nghệ sĩ kia quả quyết rằng vừa lấy ra tự trong Ẩn-tàng của bản chất con người. Thay vì tình cảm yêu kính, người ta có cảm giác khó chịu như khi gặp nhầm một người được giới thiệu là bạn cũ mà thực ra mình chẳng biết ở mô tê.

oOo

Còn một vấn đề nữa ta thấy bàng bạc trong cuốn biên-khảo này, cũng như trong cuốn *Tìm hiểu hội-họa* của tác giả : vấn đề tương quan giữa thế giới thiên nhiên và thế giới thẩm-mỹ. Đó cũng chính là vấn đề chúng ta đã nêu lên ở trên kia và chưa mang lại một giải đáp dứt khoát Giữa hai thế giới đó, cái nào là thực và cái nào là giả ? Cái nào là điển-hình, cái nào là ấn-bản ? Có lẽ đặt vấn đề như thế không đúng, và giải đáp như Platon cũng không nhằm, và giải đáp như bác nông phu cũng không đúng. Cả hai cách giải đáp đều sai, vì cả hai đều giả thiết cái nhìn của mình là *tuyệt đối* và là *căn bản* cho mọi thứ nhận-thức khác. Thực ra thế giới không bao giờ hiện ra nguyên hình. Mỗi cách nhìn, mỗi cách « tiếp thông » chỉ cho ta thấy một trong muôn ngàn bộ mặt của Thế giới, nghĩa là chỉ « phục dịch » cho một « thế giới hình-thành thế giới ». Không có cái nhìn nào khách quan hết. Quyết có cái nhìn khách quan, là quyết một điều không tưởng và phi-lý. Nếu sự vật chỉ là cái *ý-nghĩa* mà ta nhận thấy, thì bãi bể Nha-trang là một cảnh tuyệt đẹp đối với tôi, nhưng một người đã quen với những bãi Biarrtz, Trouville, Nice ở Pháp hay Miami ở Mỹ lại cho nó là tầm thường ; những ngư phủ của Nha-trang chỉ thấy bãi đó là nơi không có cá, vô dụng : và người nông phu ở miền trong đất, lạc ra tới bãi Nha trang, chỉ thấy thất vọng trước bãi cát trắng và dòng nước mặn. Nha-trang nào đúng hơn trong bằng ấy cái Nha-trang ? Thành thử cái mà ta cho là thực-tại (réel), chỉ thực-tại cho cái nhìn đó thôi. Phải chăng ta phải kết luận rằng : cái nhìn của con người ngoài đường, cái nhìn của nghệ-sĩ và cái nhìn của nhà khoa-học (thiên-văn, vật-lý v.v ) là những cách nhìn đặc biệt khác nhau, không cái nào rập lại cái nào, và mỗi cái cùng phục-dịch cho sự hình-thành của một thế giới khác nhau. Nói thế không phải chúng ta chủ-trương thuyết Duy tương-đối ; trái lại chúng ta chủ trương có tuyệt đối, và tuyệt đối đó là Bao-la vô-biên và Ẩn-tàng vô-tận đang bao trùm chúng ta và « thế-giới » của chúng ta. Siêu-hình-học gọi Bao-la đó là hữu-thể, và còn cho biết ta không phải là

Hữu-thể và không bao giờ gọi được đúng tên của Hữu-thể Mỗi cách gọi của ta chỉ là một bập bẹ. Mỗi cái nhìn của ta mới chỉ là một tìm hiểu. Một chiều hướng của Hữu thể. Riêng về tương quan giữa cái nhìn của nghệ-sĩ và cái nhìn của người ngoài đường, phải chăng ta nên chấp nhận quan điểm cho rằng cái nhìn của nghệ sĩ là cái nhìn linh nghiệm, hoặc làm xuất hiện một thế giới mới, hoặc ít ra cũng giúp chúng ta nhìn cái thế giới thường nhật của chúng ta với một chiều sâu mới: nhờ hội họa, kịch trường, thi ca v.v. mắt ta sáng hơn lên và sức thụ cảm của ta cũng sâu xa hơn, nhờ đó ta thấy cái đẹp ở cảnh vật thiên nhiên đẹp hơn trước, và thấy cái nghèo khổ của xóm nhà lá cơ cực hơn. Người ta nói nghệ thuật thêm cho ta một *con mắt thứ ba* phải chăng là thế?

Cái nhìn của người ngoài đường đã khơi lên thế giới thường nghiệm. Cái nhìn của nghệ sĩ trung-thực đã vén màn cho ta thấy một thế giới thẩm-mỹ. Và cái nhìn của khoa-học thực-nghiệm đã tạo nên một thế giới mệnh-danh là khách-quan (thản nhiên là phi-nhân). Ba thế giới này không thể đem so sánh với nhau, vì là thành-quả của ba mối « tiếp thông » hoàn toàn khác nhau. Nhưng cả ba cùng ở trong bản-chất con người, cũng như cả chúng ta và ba thế giới kia cùng ở trong và cùng dẫn đến một Thực-tại duy-nhất: Hữu-thể. Khi triết Ấn-độ muốn gọi tên Hữu-thể, thì gọi là: « Ấy » (Tad). Khi triết Tây phương hiện-đại đánh bạo gọi tên Hữu-thể, thì đành kêu là: « Huyền-nhiệm ».

**TRẦN-HƯƠNG-TỬ**

SOCIÉTE D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

*2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-Hội) — SAIGON*

Tél. : 23.741 - 23742

**Fabrication :** OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

**Vente :** HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLO PROPANE — PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON ETC...

**Matériel pour soudures oxy-acétylémique et électrique**
**Installations de garothérapie**

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

# Nhà trường:
# Trung-tâm Văn-hóa Dân-tộc

• *NGUYỄN-GIA-TƯỜNG*

*L.T.S.— Loạt bài về « Cách mạnh trong giáo giới, cách mạng trong phạm vi học đường» của G.s. Nguyễn-Gia-Tường, nay lại thêm đề tài : « Nhà trường : Trung-tâm Văn-hóa Dân-tộc » được thuyết trình ngày 16-3 tại « Trung-tâm Tu-Nghiệp Giáo-chức Tiểu-học » Saigon. Chúng tôi xin đăng lại nguyên văn dưới đây để bạn đọc theo dõi loạt bài này trên Bách Khoa T.Đ. từ các số 191 và 195 có đầy đủ tài liệu.*

## Thành kiến sai lầm

Xưa nay, thời nào học-đường cũng tự hào là một cơ-quan Văn-hóa, nghĩa là một tổ-chức nhằm mục đích «cải hóa» người dân cho «tốt đẹp» hơn mãi. Kỳ thực, từ khi nhà cầm quyền đặt ra khoa cử để tuyển lấy người phục-vụ chánh quyền, thì tính cách «Văn hóa» của việc học hành đã bắt đầu giảm bớt dần đi. Bởi vì người ta cho con em đi học vì danh vì lợi nhiều hơn là vì đạo-lý của thánh hiền dậy cách tiếp vật xử thế, tức là vì cái đạo-lý chứa đựng trong truyền-thống dân tộc. Đạo - đức dân-tộc, kém phần bồi bổ, bị sao lãng dần.

Đến khi chánh-quyền không còn giữ được chánh nghĩa quốc gia nữa, như trong thời kỳ bị ngoại bang cai - trị, thì những danh từ như « lễ-nghĩa liêm-sỉ » của Nho giáo, «Bi, Trí, Dũng»» của Phật giáo trở thành xa lạ, vì không còn chứa đựng mấy tý thực-chất trong nội dung. Mục tiêu chính của giáo dục ở nhà trường được thu gọn vào cái kỹ-thuật mưu sinh, đối tượng danh lợi và hạnh-phúc ở đời cũng thu hẹp lại vào một phạm vi nhỏ bé đến cái bản thân cá nhân mà thôi.

Như vậy theo dòng lịch - sử mà xét thì được thấy cái quan - niệm giáo-dục thanh, thiếu niên ở nhà trường càng ngày càng xa truyền - thống dân tộc vì những thành-kiến của các thời - đại cứ mỗi ngày sai lạc thêm đối với đạo lý chứa trong truyền-thống đã tập hợp tổ-tiên thành một quốc-gia dân-tộc, có giang-sơn và lịch-sử,

## Truyền-thống dân-tộc,

Tại sao về vấn-đề giáo-dục cứ phải nhắc đến truyền-thống văn-hóa dân-tộc ?

Là vì trong thời-gian đã qua, những gì đã xảy ra cho dân tộc, với tất cả những thăng-trầm, vinh nhục của lịch-sử, đều do con người dân-tộc gây nên hay phải chịu, và đều có phản ảnh vào tâm-hồn con người dân tộc. Cái tâm hồn con người dân - tộc đó, trong không gian hiện tại, được rải rác khắp đất nước, trong khắp các tầng lớp xã hội và các thế-hệ dân-tộc. Chính nhờ vậy mà ai cũng nhận thấy giữa người cùng dân tộc, chúng ta dễ thông cảm với nhau hơn là với người dân tộc khác. Tâm hồn cá nhân cùng dân-tộc càng gần truyền-thống bao nhiêu thì mối thông cảm đó càng sâu xa mật thiết.

Sở dĩ người đời càng ngày càng xa dân tộc là vì đời sống càng ngày càng phức tạp. Danh-lợi thiển-cận cá nhân lôi kéo mỗi người đi một ngả. Lại khi quốc gia đã mất quyền tự-chủ thì ngoại bang thống-trị cứ tự tiện hướng-dẫn những danh-lợi ấy thế nào cho phù-hợp với quyền lợi của họ Những tập - tục mới được thành tựu, nhiều khi trong đó có dụng ý đẩy lùi dần vào quên lãng những gì là sáng suốt và vững mạnh nhất của truyền-thống dân tộc bị trị. Truyền-thống không được trau giồi và thanh lọc kịp thời bằng sinh hoạt hàng ngày, lâu dần chẳng còn thể đủ uy lực để hòa giải nổi những va chạm vì quyền lợi riêng tư giữa các cá nhân và giữa các bè phái, các đẳng cấp. Cái uy lực hòa giải đó, rất cần thiết cho trật-tự xã-hội, nếu phải trông đợi nơi quyền hành của ngoại bang thì dân-tộc mất dần tự tín, và khi tự tín đã mất hết thì xã hội dân tộc chỉ còn là một cái xác (có thể bóng bẩy lắm) mà tâm hồn luôn luôn bị rối loạn bởi những tranh chấp ngấm ngầm hoặc công khai giữa các ngoại bang hùng cường hết keo này đến keo khác.

## Cải tiến truyền-thống

Muốn xứng đáng với danh nghĩa một cơ quan văn hóa dân-tộc, cái phần nghĩa vụ quan hệ nhất của trường là phải đóng góp vào công cuộc trau giồi và thanh lọc truyền-thống nói trên, ngõ hầu tuổi trẻ khi ra đời làm ăn đã sẵn sàng mội căn bản truyền-thống vững mạnh. Nhờ căn bản vững mạnh đó những kiến thức thâu thập được về sau chỉ khiến cho căn bản thêm sáng suốt lên chứ không lôi cuốn họ vào những cuộc phiêu lưu mất gốc, có hại cho bản thân và có thể tác họa cho dân tộc nếu họ chiếm được địa vị quan trọng.

Hiện thời nhà trường nên góp phần thế nào ? Bằng cách tự xây dựng lấy một nền «lễ giáo mới», với sự sinh hoạt bình thường của học-sinh trong phạm vi nhà trường — Nền «lễ giáo mới» cũng gồm đủ « lễ nghĩa liêm sỉ » như xưa, nhưng vì «sỉ» có tính cách quyết định cho sự sống còn của dân tộc cho nên đức «sỉ» phải dựa vào một tấm lòng thương tỉnh táo và hoạt động, tức là «Bi, Trí, Dũng». Cần phải đem những chữ đó áp dụng một cách hoàn toàn thành thực vào những sinh hoạt bình thường của học sinh ở nhà trường. Có sự áp-dụng như thế mới thành tựu được một nếp sống thực sự «cách mạng có lễ giáo».

Chính là để nhằm xây dựng một nếp sống «cách mạng», có tinh-thần hợp tác trong kỷ-luật tự giác theo «lễ giáo» nói trên mà trong kỳ thuyết trình trước soạn

giả có đề cập đến lợi ích của phương pháp làm việc tập thể và có nêu lên vấn đề Hiệu-đoàn (1) Vấn đề này cần được nghiên cứu lại và chỉ nên coi Hiệu-đoàn như một phương tiện giáo-dục tập thể, đặt trọn vẹn trong phạm vi quyền hành của nhà trường.

Tuy nhiên trong cộng-đồng xã hội, nhà trường chẳng phải là một «tháp ngà» hoàn toàn biệt lập mà có thể sinh-hoạt và phát triển một cách ích-kỷ. Cái lý do tồn tại và nghĩa vụ của nhà trường là góp phần xây dựng xã hội dân tộc Cho nên chúng ta lại phải ý thức cho thực đúng mức một phương thức giáo-dục mới, mà nhờ kinh-nghiệm với Âu-Mỹ, một số giáo chức đang cố gắng thể hiện và phổ biến trong giáo giới chúng ta : ấy là phương thức «giáo-dục cộng đồng».

## Giáo-dục cộng-đồng.

Về dự tập khóa tu-nghiệp này, đến giờ phút này đã gần mãn khóa, chắc hẳn các bạn đã có được một quan niệm tạm đủ về công thức «giáo dục cộng-đồng». Bởi vì theo chương trình học tập (trong 4 tuần lễ) và cách thức thi hành chương trình ấy, chính các bạn đã cùng với ban giám đốc và ban diễn giảng của «Trung tâm tu nghiệp », chúng ta đã cùng nhau áp dụng công thức đó.

Thực vậy. Chẳng hạn về chương trình, trong số mười đề mục, thì trọng tâm rõ rệt là mục II. Mục này gồm tới 20 bài thuyết trình mà 7 bài cốt nêu rõ những đặc điểm về «giáo dục cộng đồng». Thực hành chương trình chúng ta đã áp dụng phương-pháp sinh hoạt tập thể và nghiên cứu thực-nghiệm — Nghiên-cứu chẳng những về nghề mình là sư-phạm mà còn về các ngành sinh - hoạt tại thủ đô và miền lân cận (thăm cứu, du ngoạn). Sinh-hoạt tập thể thì chẳng những để trao đổi kinh nghiệm (họp toán) mà còn là một cơ hội giao tế cho tình nghĩa đồng nghiệp (kể cả với các cấp lãnh đạo) được thêm mật thiết.

Đi vào nội dung của công thức «giáo-dục cộng-đồng», xin trích ra đây mấy đặc điểm theo thuyết trình viên phụ trách, như sau :

a) *Về nguyên tắc giáo dục*

1. Hoạt-động sát với hoàn cảnh và nhu cầu địa-phương.

2 Vừa giáo-dục học-sinh, vừa giáo-dục dân chúng.

3. Gắn liền học và hành.

4. Hướng dẫn học-sinh tự tìm tòi và học hỏi, đồng thời phát-triển tinh-thần học tập tập thể và dân chủ.

b) *Về phương pháp giáo dục*

1. Nghiên cứu và khai thác địa phương trong việc giảng dậy.

2. Phương pháp chủ điểm.

c) *Về chương trình*

1. Chương-trình chính thức của Bộ Văn-Hóa Giáo-Dục.

2. Chương-trình hoạt-động nhằm cải tiến dân sinh.

d) *Về tổ chức* : Phải được tổ-chức thành trung-tâm Văn-hóa Xã-hội của cộng đồng.

---

(1) L.T.S. xin xem Bách-Khoa Thời-Đại số 195 ngày 15-2-65 trang 48.

Thuật lại những điểm đó ở đây, chẳng phải là có ý muốn nói thêm về những gì các bạn đã có dịp được nghe trong các buổi thuyết-trình vừa qua, mà chỉ cốt tỏ sự tán đồng hoàn toàn về khuynh hướng giáo-dục như thế. Bởi vì, chính đó là ước vọng từ lâu của kẻ đang thuyết-trình đây, xin mạn phép trích lại vài đoạn đã viết trong cuốn «Luân lý chức nghiệp» giảng cho giáo-sinh từ 7, 8 năm nay :

«Ở thôn quê nhà giáo còn có dịp nhận thấy rõ hơn đâu hết các ngành sinh-hoạt đều thiếu người có học săn sóc đến, và thành kiến chỉ tôn trọng «bút nghiên» sai lầm đến mực nào. Nếu có khả năng thực dụng về khoa học, nhà giáo có thể giúp ích cho dân khá nhiều . .»

Với chương trình «hoạt động thanh niên và thể dục» (chỉ mới là một phần nhỏ chương trình giáo-dục cộng-đồng ngày nay) nhà giáo có thể chẳng những huấn-luyện học-sinh, mà còn lôi cuốn cả dân quê, với các chức vị mọi cấp, vào một phong trào cải thiện đời sống ở thôn quê.

## Giáo-dục cộng-đồng với Hiệu - đoàn

Cái « cao vọng » cải tiến đời sống ở thôn quê như thế, mà ngày nay đã được ghi vào chương trình « giáo dục cộng đồng », có mâu thuẫn chăng với cái chủ trương « giới hạn sinh hoạt Hiệu-đoàn trong phạm vi nhà trường mà thôi » ?

Cần nhắc lại rằng Hiệu-đoàn cốt nhằm mục đích tập cho trẻ biết làm việc tập thể, phát triển tinh thần kỷ luật tự giác và ý thức trách - nhiệm liên dới chung. Với những môn học cổ điển chúng ta còn nên cố gắng sáng chế ra những bài thực-tập tập đoàn, để hướng đến những mục tiêu ấy ; huống hồ chương-trình Giáo-dục Cộng-đồng lại sẵn có những hoạt-động nhằm mục-đích phổ biến kỹ thuật kinh tế và tổ chức xã-hội ở nông-thôn một cách cụ thể, há chẳng đáng hoan nghênh sao ? Với những hoạt động này, trẻ tìm thấy được những « chủ điểm » thiết thực (trồng trọt, chăn nuôi, công tác xã hội.. ) khá hấp dẫn để cố gắng, chứ không cần phải được « trả công » bằng một số điểm để lên lớp, đi thi... Nhưng điều cần thiết là trẻ phải được hướng-dẫn cho cách làm việc só suy nghĩ, có phương pháp, có kỷ-luật... Vì cái trách nhiệm hướng dẫn đó nên nhà trường cần có đủ quyền hành để kiểm-soát.

Muốn cho cách sinh-hoạt có phương pháp, có kỷ-luật được phổ-biến trong dân chúng, tất nhiên nhà trường phải dần dần mở rộng phạm-vi hoạt động của trẻ ra ngoài xã hội. Nhưng đến mực độ nào ? Tất nhiên phải tùy ở trình-độ học-sinh đã được huấn-luyện đến mực nào, và tùy trình-độ văn-hóa của dân địa phương. Nhà trường không nên quên rằng khi tuổi trẻ phải tiếp xúc với đại chúng thì cái ảnh hưởng của đại nhúng sẽ « pha loãng » dần cái tập tục mà nhà trường đã gây ra được cho trẻ. Cho nên cái tập tục đó phải đã khá vững mới có ảnh hưởng tốt cho đại chúng. Trái lại, nếu tập tục đó chưa vững thì tinh thần xây dựng mà nhà trường muốn rèn luyện cho học-sinh không được phổ-

biến mà còn bị những tệ-đoan từ bên ngoài xâm nhập phá hoại.

Tóm lại, « giáo-dục cộng đồng » là một phương pháp giáo-dục cụ thể cũng như Hiệu-đoàn. Nhưng có khác về phạm vi được tùy hoàn cảnh, mở rộng ra ngoài nhà trường, đến lãnh vực cộng đồng xã hội. Tính chất giáo dục lại rất thiết thực vì có những công tác xã hội nhà trường có thể tổ chức để dạy học-sinh giúp ích thực sự cho dân chúng địa phương. Chắc chắn rằng với một tinh thần cộng đồng sáng suốt và vững vàng, nhà trường sẽ là khởi điểm cho một nếp sống mới ở xã-hội thôn quê, một nếp sống có tổ chức, có kỹ thuật khoa học, khiến cho mực sống được nâng cao lên mau lẹ. Tựu trung nhà trường sẽ lại trở nên trung tâm một nền văn hóa rất thực tiễn trong cái cộng đồng xã hội địa phương.

## Trung tâm văn hóa dân tộc

Theo như trên ta được thấy then chốt của vấn đề Giáo-dục cộng đồng là cái tinh thần cộng đồng của nhà trường. Tinh thần đó liệu chúng ta có thể phát huy được nguyên với cái « lợi kinh tế » như lương bổng nhà giáo, hay cái « danh vọng » lãnh đạo một phong trào cải tạo dân sinh mà thôi chăng ? Thiết tưởng nếu chỉ có thế e chưa vững. Bởi vì lợi và danh quan hệ thực, nhưng dễ gây ra những thái độ đối lập, bất lợi cho «cộng đồng ». Tinh thần cộng đồng cần được xây dựng với truyền thống dân tộc mới dễ tìm được sự thông cảm sâu xa chẳng những giữa bạn đồng sự, với học sinh, mà nhất là với dân chúng địa phương. Có cảm thông sâu xa mới có công tác vững bền.

Chúng ta nên nhớ rằng chế độ ngoại bang thực dân xưa, và cả đến chế độ Ngô đình vừa qua, đã đem lại rất nhiều lợi và danh cho một số khá đông người, nhưng chưa bao giờ thu hút được sự oộng tác của toàn dân. Bởi vì mặc dầu những chế độ đó rất khôn khéo nhưng vẫn có những đặc điểm xúc phạm sâu xa đến tâm lý truyền thống dân tộc, cho nên gặp cơ hội, người dân vẫn hăng hái nổi lên lật đổ không thương tiếc.

Lại trong khối Cộng-sản, tổ chức rất mực khôn khéo khoa học, hành động có phương pháp với một kỷ luật « thép », khiến cho « khối » đã lớn rất mau lẹ. Nhưng tại sao chưa đầy 50 năm đã nứt rạn, chống đối nhau như ngày nay ai cũng biết ? Chẳng cần tìm hiểu sâu xa, chỉ nhìn qua những đường nứt rạn trên bản đồ đã đủ thấy lý do chẳng ngoài sự quật khởi của tinh thần mà truyền thống đã un đúc cho mỗi dân tộc bị thống-trị.

Sau hết chỉ xin thêm một thí dụ để trả lời trực tiếp cho dư luận một ít người còn không hiểu tại sao trong thời đại người ta cần tranh dành thế lực bằng quân sự, bằng kinh tế, bằng chánh trị, mà nhà giáo cứ chủ trương trở về với truyền thống xa xưa của một dân tộc manh danh « chậm tiến » ? Đối với chúng ta cái bài học đáng ghi nhớ nhất là trong cái nghệ thuật cai trị rất khôn khéo của người Pháp có vấn đề giáo dục rất tinh tế. Một mặt họ đem hết cả những gì là hùng cường, cao đẹp, đạo đức của dân tộc họ mà giảng dạy để chinh

phục dân tâm ; mặt khác quan trọng hơn nhưng kín đáo, là công phu nghiên cứu rất sâu xa tâm lý dân tộc ta, theo truyền thống, để loại trừ những gì là sáng suốt và hùng dũng cho quên lãng đi, e có ngày dân tộc ta lại nhờ những cái đó mà quật khởi được. Họ đã tổ-chức những Viện khảo cổ, tìm kiếm tài liệu, chẳng phải để giáo hóa cho dân bản xứ mà để cung cấp học liệu cho ngành « quan cai trị thuộc địa ». Họ đã thành-công lớn lao. Bằng chứng là dân tộc Việt-Nam đã có những bậc trí thức thượng hạng tin rằng muốn xây dựng văn hóa cho dân Việt-Nam phải dùng « đá của nước Pháp » và phải cho con em đi « tập sự » cái văn minh trên « bờ biển Địa trung hải ». Cũng vì sự thành công đó mà giả sử ngày nay có nhà cách mạng tuyên bố rõ ràng là : « Phải đem nước sông Volga hay nước sông Dương-tử về rửa đầu óc cho người Việt-nam », có lẽ chẳng nên lấy làm lạ. Chỉ khổ cho con dân, chẳng còn biết chọn theo đường lối nào.

Bởi những lý do tạm kể trên trong vấn đề Giáo dục cộng đồng của chúng ta, để xây dựng « tinh thần cộng-đồng » cho được vững vàng và sáng suốt, chúng ta nên dựa lên truyền thống dân tộc Có thể chúng ta sẽ được nhờ những phương tiện kỹ thuật dân sinh mà bồi bổ lại cái truyền thống đã bao lâu bị vùi dập, hất hủi. Nhờ vậy cái truyền thống đó sẽ được trau dồi và thanh lọc bằng những yếu tố mới của thời đại, để vãn hồi sức sống cho dân tộc.

Cho nên về cái đề mục chương trình nói trên : d) về tổ chức (trường Cộng-đồng). Phải được tổ chức thành trung-tâm văn hóa của công-đồng, xin lưu ý là : « Trung-tâm văn hóa xã hội *dân tộc* » của cộng đồng.

**Kết luận :**

Để kết luận, sau khi đã rất e ngại phải tự trích mấy văn của mình để tỏ sự tán đồng chủ trương Giáo dục cộng đồng, thuyết trình viên lại thấy có lẽ nên mạn phép các bạn trích thêm mấy dòng nữa, cũng trong cuốn L. L. C. N. về mục « Bổn phận của nhà giáo đối với dân chúng địa phương ».

« Đối với chánh quyền giáo dục cũng như hành chánh, nhiệm vụ của giáo chức tại thôn quê có thể chỉ giới hạn trong phạm vi nhà trường, với vài ba lớp học trình độ rất thấp, trách nhiệm quả thực chẳng là bao. Nhưng còn có « Nghĩa vụ » là nâng cao trình độ dân trí dân tâm ; ảnh hưởng của nhà giáo phải lan tràn ra khắp thôn quê.

Tại thôn quê nhà giáo có trí tìm hiểu, chẳng những có thể chu đáo phận sự đối với chánh quyền một cách dễ dàng, mà còn có thể nhân hoàn cảnh thuận tiện, tự rèn luyện cho mình những đức tính và tài năng cần thiết trong công việc xây dựng xã hội quốc gia. Giá trị tự tạo được như vậy là một giá trị thiết thực, chẳng phải giả tạo, hư vinh.

Xưa kia con đường nghĩa vụ đó bị ngăn cấm mà còn có người cố sức theo đuổi, có lẽ nào ngày nay được mở rộng, nó lại không hấp dẫn được thanh niên tâm huyết ? »

Thành thực xin các bạn miễn chấp cái giọng văn cứng cỏi của đoạn này.

Đó là những ý nghĩ viết ra để khuyến khích giáo sinh và cũng có phần nào để soạn giả tự nhắc mình nữa.

**NGUYỄN-GIA-TƯỜNG**

• *VÕ-QUANG-YẾN*

# đời sống ngày mai

CHÚNG ta sống vào một thời buổi mà tiến triển khoa học vượt quá sức tưởng tượng. Các nhà văn khoa học dự tưởng phải nặn óc bóp trán nhiều mới mong bỏ xa được những thực hiện hằng ngày. Nhưng từ đây đến hai mươi, hai mươi nhăm năm nữa thì cũng chẳng cần phải ra sức tưởng tượng mới thấy được cuộc sống của con cháu chúng ta. Dựa vào những khảo cứu và thành tích đã đạt được, chúng ta có thể đưa ra một ý niệm tổng quát về thế giới ngày mai. Lẽ tất nhiên những chi tiết sẽ nằm ngoài những tiên đoán và một điều kiện cốt yếu cần phải đặt ra là không một thiên tai hay một cuộc tàn phá dữ dội nào (bom nguyên tử chẳng hạn) lại phá rầy cuộc tiến triển của khoa học.

**Máy nhiệt, máy điện.**

Tương lai gần nhất sẽ là kỷ nguyên điện lực. Vẫn biết con người dùng điện từ lâu, cách khai thác điện cũng đã đạt được mức khá cao, nhưng chúng ta cũng nên để ý những máy sản xuất điện đang còn gồ ghề, lớn nặng. Đằng khác, máy tích trữ điện chưa có gì là hoàn hảo. Hơn nữa những nhiên liệu dùng làm nguồn hiến điện còn là than đá và dầu hỏa. Ngày mai, nguyên tử và mặt trời sẽ nối gót thay thế.

Ứng dụng vào đời sống hằng ngày, cuộc cách mạng nầy sẽ là những chiếc xe điện không có máy nổ, vừa tiện lợi rẻ tiền, vừa im lặng dễ dùng. Trong thành phố sẽ không còn có xe nhà nữa. Xe công cộng đậu bất cứ ở đâu, cứ bỏ

vào máy một đồng bạc gì đó thì xe chạy được mấy giờ hay mấy cây số. Ra khỏi thành phố, xe điện chạy không cần người cầm lái. Trước khi lên đường, khách hành chỉ cho vào não điện tử của xe một tấm cạt chương trình là xe tự động chạy theo con đường gần nhất, dùng ra đa tránh tất cả mọi tai nạn. Nhiều loại xe kiểu nầy đã được thực hiện bên Hoa Kỳ trên những khoảng đường được đặc biệt trang bị

Bên cạnh xe điện, vô số những dụng cụ bằng điện khác sẽ ra đời với một chi tiết khác những dụng cụ chạy bằng điện hiện nay : không có dây điện, nghĩa là dụng cụ nào cũng vận dụng độc lập. Năm 1965, ta không còn lạ với máy thu thanh, máy cạo râu độc lập. Rồi đây, nhờ những máy chế điện tối tân, mọi máy móc đều sẽ độc lập : hoặc ắc-qui cadmi-nicki trữ điện lâu ngày, hoặc máy Klein dùng xăng trực tiếp chế ngay ra điện không cần máy nổ, hoặc pin quang học dùng ánh sáng mặt trời làm năng lượng. Kết quả của cuộc bành trướng các máy này là bầu trời hết còn dơ bẩn với những khí độc từ máy nổ phun ra, nhất là ở thành phố. Ở thôn quê thì đâu cũng có điện được.

Đặc biệt ở các nước chậm tiến, điện sẽ mở mang kỹ nghệ, sản xuất phân bón đủ thứ cho ngành canh nông. Những máy nguyên tử dùng urani chế nhiệt rồi biến nhiệt ra điện sẽ là những nguồn năng lượng cho các dân tộc nhược tiểu và cũng là những cuộc tranh dành thị trường của các nước kỹ nghệ tân tiến. Chiến tranh lạnh ngày mai sẽ là một cuộc cạnh tranh giữa các cường quốc trong lãnh vực nầy.

## Nước mặn, nước ngọt.

Trong lãnh vực nước, cuộc chiến tranh lạnh cũng sẽ không kém phần hào hứng. Không nói đến quốc gia Israel cực kỳ thiếu nước cho những cánh đồng khô cháy, đâu đâu cũng cần nước trong mọi hoạt động. Rồi đây càng ngày nước càng thiếu thêm và dù muốn dù không người ta cũng phải kiếm cách dùng nước biển. Cất nước biển, lọc nước biển sẽ là những phương pháp cốt yếu cho đời sống. Ngày mai, người ta sẽ nghe nói nhiều đến những máy điện cho nước chảy qua mà giữ lại tất cả muối hòa tan. Từ muối ở nước biển, vàng, magni, iođi và nhiều chất khác sẽ được trích ra. Nhiều trung tâm nguyên tử lớn sẽ được dựng lên, dùng urani chế nhiệt, điện, cho điện nầy chạy vào các máy điện để biến hóa biển cả ra thành sông ngòi nước ngọt. Từ đấy, những bãi sa mạc sẽ biến thành đồng bằng phì nhiêu, những thành phố mới sẽ mọc lên đông đúc.

Nước nào có công dựng lên những trung tâm nguyên tử chế nước ngọt nầy sẽ được vang danh khắp thế giới và lấn phần ảnh hưởng lên các nước nhược tiểu. Năm vừa qua Nga đã cho dựng một trung tâm kiểu nầy ở Shevchenko để lọc nước biển Caspienne. Máy nguyên tử BR-250, một trong những máy lớn nhất hoàn cầu, cung cấp năng lượng cho trung tâm và người ta tính mỗi ngày 100 triệu lít nước ngọt sẽ được sản xuất. Phía Mỹ cũng chẳng chịu kém và dự định cất một trung tâm nguyên tử còn lớn hơn nữa ở Israel,

Ai Cập, Koweit, Mễ-Tây-Cơ, Bắc Phi. Rồi đây trong những bãi sa mạc hoang vu, những ngọn tháp cao vút không khói (dùng để cho thoát khí làm lạnh các máy nguyên tử) sẽ chỉa lên trời xanh, đánh dấu một bước tiến của kỹ thuật loài người và cũng biểu lộ sự tăng lên quá nhiều của nhân số thế giới.

## Sinh con sinh cái.

Thật vậy, nạn nhân mãn chưa dùng được đâu, mặc dầu những công tác khảo cứu về hạn chế sinh sản đã đem lại nhiều thành tích khả quan. Những thuốc viên chống thụ thai sẽ đua nhau ra đời hoặc cho đàn bà uống, hoặc cho đàn ông dùng. Những kỹ thuật dùng bức xạ tạm thời diệt tinh trùng hay dùng tiểu cầu huyết thanh bảo vệ đàn bà sẽ được ứng dụng thường xuyên. Nhưng hai yếu tố đã đi ngược đường cuộc chống chống chỏi nạn nhân mãn.

Thứ nhất là trong các nước tổ chức giáo dục còn kém cỏi, rất khó lòng phổ biến những kỹ thuật chống thụ thai. Ở Ấn Độ, có một dạo Cơ quan văn hóa Liên hiệp quốc phát cho các bà một chuỗi hạt hai màu, bảo cứ mỗi ngày lần một hạt, hễ gặp hạt màu thì tránh giao cấu nếu không muốn có con (dựa theo luật rụng trứng). Các bà không hiểu cơ chế, có khi mỗi ngày lần luôn hai, ba hạt cho mau đến hạt màu, thành thử phương pháp trở nên hoàn toàn sai bậy.

Yếu tố thứ nhì là cuộc giao thông ngày càng mở mang. Nếu thanh niên trai trẻ chịu khó giữ mình trong thôn, xóm thì hay dễ thả buông khi ra khỏi xã hội mình. Ở Âu châu tình trạng này đã thấy rất rõ ràng. Rút cuộc là những cuộc du hành nơi xa lạ, những tháng nghỉ hè trên bãi biển ngoại quốc dễ đem lại những mối tình duyên giữa những người khác nòi khác giống và đồng thời cũng làm tăng lên số con trẻ sắp ra đời.

## Con người, con số.

Nhưng nạn nhân mãn chưa lấy gì làm quan trọng bên cạnh một vấn đề khác: thực hiện sự thăng bằng giữa con người và xã hội, sự cạnh tranh giữa một số hiệu và một nhân danh. Con người tương lai sẽ là một số hiệu không thay đổi từ lúc sinh đến lúc chết. Với con số nầy, con người có thể đến lãnh bạc bất cứ ở nhà băng nào. Bất cứ ở đâu người ta cũng có thể gọi điện thoại miễn là biết số hiệu của người mình muốn nói chuyện. Số hiệu nầy được thiết lập theo tình trạng y khoa, theo nhóm máu, theo hoàn cảnh xã hội...của mỗi người. Ở mỗi nước, những bộ máy tính điện tử sẽ ghi tiểu sử của mỗi số hiệu với đủ nghề nghiệp, thành tích... Những cơ quan quốc tế về sức khoẻ chẳng hạn có quyền tìm tòi ở những hồ sơ từ tính nầy. Con người, với số hiệu, trở thành công dân quốc tế.

Nhưng con người không muốn chỉ là một số hiệu. Con người vùng dậy, muốn được phòng thân, che chở. Một loại luật sư biện hộ ra đời, ở các nước Thụy-na gọi là ombudsman. Đây là một phát minh xã hội cách mạng nhất của thế kỷ 20. Ombudsman là một công chức bảo vệ người công dân chống lại chính phủ. Ông được toàn dân tuyển cử. Ai

bị ức hiếp, thuế má quá độ, lên án vô luật, trục xuất bất thường... đều lại kêu ca với ombudsman. Là một công chức không thể bị cách chức, vô cùng liêm chính, ông ta biện hộ không tiền cho người công dân trước tòa án chống lại xã hội.

Ở các nước Thụy-na người ta tính phải có một ombudsman cho 6000 công dân. Ở Anh, năm 1963, Đảng Tự do đã đặt vào chương trình hằng năm. Năm vừa qua, Nga cũng muốn xét đến vấn đề. Rồi đây phát minh ấy còn lan rộng và con người trong tương lai sẽ nhờ vả nhiều ở ông ombudsman Nhưng sức mạnh của các ông nầy đạt đến mức nào ? Các ông có đủ mạnh không để chống chỏi với những cơ quan còn mãnh liệt hơn những nhà độc tài trước kia, cai trị với những óc não điện tử, với những kỹ thuật kiềm ba luận lý và hóa học tinh thần. Con người tương lai nhìn mảnh thiếp mang số hiệu mình, vừa là bản thông hành, vừa là chứng chỉ y khoa, chắc sẽ không khỏi tự bỏi tính mạng mình đặt vào tay ai, đời sống mình kéo dài đến đâu ?

## Bất tử, bất đồng

Vâng, đời sống con người kéo dài đến đâu ? Các nhà bác học hiện nay không khỏi phân vân trước những tiên đoán của **Harry Stine**, một chuyên gia về hỏa tiễn và cũng là một nhà văn khoa học dự tưởng. Đem kéo dài những đường biểu diễn tốc lực xe cộ, sản xuất năng lượng, mật độ các hệ thống giao thông, vô tuyến truyền đạt theo với thời gian, ông đã tiên đoán được những thực hiện kỹ thuật của những năm gần đây như vệ tinh nhân tạo. Khảo cứu trên những đường biểu diễn khác, ông đã tiên đoán về trường thọ loài người : theo ông, một con trẻ sinh năm 2000 có thể trở thành bất tử !

Thật vậy, với những khám phá trong bộ ám hiệu di truyền, với những phát minh trong ngành hóa học về sinh vật, với những kháng sinh tối tân (kể cả những chất chống bệnh ung thư), tính chất bất tử không còn là của riêng của những bậc tiên thánh. Năm 2000, nếu một số các nhà sinh vật học muốn, và nếu một số tiền không nhỏ có thể đặt ra, một đứa trẻ có thể được theo dõi đến lúc trưởng thành và giữ mãi ở thế giới này nhiều thế kỷ liên tiếp.

Từ đấy sinh ra một cuộc tranh luận trí năng sôi nổi : ai sẽ được giữ thành bất tử ? Vẫn biết nhiều người như những phi hành gia đáp hỏa tiễn đi lên những ngôi sao xa vời cần phải được sống lâu, những nhà bác học cần phải sống được nhiều thế kỷ để hấp thụ tất cả những kiến thức ngày càng nhiều, cuộc chọn lọc sẽ là những cuộc phân tranh khó khăn, nhất là lúc ban đầu số người bất tử đang còn bị hạn chế nhiều.

## Tâm tư, tâm lý.

Tuy nhiên, nếu chưa được thành bất tử ngay, con người ngày mai cũng vẫn sung sướng vì giờ làm việc ngày càng giảm dần. Ở thế kỷ 19, tuần lễ 52 giờ đã là một mối kêu ca, nhưng rồi đây tuần lễ 45, 40 giờ sẽ còn sụt xuống 30, 24 giờ. Rảnh rang, con người sẽ chú trọng nhiều hơn về kiến thức khoa học. Vấn đề ngôn ngữ sẽ được đặt ra. Bên cạnh những khảo cứu về ngôn ngữ giữa người và máy, một ngôn ngữ khoa học

sẽ được đặt ra để mọi công dân trên thế giới có thể theo dõi tiến triển trong ngành nầy : lansi (language scientifique). Tất cả sách vở khoa học sẽ đều viết, in bằng lansi, một thức ăn dễ tiêu, cần thiết.

Nhưng đừng tưởng rồi đây tất cả mọi người sẽ theo dõi những khám phá mới lạ ở khoảng không trung, vũ trụ : những vi trùng tìm ra được trong các hốc đá cung trăng, những kho tàng quái dị của sao Hỏa, và ngay đến cả những sinh vật thông minh bắt gặp trên sao Kim sẽ chỉ thỏa trí hiếu kỳ của trẻ con. Con người tương lai sẽ xoay trở lại về những bí mật bên trong con người, với sự thần giao cách cảm, sự vô thức tập thể sự xuất thần nhập hóa... Những nhà bác học sẽ không ngần ngại thí nghiệm về những hiện tượng tâm lý mà hiện nay những nước thật tân tiến mới chịu công nhận là một môn khoa học chính thức.

Nhiều môn khoa học khác cũng ra đời dựa trên nền tâm lý học, toán học và vũ trụ sinh vật học. Thuyết của Yung và Pauli giảng giải về phương cách chế ngự định mệnh di truyền và xã hội sẽ được học hỏi thấu đáo và một nghề mới sẽ ra đời chuyên về số mệnh. Những nghề như toán học, vật lý nhân tử trở thành cổ hủ, một ngành đáng trọng nhưng chẳng có gì làm khích động. Trái lại, ngành vật lý toán học liên minh với ngành tâm lý sẽ thu hút anh tài của ngày mai.

## Sinh tố, sinh tử.

Con người của ngày mai, khi đủ ăn đủ mặc, lại có thì giờ rảnh, ắt phải cần một cái gì khác, một cái gì kỳ diệu hơn : Yung gọi là sinh tố của linh hồn. Nhu cầu này đã rõ rệt ở Californie, năm 1964. Nó sẽ lan tràn nay mai khắp thế giới. Khoa học, khoa học dự tưởng, tôn giáo không đủ nữa. Nhiều người hiện nay đã nghĩ đến những chất thuốc có thể hiến sinh tố kia : psiloxibin, mexalin. Rồi đây hằng trăm chất thuốc tương tự khác sẽ được chế ra, phần lớn độc địa nguy hiểm, nhưng cũng có chất mang tính chất lạ thường : chẳng hạn khiến người thấy trước được những hiện tượng sẽ xảy ra hay thấy lại những hiện tượng thuộc về dĩ vãng, hay hơn nữa, biết đâu, những hình ảnh của vũ trụ xa xăm.

Nhiều người sẽ lại ghi tên uống thuốc thí nghiệm như nhiều người ngày nay lại ghi tên xin làm phi hành gia ra vũ trụ. Nhiều người sẽ chết, nhiều người sẽ thành điên, nhưng cũng có nhiều người sống lành mạnh để kể lại những giấc mộng phi thường thấy tương lai, thấy quá khứ, thấy viễn ảnh của những chòm sao vô hình. Nhưng cũng chưa đủ, con người ngày mai sẽ còn đòi hỏi một cái gì hơn nữa, một tính chất bất tử thật sự mà nền khoa học hiện nay cũng như tôn giáo chưa làm hài lòng toàn diện.

**VÕ QUANG YẾN**

*Tài liệu theo Jacques Bergier*

---

● *Người bi quan à ? Một người thù tất cả mọi người khác vì anh ta thấy họ cũng ghê tởm như mình !*

G.B. SHAW

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

# Bangkok Bank Ltd.

## SAIGON BRANCH

*44, Nguyễn-Công-Trứ, 44*

**SAIGON**

★

## HEAD OFFICE

*Plapplachai, Bangkok*

## OVERSEAS BRANCHES :

| | |
|---|---|
| **London :** | *Barrington House 56-67 Greensham Street, London, E. C, 2* |
| **Tokyo :** | *No 1, 2 Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuo-ku, Tokyo.* |
| **Hongkong :** | *60, Bonham Strand West.* |
| **Central district :** | *Shell House, Queen's Road.* |
| **Kowloon :** | *580 A. Nathan Road Kowloon.* |
| **Singapore :** | *64 South Bridge Road* |
| **Kuala Lumpur :** | *14 Ampang Street.* |

GIẢN-CHI và NGUYỄN-HIẾN-LÊ

(Xin xem B.K.T.Đ. từ số 196)

# *Vài nét sơ lược về sự phát triển của Triết-học Trung-Hoa trong thời-đại Tiên-Tần :*

## BIỆT MẶC VÀ DANH GIA

Ở trên chúng tôi đã nói Mặc chia làm hai phái : một phái về *tôn giáo* mà Tống Kiên là đại biểu — phái này không phát huy thêm được gì mới — và một phái gọi là *Biệt Mặc* (1) có nhiều sáng kiến về tri thức luận, mà Hồ Thích gọi là phái *khoa học*.

Không biết rõ phái Biệt Mặc này gồm những nhà nào ; đại đề thì những tư tưởng trong các thiên *Kinh thượng, Kinh hạ, Kinh thuyết thượng, Kinh thuyết hạ, Đại thủ, Tiểu thủ* (*Mặc kinh*) là của họ.

Họ đã đặt cơ sở cho tri thức luận của Trung-Hoa và xét về những vấn đề :

— tri giác (gồm quan năng, cảm giác và tâm)

— thời gian, không gian,

— ký ức

— danh tự.

Họ chia tri thức làm ba loại : do nghe mà biết (họ gọi là *văn*), do suy luận mà biết (họ gọi là *thuyết*), do từng trải mà biết (họ gọi là *thân*).

Trước Vương Dương Minh trên ngàn rưỡi năm, họ đã chủ trương tri hành hợp nhất rồi, bảo *vi cùng tri* nghĩa là sự làm đưa cái biết đến tận độ, nhưng cái biết, cái « tri » đó thường bị lòng dục che lấp, nên muốn « biết » cho sáng suốt để « làm » cho hợp đạo thì phải làm chủ được lòng dục.

Họ bàn về phương pháp căn bản của sự biện luận : phải xét hiện tượng của

(1) *Biệt* nghĩa là đứng riêng ra, cũng ở trong Mặc giáo, nhưng khác với phái tôn giáo

muôn vật, so sánh sự quan hệ giữa những hiện tượng với nhau, rồi dùng ngôn ngữ, văn tự mà bày tỏ ; như vậy là dùng *danh* nhắc *thực*, dùng *từ* bày *ý*, dùng *thuyết* tỏ *cớ* (túc tỏ nguyên nhân gây ra hiện tượng).

Họ lại mở đường cho ngữ pháp học, luận lý học, muốn dùng lý trí để quan sát, giải thích vũ trụ ; trái hẳn với phái *biện giả* mà họ chống đối kịch liệt, vì phái này dùng ngụy biện cốt làm cho người khác không cãi được mình, chứ không cần ai tin mình. Bọn biện giả sau gọi là *danh gia*, tức các triết gia dùng cái danh mà định nghĩa, suy luận gồm có Công Tôn Long, có lẽ cả Huệ Thi nữa. (Nhưng theo Hồ Thích thì Huệ Thi có nhiều tư tưởng khoa học mà đương thời ít ai hiểu được, chứ thực không phải là một nhà ngụy biện).

Như trên chúng tôi đã nói, *Huệ Thi* có thuyết phiếm ái, thuyết đại nhất, tiểu nhất, thuyết tiểu đồng dị, đại đồng dị. Ông lại bảo trời với đất cũng thấp như nhau, mặt trời vừa đứng bóng vừa xế bóng, phương Nam vô cùng mà hữu cùng, mới nghe thấy ngược đời, nhưng theo cách giải thích của Hồ Thích, thì đều là diễn những chân lý này về khoa học : không thể phân tích về không gian, về thời gian được, sự giống nhau khác nhau giữa các sự vật chỉ là tương đối. Hình như Huệ Thi còn nhận được rằng đất tròn và xoay tròn nữa, nên mới bảo : « Chính giữa thiên hạ ở phía Bắc nước Yên mà lại ở phía Nam nước Việt »(1) (*Ngã tri thiên hạ chi trung ương, Yên chi Bắc, Việt chi Nam thị dã*) ; « Phương Nam không có thể cùng tận mà cùng tận » (*Nam phương vô cùng nhi hữu cùng*) và « Trời thấp như đất, núi phẳng bằng chằm » (*Thiên dữ địa ti, sơn dữ trạch bình*). Hai câu trên có ý bảo rằng đất tròn ; câu thứ ba diễn cái ý tương đối mà cũng có thể trỏ rằng trái đất quay nữa, chẳng đâu là trên là dưới, là cao là thấp.

*Công Tôn Long* thì ai cũng phải nhận là đại ngụy biện. Theo sách *Trang Tử* và *Liệt Tử*, học thuyết của biện giả này còn những đoạn dưới đây :

- Trứng có lông
- Gà ba chân
- Ngựa có trứng
- Chó có thể hóa ra dê
- Lửa không nóng
- Mắt không thấy
- Bóng con chim bay không hề động đậy
- Tên bắn ra có lúc không đi không dừng.
- Ngựa vàng, trâu đen là ba con
- Ngựa trắng không phải là ngựa...
- Cái gậy một thước, mỗi ngày đi một nửa, muôn đời không hết.

. . . . . .

Chẳng hạn câu « *Ngựa trắng không phải là ngựa* » (Bạch mã phi mã), Công Tôn Long giảng : chữ *ngựa* để đặt tên cho cái *hình*, chữ trắng để đặt tên cho cái *sắc*. Nói đến sắc thì không nói đến hình, cho nên nói ngựa trắng thì là không nói đến ngựa. Đại để lối biện luận của ông ta như vậy.

***

(1) Yên ở cực Bắc, Việt ở cực Nam Trung Quốc.

## PHÁP GIA

Ngoài các triết gia kể trên, còn Thân Bất Hại, Thương Ưởng, Thận Đáo. Thân và Thương sanh trước Mạnh Tử, Thận sanh sau. Cả ba nhà thực ra không phải là triết gia mà chỉ là những chính trị gia chuyên môn, chỉ bàn về phép trị nước. Thân Bất Hại xét về *thuật* — tức mánh khoé trị dân của ông vua ; Thương Ưởng chú trọng về *pháp luật*, cho rằng pháp luật phải công bố ra rõ ràng, và thi hành phải nghiêm, thì dân mới sợ mà khỏi làm loạn ; Thận Đáo chú trọng về cái *thế* tức quyền thế của ông vua : dân chỉ sợ vua vì cái thế của vua cao, quyền của vua mạnh, vậy muốn cho nước trị, phải tôn quân quyền, nhà vua phải được coi là một vị không ai dám xâm phạm tới.

Ba nhà đó giống nhau ở hai điểm : không theo cổ, và cực hữu vi, nghĩa là can thiệp triệt để tới việc của dân, ghét tự do và bình đẳng, ghét cá nhân chủ nghĩa ; người sau gọi chung họ là *pháp gia*. Họ cho rằng xã hội loạn quá rồi những thuyết nhân nghĩa của Nho, kiêm ái, công lợi, phi công của Mặc đều vô hiệu ; muốn thống nhất thì phải dùng sức mạnh, mà muốn có sức mạnh thì phải độc tài.

⁂

## ÂM DƯƠNG GIA

Sau cùng còn một phái nữa mà đại biểu là Trâu Diễn, sinh sau Mạnh Tử. Trâu không để lại tác phẩm. Nhờ những bộ *Sử Ký* của Tư Mã Thiên và *Lã Thị Xuân Thu*, ta được biết đại lược rằng, ông có một vũ trụ quan khá đặc biệt : đạo trời và đạo người liên hệ mật thiết với nhau. Vũ trụ có âm dương và ngũ hành (Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ) Âm dương điều hòa thì mọi sự tốt đẹp, trái lại là xấu. Âm thắng thì dương suy, âm thịnh cực thì dương lại phát sinh, rồi mạnh lần lên mà thắng âm, khi thịnh cực thì bắt đầu suy, vạn vật cứ tuần hoàn theo luật đó. Ngũ hành cũng có lúc thịnh lúc suy : mộc thịnh ở mùa xuân, suy ở mùa thu ; kim thịnh ở mùa thu, suy ở mùa hạ, hỏa thịnh ở mùa hạ, suy ở mùa đông... Việc người chịu ảnh hưởng của việc trời đất, nên bậc vua chúa tùy thời biết lựa chỗ ở, màu áo, thi hành chính trị cho hợp với luật âm dương ngũ hành * đó thì nước sẽ thịnh trị.

Phái đó, người sau gọi là *âm dương gia*.

⁂

## QUY VỀ MỘT MỐI

Tới thời kỳ thứ ba, ở cuối đời Chiến Quốc là bắt đầu giai đoạn quy về một mối, nhờ Tuân Tử và Hàn Phi Tử.

### *TUÂN TỬ*

Tuân Tử vốn là môn đồ Khổng giáo nhưng chủ trương đã khác Khổng Tử và có nhiều điểm chống lại Mạnh Tử. Ông học rất rộng, xét kỹ tất cả học thuyết của các nhà khác mà châm chước theo ý mình.

Về những điểm chính ông vẫn theo Khổng : tôn quân quyền, trọng tôn ti,

(1) Theo Phùng Hữu Lan, Trâu Diễn chỉ bàn về ngũ hành, chớ không bàn về âm dương

lễ nghĩa, nhưng ông chủ trương tính ác, ngược hẳn với Mạnh Tử.

Ông bảo rằng : « Tính của người vốn ác, những điều thiện là do người đặt ra » (*Nhân chi tính ác, kỳ thiện giả, ngụy dã*), vì người ta sinh vốn ham lợi, đố kỵ, muốn thỏa dục ; thánh nhân đời trước biết vậy mới đặt ra lễ nghĩa để uốn nắn lại tính của con người cho nó thành ra thiện.

Một điểm nữa khác với Khổng Tử, Mạnh Tử là ông tuy tin rằng có Trời, nhưng cho đạo Trời không quan hệ gì tới đạo người. Xã hội mà trị hay loạn là do người cả. Trời có thể sinh ra lụt hoặc nắng hạn, nhưng đói rét là tại người không biết đề phòng, không biết chống với tai nạn, chứ không phải tại Trời. Vậy chẳng những không nên tranh chức vụ của Trời, mà còn nên chinh phục thiên nhiên nữa : « Tôn Trời mà mến Trời thì sao bằng để cho vật súc tích nhiều, tài chế nó mà dùng ? Theo Trời mà khen Trời thì sao bằng tài chế cái mệnh Trời mà dùng ? » (*Đại thiên nhi tư chi, thục dữ vật súc nhi chế tài chi ? Tòng thiên nhi tụng chi, thục dữ chế thiên mệnh nhi dụng chi ?*) (*Thiên luận*).

Đó là một tư tưởng rất tiến bộ, chống lại cả Mặc giáo, Lão giáo lẫn Âm dương gia. Tiếc rằng học thuyết của ông đời sau không được phát huy thêm, thành thử tinh thần chinh phục thiên nhiên không được nảy nở mạnh ở Trung Hoa như ở Âu Châu.

Vì tin rằng tính ác, ông phản đối tự do cá nhân, muốn khắc phục con người, trọng lễ hơn nhân, đề cao sự tập quyền. Về điểm này ông ở vào khoảng giữa Khổng Tử và các pháp gia, cũng chống lại Lão, Trang, và có phần hơi giống Mặc Tử.

Nhưng khi bàn về tâm, thì ông hợp với Mạnh Tử, cho rằng người ta biế phải trái là nhờ tâm ; tâm muốn cho sáng suốt thì phải hư tịnh. Theo truyền thống của Khổng học, ông trọng trí thức ghét phái ngụy biện ; đề cao thuyết chính danh nhưng không đứng riêng về phương diện đạo đức chính trị như Khổng Tử mà còn đứng về phương diện lý luận, xét lẽ tại sao mà có danh, do đâu mà có sự đồng dị, muốn chế danh thì phải sao ; và có những trường hợp nào mà danh và thực hóa loạn. Tuy nhiên cái học của ông vẫn thiên về nhân sinh : người biện luận phải phục vụ điều thiện, đạo nhân ái, phải theo một nguyên tắc chính đáng trịnh trọng mà ông gọi là *long chính*.

Có lẽ ông đã chịu ảnh hưởng ít nhiều của Mặc Tử nên đã đề cao đạo hợp quần của nhân loại. Ông bảo : « Người ta sức không bằng con trâu, chạy không bằng con ngựa, thế mà con trâu con ngựa đều bị người ta dùng là sao ? Là tại người biết hợp quần ». Muốn hợp quần thì phải có trật tự, phân biệt trên dưới. Đó cũng là một lẽ nữa để ông chủ trương tập quyền, hạn chế tự do cá nhân.

Vì trọng đạo đức, ông ghét chính sách quyền mưu của bọn pháp gia, vẫn theo đường lối của Khổng Tử mà dùng

lễ nghĩa để trị dân. Ông phân biệt vương đạo, bá đạo và vong quốc chi đạo. Vương đạo là chính sách của Khổng Tử, Mạnh tử ; bá đạo là chính sách của các pháp gia ; còn vong quốc chi đạo là chính sách của bọn cầm quyền phỉnh gạt dân để mưu cái tư lợi nhỏ mọn.

## HÀN PHI

Hàn Phi là môn đồ của Tuân Tử sinh sau Tuân Tử khoảng 50 năm. Lúc đó vào cuối thời Chiến Quốc (khoảng giữa thế kỷ thứ ba trước Tây lịch)

Có lẽ Hàn Phi thấy cái thế của Trung Quốc thời đó sắp thống nhất được, mà chỉ có thể thống nhất được bằng võ lực, nên muốn giúp Tần thực hiện việc đó.

Ông theo thuyết tính ác của Tuân Tử một cách triệt để, bảo rằng không gì thân bằng tình cha con, vậy mà có nhiều người cha sanh con trai thì nuôi, sanh con gái thì giết đi, coi cái lợi của mình nặng hơn tình ruột thịt nữa, như vậy bẩm sinh con người vốn đại ác. Do đó, Hàn không bàn đến nhân nghĩa nữa mà đề cao phương pháp dùng thế, dùng thuật, dùng pháp luật của pháp gia để trị nước.

Ông chủ trương cho dân chúng tự do cạnh tranh trong phạm vi kinh tế để nước được mau giàu. Và ông tin rằng theo chính sách độc tài về chính trị, tự do về kinh tế thì nhà vua chẳng cần phải làm gì cả mà nước sẽ trị. Chủ trương « vô vi nhi trị » đó thực trái hẳn chủ trương vô vi của Lão, Trang ; chính ra nó là một thứ cực hữu vị.

Tần Thủy Hoàng nghe tiếng Hàn Phi, rất kính phục, bảo : « Ta mà gặp được người đó thì chết cũng không buồn » rồi vời Hàn Phi lại giúp việc nước ; nhưng chỉ được ít lâu, Hàn bị một bạn học là Lý Tư (lúc đó làm Tướng nước Tần) hãm hại vì ghen tài, mặc dầu vậy cái học của Hàn cũng được thi hành ở Tần và giúp vua Tần hoàn thành được công việc thống nhất Trung Quốc, lập chế độ quân chủ chuyên chế để thay thế chế độ phong kiến.

Thế là các học thuyết Khổng, Mặc, Lão đều thất bại trong việc vãn cứu thời thế ; Hàn Phi đã thành công nhờ dùng trọn các thuyết của Pháp gia, và vay mượn — có khi lật ngược lại — tư tưởng của các phái khác, tư tưởng tôn quân, chính danh của Khổng, chủ trương tính ác của Tuân, tư tưởng thượng đồng và công lợi của Mặc, tư tưởng tự do, bình đẳng của Lão Trang.

## DƯ BA CỦA MỘT THỜI ĐẠI

*(Khoảng cuối đời chiến Quốc và đầu đời Hán)* — Trong khoảng thời gian này, xuất hiện bốn tác phẩm rất có giá trị : *Trung dung, Đại học,* * *Chu*

---

* Đa số học giả ngày nay cho Trung dung và Đại học xuất hiện vào khoảng cuối đời Chiến Quốc và đầu đời Hán ; nhưng Hồ Thích trong Trung Quốc triết học sử đại cương vẫn chủ trương rằng hai cuốn đó xuất hiện trước Mạnh Tử, vì theo ông có vậy mới không thiếu cái mạch từ Khổng tử tới Mạnh tử, mới hiểu được tại sao Mạnh lại trọng cá nhân, dân quyền, khác với Khổng. Các học giả khác cho rằng cái mạch đó đó không thiếu, vì giữa Khổng và Mạnh có Dương tử và Lão tử và rất có thể Mạnh đã chịu ảnh hưởng ít nhiều của hai nhà này ; và lại Mạnh cũng có thể có sáng kiến được.
Chúng tôi ghi cả hai thuyết đó để độc giả xét.

*Dịch, Hoài Nam Hồng Liệt*, ba cuốn trên của Nho gia ; cuốn cuối do bọn tân khách của Lưu An — tức Hoài Nam Vương đời Hán — chung sức nhau soạn. Bốn tác phẩm đó có thể coi là dư ba của học thuyết thời Tiên Tần.

*TRUNG DUNG* — Vốn là một thiên trong *Lễ ký*, tương truyền là của Tử Tư (cháu Khổng Tử) viết ; nhưng ngày nay các học giả cho rằng nếu thực là của Tử Tư thì cũng có phần viết thêm của người sau, của môn đệ Mạnh Tử, vào thời đầu Tần hay Hán vì trong sách đó có câu : *Kim thiên hạ xa đồng quỹ thư, đồng văn* (Ngày nay xe trong thiên hạ cùng một kiểu *, sách cùng một lối chữ) ; câu này trỏ thời Trung Quốc đã thống nhất rồi, hoặc đời Tần hoặc đời Hán.

Phần của Tử Tư có lẽ ở giữa sách, phần bàn về đức trung dung, đức mà Khổng Tử thường nói tới. Trung là không thái quá, không bất cập, tùy thời mà hành động ; dung là giản dị. Sở dĩ đạo «trung» dễ dàng, là vì chỉ cần suy kỷ cập nhân, chỉ cầu trung thứ mà thôi. Tuy nhiên biết « trung » cho hợp lẽ thì nhiều khi cũng rất khó ; bậc hiền nhân vị tất đã theo nổi.

Phần của môn đệ Mạnh Tử thêm vào có lẽ ở đầu sách : đoạn nói về mệnh, tính, đạo ; và ở cuối sách : đoạn nói về đức «thành» ; vì hai đoạn đó có tư tưởng hơi thần bí, hợp với tư tưởng của họ Mạnh.

*ĐẠI HỌC* — Cũng vốn là một thiên trong *Lễ ký*, theo Chu Hi đời Tống, do Tăng Tử viết ; nhưng các học giả ngày nay ngờ rằng thiên đó là tác phẩm của môn đệ Tuân Tử ở cuối đời Chiến Quốc hoặc đầu đời Hán, vì so sánh lời trong sách với lời trong cuốn *Tuân Tử*, thấy có nhiều chỗ tư tưởng giống nhau ; chẳng hạn những đoạn bàn về lễ, về sự học, về cái lẽ phải chuyên nhất, về sự cần-thiết của tri thức chính xác.

Học thuyết trong *Đại học* gồm ba điều cốt yếu : làm sáng đức, thân với dân, ngưng ở chỗ tri thiện ; và tám điều mục : cách vật, trí tư, thành ý, chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

Hai điều mục, *trí tri* và *cách vật* tới đời Tống và Minh thành đề tài cho các triết gia thảo luận khá sôi nổi.

*CHU DỊCH* — Tương truyền bát quái trong Dịch là của Phục Hi vẽ, Quái từ và hào từ là của Văn Vương và Chu Công viết, còn Thập truyện là của Khổng tử viết. Thuyết đó không lấy gì làm chắc mà người ta ngờ rằng một phần nhỏ Chu Dịch viết vào thời tiền bán Chiến quốc, một phần lớn viết vào đầu đời Hán vì tư tưởng trong sách dung hòa cả Nho, Lão và Âm dương gia.*

*Dịch* luận về sự phát triển của vạn vật trong vũ trụ ; cho rằng hết thảy đều do sự giao cảm của càn khôn mà ra.

Vạn vật luôn luôn biến hóa, mà vẫn có sự bất biến vì đều theo một trật tự nhất định (trời cao đất thấp, sang hèn đã định) và theo một luật tuần hoàn, thịnh cực rồi suy, suy cực rồi lại thịnh.

Về nhân sinh quan, tác giả Chu Dịch chú trọng vào đức khiêm tốn (giống Lão) và đức trung hòa (giống Khổng).

---

* Quỹ là dấu xe, tức khoảng cách giữa hai bánh xe. Phải nhất luật hóa khoảng cách đó để định chiều rộng của đường đi.

*HOÀI NAM HỒNG LIỆT* do nhiều người gom góp lời của các triết gia thời trước mà soạn thành, nên không có tư tưởng nào làm trung tâm cả ; nhưng cũng cống hiến cho triết học Trung quốc được ít nhiều về vũ trụ luận : lúc đầu trời đất mờ mờ mịt mịt, gọi là « thái thủy», thái thủy sinh ra « hư khuếch » cũng như hư không, (khuếch là mưa ngừng, mây tan), « hư khuếch » sinh ra vũ trụ, vũ trụ sinh ra nguyên khí, nguyên khí phân ra dương, âm, dương trong mà thành trời, âm trọc mà thành đất, âm dương sinh ra tứ thời, vạn vật ; cái nóng của dương chứa lại thành lửa, cái lạnh của âm chứa lại thành nước... ; tinh thần của người là bẩm thụ của trời, mà hình thể thì bẩm thụ của đất. Trời đất là một đại vũ trụ, con người là một tiểu vũ trụ. Người với trời đất, vạn vật là một, vì cùng do một gốc. Thuyết đó đáng gọi là có hệ thống.

**GIẢN CHI và NGUYỄN HIẾN LÊ**


# Sách của nhà xuất bản Sáng Tạo

**Doãn Quốc Sỹ** : Ba Sinh Hương Lửa 80đ — Dòng Sông Định Mệnh 40đ Trái Cây Đau Khổ 40đ — Gìn Vàng Giữ Ngọc 40đ — Người Đàn Bà Bên Kia Vĩ Tuyến 110đ — U hoài 40đ **Nguyễn Sỹ Tế** : Chờ Sáng (Hết). — **Tuệ Mai Trần Gia** : Thơ Tuệ Mai 50đ — Không Bờ Bến 40đ — **Mai Thảo** Bản Chúc Thư Trên Ngọn Đỉnh Trời 50đ — **Thanh Tâm Tuyền** : Khuôn Mặt 40đ — Mặt Trời Tìm Thấy 50đ **Duy Thanh** : Lớp Gió 52đ — **Minh Đức Hoài Trinh** : Bơ Vơ 52đ — Hẳn 44đ Mơ 32đ. — Thư sinh 42đ. — **Vĩnh Lộc** : Đôi Cánh Gãy Của Thiên Thần 42đ. — **Thế Viên** : Khuôn Mặt Của Chúng Ta 50đ.

**Mới cho phát hành trong tủ sách Ý THỨC**

**THẢO LUẬN** : Bản thường 52đ. Bản quý 100đ Bốn cuộc thảo luận thanh toán với thế hệ trước khơi mở một con đường mới cho nghệ thuật hôm nay, một nghệ thuật mang trong nó sự vận động biện chứng của hủy diệt và sáng tạo.

Các bạn ở xa có thể viết thư về cho nhà xuất bản Sáng Tạo 133 Võ Tánh Saigon hay cho Doãn Quốc Sỹ 338/60B Thành Thái Cholon các bạn sẽ nhận được sách gửi bảo đảm tận nhà.

# B. N. C. I.

## BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

**S. A. au capital de : 120.000.000 F. F.**
**Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 6è**

### SAIGON

**36, Rue Tôn-Thất-Đạm**
**Téléphone : 21.902 — 3 Lignes**
**135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ**
**(Immeuble TAX)**
**Téléphone : 22.797 — B.P. N° E-5**

### PHNOM-PENH

***Moha ithei Preah Bat Norodom***
**(ex Doudart de Lagrée)**
**Télephones : 385 et 48**
**B. P. 129**

### SUCCURSALE DE HONGKONG

***Central Building Queen's Road Central***
**Tel. 35.601**
**P. O. Box N° 763**

**La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Réprésentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).**

● *VŨ BẢO*

# Tổ-chức KU KLUX KLAN và vấn đề người da đen tại Hoa-Kỳ

Vợ chồng ký giả Pierre Gosset sau khi đi thăm Hoa-Kỳ về có xuất bản cuốn « Nước Mỹ của người Mỹ » (l'Amérique aux Américains) trong đó có đoạn viết về vấn đề chủng tộc, Gosset mở đầu như sau :

« Có tới mười lối nhìn vấn đề người da đen ở Hoa-Kỳ. Và chúng tôi nói mười, chỉ là để cho gọn mà thôi : Có lối nhìn của người vị tha, có lối nhìn của người cuồng tín, có lối nhìn lý tưởng, có lối nhìn thực tế vân vân.. Và lối nào cũng có lý của nó. »

Trong số báo kỳ trước, Bách Khoa đã trình bầy cuộc tranh đấu của người da đen theo khía cạnh pháp lý. Kỳ này Bách Khoa xin đề cập đến một lối nhìn hoàn toàn trái ngược của một tổ chức người đa trắng : tổ chức Ku Klux Klan.

Người ta khó mà tưởng tượng nổi trong khi các phi hành gia Grissom và Young mặc những bộ đồ riêng, được phóng lên không gian từ mũi Kennedy thì ở ngay những tiểu bang sát nách vẫn còn một số người Hoa-Kỳ khác mặc những y-phục quái gở, đội mũ tùm hụp che kín hết mặt mũi chỉ để chừa đôi lỗ nhỏ cho cặp mắt nhìn ra, đêm đêm tụ họp nhau như những hồn ma vất vưởng rồi làm lễ theo những nghi thức đã có từ 100 năm nay. Đã một thế kỷ rồi, cái tổ chức kỳ dị đó trải qua nhiều bước thịnh suy, thăng trầm nhưng nó vẫn luôn luôn đứng vững Thời gian không làm nó lu mờ, các tiến bộ của

các trào lưu tư tưởng, những bước nhảy vượt bực của khoa học và kỹ thuật cũng không lay chuyển nổi các cỗi rễ của nó. Tổ chức Ku Klux Klan khăng khăng với lập trường cố hữu của nó là tranh đấu cho sự phân chia chủng tộc. Nó là kết tinh sự chống đối của một số người da trắng Hoa-Kỳ trước vấn đề bình đẳng của những người da đen.

Bẵng đi một dạo không không thấy ai nói đến Ku Klux Klan, nhưng vừa xảy ra một vài vụ lộn xộn da đen. da trắng thì lại thấy Ku Klux Klan hiện hình. Đối với người Hoa-Kỳ, Ku Klux Klan đã như là tượng trưng cho sự ám ảnh của vấn đề chủng tộc, một thảm kịch nhức nhối đã mang lại nhiều đêm mất ngủ cho các vị Tổng Thống Mỹ từ Lincoln tới Johnson, và chưa có dấu hiệu nào là sắp chấm dứt,

*Ku Klux Klan được thành lập trong những trường hợp nào?*

Muốn trả lời câu hỏi này phải đi ngược lại thời gian, trở về đúng 100 năm trước đây. Tháng 4 năm 1865; cuộc nội chiến giữa các tiểu bang miền Bắc chủ trương hủy bỏ chế độ nô-lệ và các tiểu bang miền Nam muốn duy trì chế độ đó, đã chấm dứt sau khi 620.000 người bỏ xác trên chiến trường, 4 tỷ 750 triệu mỹ kim tan ra khói súng và không biết bao nhiêu vết thương phải hàn gắn.

Phe Abolitionists (bỏ nô lệ) đã thắng và ngày 18 tháng 12 năm 1865, Quốc Hội Hoa-Kỳ chấp thuận tu chính án thứ 13 của Hiến Pháp hủy bỏ hoàn toàn chế-độ nô-lệ.

Người dân các tiểu bang miền Nam Hoa-Kỳ đã phải chịu tất cả những nỗi ê chề đau đớn của kẻ thất bại. Không phải chỉ có lòng tự ái bị tổn thương mà thôi đâu, tuy rằng cả sự kiêu hãnh của người da trắng tự coi mình hơn người da đen, nay đã bị đổ xụp một cách phũ phàng. Không, nỗi khổ tâm của họ còn đi xa hơn thế nữa! Nhìn vào mùa màng bị đốt phá, cầu cống bị hủy hoại, họ còn không trông thấy cả ngày mai nữa vì không có nô lệ da đen thì cả một hệ thống kinh tế của họ bị lung lay đến tận gốc: các ruộng bông, ruộng mía, vườn thuốc lá của họ từ nay sẽ không còn kiếm đâu ra 4 triệu nhân công rẻ mạt đó nữa.

Họ đã cầm súng, công khai tuyên chiến với các tiểu bang miền Bắc để bảo vệ những quyền lợi mà họ cho là bất khả xâm phạm. Nhưng họ đã thua. Và cái phản ứng tự nhiên của họ sau khi sự chống đối công khai đã thất bại, là hoạt động bí mật, thâu thập những tàn lực tản mát còn lại, để ngấm ngầm kháng cự với trào lưu giải phóng người da đen. Chính do những nỗi uất hận hải nín câm đó, chính do những niềm thất vọng không nói nên lời mà đã phát sinh ra hiện tượng Ku Klux Klan. Cái tổ chức bí mật đó đã được thành lập giữa những cựu chiến binh quẳng súng đi rồi mà còn mang hờn chiến bại, giữa những trại chủ nhìn đồn điền bị thiêu rụi, nhà cửa đồ hoang tàn mà không thể nào quên được những đặc quyền vừa bị tước đoạt và những ngày hạnh phúc đã qua.

Trong khi đó, các tiểu bang miền Bắc

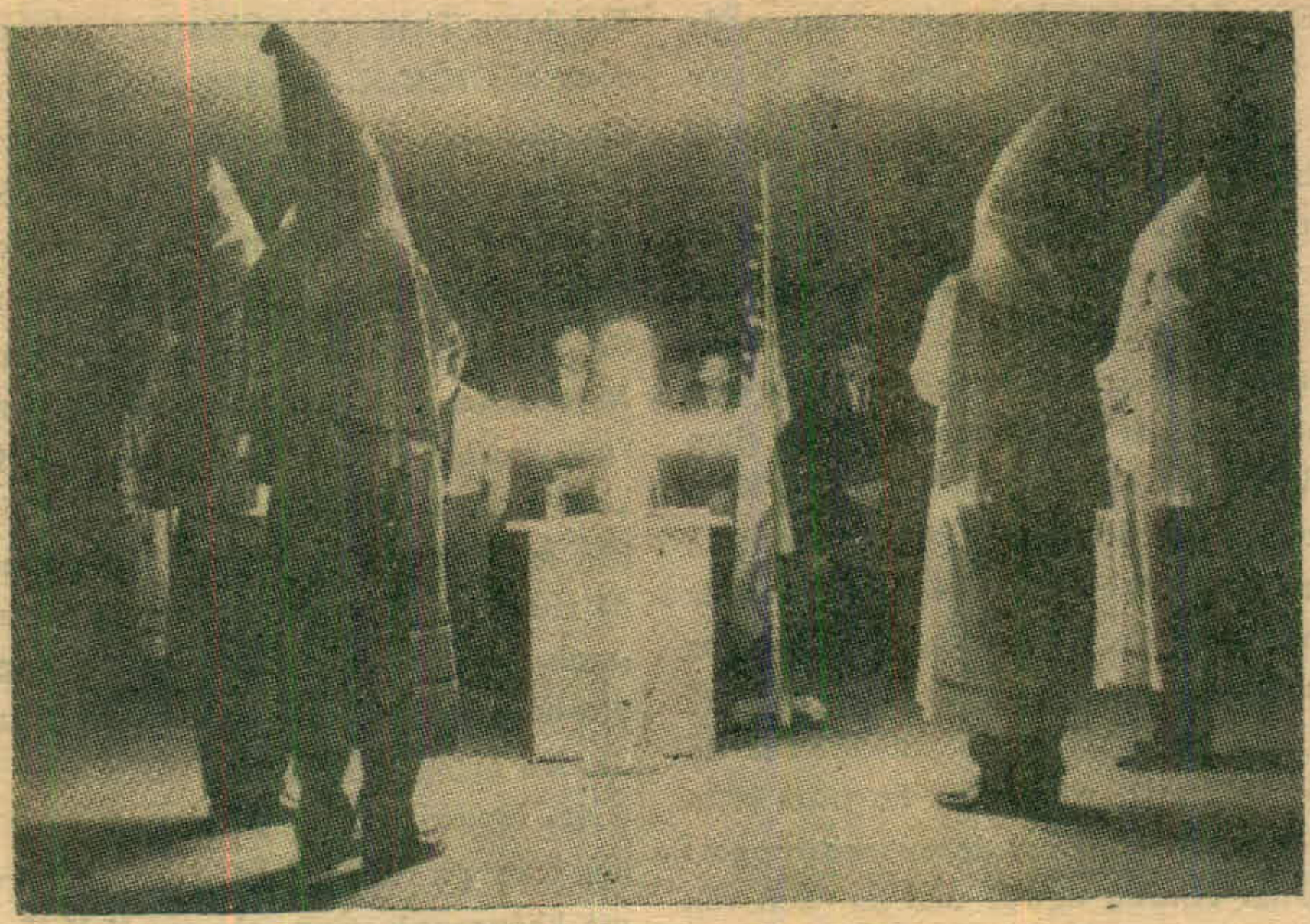

*Một buổi lễ của Ku Klux Klan*

Hoa Kỳ, say sưa với chiến thắng, đã có những hành động quá độ, gần như để « trả đũa » những kẻ đã có gan cầm khí giới đánh lại họ. Họ chia các tiểu bang miền Nam ra làm nhiều khu quân sự rồi cho quân đội Liên-Bang đến chiếm đóng. Họ cho ban hành những đạo luật tuyên bố những người miền Nam đã chống đối họ là « vô tư cách công dân », không được đi bỏ phiếu hay ứng cử. Tất cả những chức vụ công cử đều do người các tiểu bang miền Bắc nắm giữ, thỉnh thoảng có lọt người miền Nam nào thì toàn là những tay Scallawags (tiếng lóng để chỉ những người da trắng miền Nam đã đi theo phe Abolitionists) — Các chính khách miền Bắc lại dùng chính sách mị dân đối với người da đen để lấy được số phiếu của họ, khiến cho các tiểu bang miền Nam càng tức giận và đặt cho cá chính khách kia tên gọi là Carpetbaggers (bọn « mang túi hành lý » ý nói bọn ở xa tới).

Còn người dân da đen thì như chim vừa xổ lồng đã xử dụng bừa bãi lá phiếu, hành hung người da trắng, hiếp người, lấy của...

Thực ra nếu Tổng Thống Lincoln còn sống thì với uy tín và sự khéo léo của ông ta, cục diện có thể đổi khác và nhiều hành động quá độ đã có thể tránh khỏi. Nhưng Tổng Thống Liccoln đã bị một kép hát tên là John Wilkes Booth đâm chết ở một hý-viện và các tiểu bang miền Nam sau khi Tổng Thống chết, đã phải chịu đựng nhiều sự bất bình. Và họ đã có quyết định dùng những hình thức khủng bố bí mật để trả lời bạo động.

Đêm hôm 24 tháng chạp năm 1865 tại Pulaski, tiểu bang Tennessie, 6 cựu sĩ quan trẻ tuổi thuộc các đội quân miền Nam trước đây, đã hội họp tại một căn nhà đổ nát vì chiến tranh, và lập nên một hội kín để đùa nghịch cho tiêu thì giờ nhiều hơn là để theo đuổi một chương trình hoạt động đứng đắn. Muốn cho hội có vẻ huyền bí họ chọn một tên thật kỳ khôi là Ku Klux Klan (Ku Klux là do tiếng Hi Lạp KyKlos : vòng tròn, đọc trạnh đi, và Klan là đảng). Họ lấy những khăn trải giường làm những áo choàng lượt thượt, và lấy áo gối đội tùm hụp lên đầu chỉ để chừa đôi mắt. Đêm đêm họ trùm chăn lên ngựa rồi cưỡi đi nghễu nghện ngoài đường. Những người dân da đen vốn hay mê tín, đã hết sức hoảng sợ khi thấy xuất hiện bọn người chẳng phải người, ma chẳng phải ma này. Thế là « phong trào » bắt đầu nảy nở mau chóng và rất nhiều người da trắng đã xin gia nhập đảng.

Từ đó, tổ chức Ku Klux Klan đã qua nhiều bước thịnh suy và người ta có thể phân biệt ra 4 thời kỳ trong lịch sử đảng bí mật này :

*Thời kỳ thứ nhất : Nhiều đảng bộ được tổ chức trong toàn Quốc.* — Các đảng viên K.K.K. ngay năm 1867 đã triệu tập một đại-hội để bầu ra một « Pháp Chủ » và thống nhất đường lối hoạt động. Một vị tướng lãnh đã từng chỉ huy quân đội miền Nam, ông Nathan Bedfort Forrest được bầu lên làm Đại-Quốc-Lão. Các hàng chức sắc khác cũng được quy-chế-hóa một cách tỉ mỉ như Đại giáo sĩ, Độc nhãn thần, Đại Long Thần v.v... Chương trình hoạt động của K.K.K. là ngăn cản bằng đủ mọi cách không cho người da đen được xử dụng quyền bỏ phiếu vừa mới công nhận cho họ. Trí tưởng tượng mà các đảng viên K.K.K. thật là phong phú. Có khi thì họ dùng biện pháp nhẹ : Một đoàn K.K.K. ban đêm che mặt cưỡi ngựa tới lều những người da đen khóc than ai oán, tự xưng là những hồn ma vất vưởng của những chiến sĩ đã chết vì trận giặc Nam Bắc phân tranh. Rồi họ kêu là bị lửa địa ngục đốt nóng quá nên rất khát và đòi người da đen mang ra từng vại nước cho họ uống. Người da đen trố mắt ra nhìn họ nốc ừng ực từng mấy chục lít nước mà không ngờ rằng các tay K.K.K đã như những nhà ảo thuật thiện nghệ, trút nước một cách khéo léo vào các túi da dấu trong áo choàng rộng.

Khi người da đen bắt đầu sợ hãi rồi thì các tay K.K.K. đe dọa họ không được đi bầu nếu không muốn bị lửa địa ngục đốt.

Nhưng có khi thì K.K.K. không cần tế nhị gì cả, dùng ngay biện pháp mạnh : quất mấy anh da đen bằng roi da, vác mấy anh khác ra thiến hay treo cổ lên cành cây.

Những trò chơi đó đã mang lại nhiều đảng viên mới xin gia nhập K.K.K. Nhưng số người càng đông thì thành phần càng ô hợp. Nhiều tay đầu trộm đuôi cướp đã nhảy vào đảng rồi làm nhiều chuyện lạm dụng khiến chính Đại quốc Lão Forrest phải ra lệnh giải tán K.K.K.

*Thời kỳ thứ hai : những năm toàn thịnh của K.K.K.*

Năm 1915, K.K.K. hồi sinh nhờ sự xuất hiện của một pháp chủ có tài tổ chức, ông Willian Joseph Simmons. Ông ta là một mục sư có tài hùng biện. Nửa đêm Lễ Tạ ơn năm đó, ông ta đưa 15 người bạn lên đỉnh núi Stone, tiểu bang Alabama, xếp đá làm một bàn thờ, bày ra một lá quốc kỳ, một cuốn Thánh Kinh và một thanh gươm tuốt trần. Sau đó ông ta nói cho các bạn nghe là cách đấy ít lâu, ông ta đang ngồi trầm niệm thì một đám mây đi ngang qua mặt và dừng lại, hiện ra thành hình một hiệp sĩ áo trắng. « Thượng Đế đã vạch đường cho tôi phải tái lập Ku Klux Klan để loại trừ hết những kẻ ngoại nhân trên đất này ». Nói xong ông ta đốt trước bàn thờ một thánh giá bằng gỗ để báo hiệu cho dân chúng biết Ku Klux Klan đã phục sinh và ông ta lên ngôi Đại quốc Lão.

Simmons có a người giúp việc rất đắc lực Edward Young Clarke và một góa phụ Elizabeth Kyler. Tất cả những lối quảng cáo rầm rộ nhất theo kiểu Hoa Kỳ đã được mang ra xư dụng để kết nạp đảng viên. Họ tuyên truyền lôi cuốn theo chủ đề dưới đây :

Hoa Kỳ đang rơi vào những xa đọa và chắc chắn sẽ gặp những tai ương khủng khiếp. Chỉ có kẻ nào gia nhập. Ku Klux Klan thì mới cứu rỗi được hồn xác mình.

Đem những viễn ảnh thiên tai giáng họa ra dọa người cả tin, họ đã kết nạp được rất nhiều đảng viên mới và thâu được một số bạc cũng khá bộn vì tiền gia nhập K K.K. là 10 Mỹ Kim một người.

Một mặt khác, Simmons và đồ đệ cũng mở rộng chiến tuyến, và liệt vào hàng ngũ những « ngoại nhân » phải đầy bật ra khỏi đất Hoa Kỳ :

— trước hết những người da đen ;

— rồi tới những người Công Giáo mới di cư tới (Ái Nhĩ Lan, Ý Đại Lợi, Ba Lan).

— sau cùng người Do thái.

Nói tóm lại tất cả những người nào không đủ 3 điều kiện, là người da trắng sinh đẻ tại Hoa Kỳ và theo Cơ đốc tân giáo thì đều là kẻ thù cả.

Một khi hàng ngũ đã đông đảo, Simmons đã lo chỉnh đốn lại y phục, xếp đặt lại nội quy.

Áo choàng và mũ bây giờ không thể làm bằng khăn trải giường và áo gối như trước nữa, mà bằng sa tanh thêu. Cả một xưởng kỹ nghệ được thiết lập, hãng « Gate City Manufacturing Company » chỉ để chuyên chế tạo mũ áo cho hợp thức, và lẽ tất nhiên như mọi xí nghiệp khác ở Hoa Kỳ, đã sản xuất theo lối dây chuyền mỗi ngày vài trăm bộ y phục K.K.K.

Đảng lại đặt ra cả một thứ tự vựng riêng trong đó danh từ nào cũng bắt đầu bằng mẫu tự K như là Ku Klux Klan vậy. Dưới đây là một số danh từ thông dụng :

Kloran : thánh kinh của Ku Klux Klan
Klectoken : tiền gia nhập Klan.
Klonvokation : cơ quan lập pháp của Klan
Kloncilium : cố vấn đoàn.
Klonklave : buổi sinh hoạt hàng tháng
Klorero : đại hội tiểu bang
Kludd : tuyên úy

vân...vân... Và tất cả những danh từ bắt đầu bằng chữ K đó đều được gọi là Klanonyms (danh từ của Klan).

Ku Klux Klan lại còn có cả lịch riêng (lẽ tất nhiên gọi là Klan Kalendar). Bầy ngày trong tuần không còn là thứ hai, thứ ba, thứ tư... nữa mà là Dark, Deadly, Dismal, Doleful, Desolate, Dreadful và Desperate.(tạm dịch ngày đen, ngày chết, ngày buồn, ngày sầu, ngày cô đơn, ngày ghê rợn, ngày tuyệt vọng). Một tháng có 4 tuần : tuần đau đớn, tuần khóc lóc, tuần than thở, tuần kỳ dị. Một năm có 12 tháng : tháng máu, tháng tối, tháng tởm, tháng kinh, tháng giận, tháng sợ, tháng ghê, tháng hãi, tháng tang, tháng buồn, tháng lo, tháng rợn. Đã có lúc Ku Klux Klan kết nạp được gần 4 triệu đảng viên và trở thành một lực lượng chính trị đáng kể thao túng nhiều cuộc bầu cử tại địa phương cũng như trong toàn quốc. Nhiều thẩm phán, thị trưởng cảnh sát trưởng, thống đốc và ngay cả thượng nghị sĩ nữa đã được bầu nhờ thế lực của Klan. Và ứng cử viên Alfred E. Smith, người Công giáo đầu tiên ra tranh cử Tổng thống Hoa Kỳ đã bị Ku Klux Klan dốc hết hết toàn lực ra đánh bại để dồn phiếu cho Herbert Hoover, vì dưới mắt Klan, ông Smith không theo đạo Tin Lành thì là một « ngoại nhân » rồi. Trước ảnh hưởng rộng lớn của của Ku Klux Klan, nhiều Chính khách đã xin gia nhập « phong trào » (ngay từ hồi đó, họ đã biết làm vậy rồi) hoặc để củng cố địa vị, hoặc để tính chuyện làm ăn trong tương lai.

Giáo chủ Simmons cho rằng mình đã thành công và có thể nhường ngôi cho kẻ khác. Giáo chủ cũng đã tỏ ra hết sức thực tế: Năm 1924, Simmons đã bán lại chức Đại Quốc Lão của mình cho một nhà trồng răng tên là Hiram Wesley Evans với số tiền rất lớn là ba trăm ngàn Mỹ kim.

*Thời kỳ thứ ba : Chia rẽ nội bộ.* Cũng như Simmons. Giáo chủ Evans đã nghe tiếng gọi của Thượng Đế mà hành đạo. Nhưng Evans còn hơn một bực nữa vì Simmons chỉ mới trông thấy một đám mây hình người hiệp sĩ áo trắng mà hiểu ngay đó là thông điệp của Đấng Tối Cao, còn Evans thì quả quyết là mình đã nói chuyện « tay đôi » với Thượng Đế. Không biết trong câu chuyện thân mật này, Đấng Tối Cao đã phán dậy Evans những chuyện gì, nhưng qua những hành động của Evans thì người ta không thể tin được rằng Đấng Tối Cao đã dạy những điều thấp đến như vậy.

Vì dưới sự lãnh đạo của Evans, Ku Klux Klan đã gia tăng khủng bố người da đen. Các đảng viên đã nghĩ ra nhiều trò chơi độc ác mà hay dùng nhất là trò « Strappado » và trò « Taring and feathering ».

Strappado là trói chân tay người da đen, rút họ lên cao, rồi thả bịch họ xuống đất nhiều lần như vậy. Taring and feathering là quét hắc-ín vào người họ cho họ đã đen lại đen thêm rồi cắm lông lên trên như một con vật lông lá sồm soàm và mang dẫn họ đi diễu ngoài đường phố. Có một số chi bộ khổng đến nỗi hung dữ như thế và chỉ dùng đòn tinh thần: nửa đêm đốt một cây thánh giá gỗ trước cửa nhà một người da đen « bất hảo » hay dán lên tường một bức thư ngọt ngào như sau : «Ngày nào cũng có xe lửa ở tỉnh này đi nơi

*Một đám cưới theo nghi lễ Ku Klux Klan*

khác. Xin chọn chuyến gần nhất và đừng để mất thì giờ.

Ku Klux Klan lễ phép (!) và long trọng kính cáo.»

Và chủ nhà hiểu ngay là mình phải làm gì.

Edward Young Clarke người phụ tá trước đây của Simmons, đã rất chán nản thấy Ku Klux Klan mỗi ngày một đi sâu vào con đường khủng bố. Ông ta bèn từ giã giáo chủ mới Evans và đi lập một Klan khác lấy tên là « Vương quốc tối cao ». Và những ngày vàng son của Ku Klux Klan bắt đầu chấm dứt từ đấy. Những vụ tranh chấp địa-vị, tiền bạc mờ ám, tra tấn giết người đã làm cho Klan suy yếu lần. Và năm 1926, Klan đã cho dân Mỹ thấy một hình ảnh ghê tởm khi Đại Long thần của tiểu bang Indiana tên là David Stephenson đã hiếp chết một thiếu phụ trên một toa xe lửa có giường ngủ.

Hàng ngũ đảng viên tan rã dần và tới năm 1930 người ta ước tính Ku Klux Klan chỉ còn chừng vài chục ngàn đệ tử. Tất cả phong trào cứ thế ngủ im lìm một giấc dài cho đến thế chiến thứ hai.

## Thời kỳ thứ tư : Những cố gắng hồi sinh

Năm 1954 khi Tối Cao Pháp Viện Hoa Kỳ ra bản án lịch sử phán quyết về sự bình đẳng chủng tộc trong các học đường (1) thì Ku Klux Klan bừng thức dậy cho là thời cơ đã tới để hoạt động mạnh mẽ như xưa. Các vụ bạo động khủng bố người da đen lại xảy ra liên tiếp, và lần này đi theo với đà tiến của khoa học và kỹ-thuật, Klan không còn quét hắc ín hay cắm lông như trước nữa mà ưa dùng súng và bom plastic. Nhiều đội « đặc công » được thành lập

(1) Xin coi Bách-Khoa số 199 : Đạo-luật công quyền và người da đen tại Hoa-Kỳ, bài của Vũ-Bảo.

với nnững tên rất kêu như « The Holy Terrors » « Đội Khủng bố thần thánh) hay « The Secret Six » (Sáu người bí mật).

Chắc chắn đã có bàn tay Ku Klux Klan trong các vụ chống đối học sinh da đen vào trường công tại Littlẹ Rock hay tại Oxford, trong các vụ mưu sát các mục sư đã từng hoạt động hăng hái cho sự bình đẳng chủng tộc như Ralph Abernathy, Robert Graety hay nổi tiếng hơn hết, mục sư Martin Luther King.

Rồi lại tới những vụ xung đột về màu da tại Montgomery, Birmingham Lexington, chỗ nào mà mối hờn chủng tộc còn âm ỉ cháy như một hòn than chưa nguội thì Ku Klux Klan lại nhảy vào khơi to lên ngọn lửa bất hòa. Trong vòng 10 tháng nay, trên bản thành tích của Ku Klux Klan ít nhất cũng đã có tới 5 sác chết : tháng 6 năm 1964 ba người đi hoạt động cho quyền công dân của người da đen bị giết tại Mississippi, tháng 7 năm đó, giáo viên Peen bị hạ tại Georgia, và tháng 3 vừa qua đến lượt bà Liuzzo tại Selma.

Khi mục sư King tổ chức cuộc đi bộ phản kháng 80 cây số từ Selma đến Montgomery để đòi cho người da đen được ghi tên vào danh sách cử tri thì bà Liuzzo, 39 tuổi, 5 lần ly dị và có 5 con, đã dùng cái xe hơi Oldsmobile của mình để chở những người biểu tình. Một cái xe hơi khác đã đi theo xe bà và đến một khúc đường vắng đã chạy lên đi ngang hàng và một người bắn sang trúng bà Liuzzo.

Chỉ có 16 giờ đồng hồ sau vụ án mạng, Tổng Thống Johnson đã lên đài vô tuyến truyền hình cùng với ông Hoover, giám đốc F.B.I. cơ quan an ninh liên bang và ông Katzenbach, bộ trưởng Tư-Pháp để trình bày với dân chúng Hoa-Kỳ là đã bắt được 4 thủ-phạm, đảng viên Ku Klux Klan. Đó là 2 anh thợ của một xưởng làm thép, anh Eugène Thomas và Leroy Wilkins và 2 anh thợ thất nghiệp Gary Rowe và William Eaton. Việc họ bị bắt một cách nhanh chóng đến như vậy chứng tỏ trong hàng ngũ Ku Klux Klan ngày nay đã có nhân viên công-an FBI « nằm vùng »

Tổng Thống Johnson đã nói trên đài như sau : « Những đảng viên Ku Klux Klan nghe tôi nói ngày hôm nay, — và đây vừa là một lời kêu gọi vừa là một lời cảnh cáo, hãy rời bỏ ngay tổ-chức của Klan và trở về với một xã-hội đứng đắn trước khi quá muộn ».

Sau đó Tổng-Thống Johnson hứa sẽ xin quốc hội điều tra về hoạt-động của Klan cùng đệ-trình một dự án luật đặt Ku Klux Klan dưới sự kiểm soát hữu hiệu của luật pháp.

oOo

Người ta phải ghi nhận thiện-chí và lòng cương quyết của Tổng-Thống Johnson trong việc bảo đảm quyền công dân cho người da đen. Tuy nhiên nhiều người Hoa-Kỳ vẫn thấy rằng những biện pháp mà Tổng Thống Johnson định áp dụng với Ku Klux Klan chắc chắn còn gặp nhiều khó khăn :

1) Về phương diện hiến pháp, không thể nào cấm Klan hoạt động mà không đi ngược với nguyên tắc tự do hội họp tự do phát biểu ý kiến.

2) Về phương diện tư-pháp, trường phạt nặng những đảng viên của Klan phạm tội, trong hiện tình tổ-chức công quyền của Hoa-Kỳ, cũng không phải dễ dàng gì. Lấy trường hợp 4 anh K.K.K. vừa giết bà Liuzzo làm thí dụ, thẩm quyền xử tội mấy anh đó đã giết người là thuộc tòa án tiểu bang Alabama mà bồi thẩm là những người da trắng có thiện cảm với can nhân. Còn cơ quan Tư pháp Liên Bang thì chỉ có thể phạt 4 anh ta về tội đã «ngăn trở bà Liuzzo xử dụng quyền công dân» nghĩa là vài tháng tù và một số tiền vạ. Muốn phạt nặng hơn thì chỉ có một cách là thay đổi lại hết các thể chế của Hoa Kỳ !

Cho nên có thể nói là dù đã gặp nhiều thăng trầm, Ku Klux Klan cũng không phải sẽ ngày một ngày hai mà tiêu tán. Số người ủng hộ ngầm Ku Klux Klan ở Hoa kỳ cũng không phải là ít. Bốn người giết bà Linzzo vừa bị bắt đã có người nộp hộ 50.000 mỹ-kim tiền ký quỹ (gần 7 triệu bạc V.N. giá chợ đen) để cho họ được tự do tạm.

Người ta cũng phải tự hỏi do đâu mà giữa một khung cảnh tiến bộ như Hoa kỳ, một tổ chức lỗi thời như Ku Klux Klan vẫn còn tồn tại được ? Có thể là vì con người giữa thời đại này vẫn còn sót lại những nhu cầu tâm linh huyền bí để cho ma lực của một số nghi thức quái đản quyến rũ. Có thể là vì mặc cảm tự tôn của người da trắng hay những quyền lợi thực-tế mà người da trắng chưa muốn cùng chia với người da đen. Dầu sao đi nữa thì cũng còn lâu, Hoa kỳ mới xếp được Ku Klux Klan như một món đồ cổ trong viện bảo tàng lịch-sử của mình.

VŨ-BẢO

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY HỎA HOẠN**
TAI NẠN GÂY BỞI CHẤT NỔ
VỐN : 1.500 TRIỆU PHẬT-LĂNG
Cie d'Assurances Générales contre l'Incendie et les Explosions
Capital : 1.500.000.000 Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY TAI NẠN**
GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO
VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG
Cie d'Assurances Générales Accidents Vol — Maritime — Risques Divers
Capital : 3 Milliard de Frs.

# CÔNG-TY BẢO-HIỂM PHÁP Á

**BẢO HIỂM MỌI NGÀNH**
**Vốn : 8.750.000.000 Phật Lăng**
Assurance Franco Asiatique
Assurance Toutes Branches
Capital : 288.750.000.000 F.

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**
*CHI NHÁNH TẠI SAIGON*
**26, đường Tôn-Thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)**
**GIÂY NÓI : 21.953 — 23.913**

## cảnh tượng

*Thôi còn gì ở đó*
*cho em và cho anh ?*
*tuổi thơ thành sỏi đá*
*từng giọng buồn qua nhanh*
*anh nghe ngàn gió lộng*
*ôi lý tưởng bay cao*
*như loài mây vô định*
*về đây rơi giọt sầu*

●

*Thôi còn gì ở đó*
*đồng xanh thành chiến trường*
*loài chim hiền kinh hoảng*
*nuối tiếc rời miền thương*
*mang trên mình tuổi trẻ*
*em có gì hơn anh ?*
*tình yêu còn chưa đủ*
*theo lửa cháy tan tành !*

●

*Thôi còn gì ở đó*
*màn kịch vẫn còn dài*
*mọi người thì mỏi mệt*
*không cần gì tương lai !*
*những đêm rồi không ngủ*
*súng nổ rất gần đây*
*bà mẹ già rơi lệ*
*lo cho đứa con trai...*

●

*Thôi còn gì ở đó*
*dòng sông buồn em ơi*
*chiếc cầu vừa bị sụp*
*ngăn quê anh xa vời !*

●

*Bằng linh hồn bé nhỏ*
*anh van nài tình thương*
*nhưng bầy quạ vừa đến*
*kêu từng tiếng não nùng !*

**NGUYỄN-NHO-NHƯỢNG**
(Những khúc ca hoang)

# Rồi...

*Rồi đời người lớn lên*
*Tuổi già bao nhiêu đó*
*Mùa Xuân nào triền miên*
*Dư âm nào trong gió.*

*Hồn ta sao ngẩn ngơ*
*Dòng sông trôi lặng lẽ*
*Chinh chiến vàng giấc mơ*
*Khói lửa hoang lòng trẻ*

*Ai đến và ai đi*
*Ai vay và ai trả*
*Đường chen chân người qua*
*Nghĩa trang đầy thánh giá.*

*Mình ở giữa dừng đây*
*Đằng sau là tiếng khóc*
*Đằng trước là lời than*
*Cùng một trời tang tóc.*

*Khi ta ra chào đời*
*Khi ta vào nội cỏ*
*Quãng giữa nào yên vui*
*Chiến chinh tranh giành đó.*

*Có buồn khi tiết xuân*
*Về trong mùa lá đỏ*
*Có buồn khi giá băng*
*Dâng trong lòng khói lửa.*

*Có buồn không đổi thay*
*Kiếp người bao nhiêu tuổi*
*Anh còn em hôm nay*
*Yêu thương nhiều cho khuây.*

16-3-65

**HỮU-PHƯƠNG**

NGUYỄN-PHƯƠNG

# lịch-sử LẠC-VIỆT

(Xin xem B.K.T.Đ. từ số 197)

## VI.— ĐỜI SỐNG CỦA DÂN LẠC VIỆT DƯỚI THỜI HÁN

VỀ việc đời sống của dân Lạc Việt được tiết lộ bởi các hình vẽ trên những « trống đồng Lạc Việt », chúng tôi đã bàn tới trong những bài « Tiền Sử Lạc Việt ». (Đại học số 38, 39). Đây chúng tôi xin trình bày một vài sử liệu đề cập đến cùng một vấn đề. *Toàn thư* có nhắc qua một ít nét trong đoạn sau :

« ... Năm đó là năm Kỷ Sửu, năm thứ năm hiệu Kiến Vũ (29) của vua Quang Vũ nhà Hán (25-57), Tích Quang, người Hán Trung, ở Giao Chỉ, dạy lễ nghĩa cho dân. Nhà Hán đặt Nhâm Diên làm Thái thú Cửu Chân. Diên là người đất Uyên. Dân Cửu Chân quen nghề đánh cá, săn bắn, không làm việc cày cấy. Diên bèn dạy dân phở ruộng, hằng năm cày bừa trồng trọt, trăm họ được no đủ... Những kẻ nghèo không tiền làm lễ cưới, thì Diên bắt, từ các trưởng lại trở xuống mỗi người phải bớt bổng lộc để giúp đỡ. Cùng một lúc, có đến hai nghìn người cưới vợ. Ông làm việc được bốn năm thì phải triệu về. Người Cửu chân lập đền kính ông, và sinh con ra họ đặt tên là Nhâm. Ở Lĩnh Nam, văn phong bắt đầu từ hai Thái thú đó. »

(Đương thời Hán Quang Vũ, Kiến Vũ ngũ niên, Kỷ-Sửu dã, Tích Quang, Hán trung nhân, tại Giao Chỉ, giáo dân dĩ lễ nghĩa. Phục dĩ Nhâm Diên vi Cửu Chân Thái thú. Diên Uyên nhân dã. Cửu Chân tục dĩ điếu xạ vi nghiệp, bất sự canh chủng. Diên nãi giáo dân khẩn tịch, tuế tuế canh chủng, bách tính sung cấp. Bần

dân vô sinh lễ giả, Diên lệnh trưởng lại đi hạ tỉnh bồng lộc dĩ chẩn trợ chi. Đồng thời thú giả nhị thiên nhân. Thị sự tứ niên, triệu hồi. Cửu Chân nhân vị chi lập từ. Kỳ sinh tử trứ danh giai viết Nhâm yên. Lĩnh Nam văn phong thỉ nhi thủ yên.) (3, lab).

Đoạn văn vừa kể đã được một số người căn cứ vào đó để tả đời sống của dân Lạc Việt. Nhưng để cho việc nghiên cứu được vững vàng hơn, chúng ta thử đọc thêm sử liệu đã được dùng làm nguồn cho đoạn văn đó. *Hậu Hán thư* ở chuyện Châu Diên, chép rằng :

« Đầu thời Kiến Vũ (25-55)... Vua hạ chiếu đặt Nhâm Diên làm thái thú Cửu Chân... Tục Cửu Chân làm nghề săn bắn chứ không biết dùng bò để cày. (Sách *Đông quan Hán ký* nói rằng : Tục Cửu Chân là đốt cỏ rồi gieo giống làm ruộng. Sách *Tiền (Hán) thư* nói : Thời họ Triệu, Đô úy Sưu Túc sang dạy người ta dùng bò để cày bừa) Dân thường phải mua lúa Giao Chỉ mỗi lần bị thiếu thốn. Diên bèn truyền đúc các thứ điền khí, dạy cho họ khẩn ruộng, ruộng đất trù mật mỗi năm một rộng thêm ; trăm họ được đầy đủ. Dân Lạc Việt lại không có phép cưới hỏi, mọi người ưa dâm dật, không quen thói sống chung với nhau, nên không biết tình cha con, không biết đạo vợ chồng. Vì vậy, Diên gửi thư đi các huyện thuộc quyền ông, truyền cho mọi người, đàn ông từ 20 đến 50 tuổi, đàn bà từ 15 đến 40 tuổi, tất cả phải tùy tuổi tác mà cưới hỏi nhau. Về phần những kẻ nghèo khó không có tiền làm sính lễ, thì ông ra lệnh cho các viên chức, tư trưởng lại trở xuống, phải bớt bổng lộc để giúp đỡ. Nhờ đó, cùng một lúc, có đến hơn hai nghìn người cưới hỏi. Năm đó, gió mưa thuận tiết lúa má được mùa, con đẻ ra biết họ biết dòng, người nào cũng nói : Tôi mà có được đứa con đó, là nhờ ơn ông Nhâm. Nhiều người lấy tên Nhâm đặt cho con cái...

« Trước kia trong thời Bình Đế (từ năm 1 đến năm 5) có Tích Quang, người Hán Trung, làm thái thú Giao chỉ, lấy lễ nghĩa dạy cho dân man di ăn ở, tiếng giáo hóa cũng lừng lẫy như ông Diên. Vào cuối thời Vương Mãng (9-23) ông đóng cửa biên cảnh lại để chống giữ. Khi Kiến Vũ mới lên, ông sai sứ sang cống hiến, được phong làm Giám thủy hầu.

« Đất Lĩnh Nam giữ phong tục Trung Hoa, bắt đầu từ hai vị thái thú đó. Diên cai trị 4 năm, được gọi về Lạc Dương, vì có bệnh nên được lưu lại, và rồi sai đi làm lệnh ở Thu Dương. Quan dân quận Cửu Chân lập đền thờ ông khi ông còn sống. »

(Kiến Vũ sơ... chiếu trưng vi Cửu Chân thái thú. Cửu Chân tục dĩ xạ lạp vi nghiệp, bất tri ngưu canh. (*Đông quan Hán ký* viết : Cửu chân tục thiên thảo chương Tiền thư viết : Sưu Túc Đô úy Triệu quá giáo nhân ngưu canh dã). Dân thường cáo dịch Giao Chỉ môi trí khẩn phạp Diên nãi lệnh chú tác điền khí, giáo chi khẩn tịch, điền trù tuế khai quảng, bách tính sung cấp. Hựu Lạc Việt chi dân vô giá thú lễ pháp. Các nhân dân hiếu, vô thích đối thất, bất thức phụ tử chi tình, phu phụ chi đạo. Diên nãi di thứ thuộc huyện, các sử

nam niên nhị thập chí ngũ thập, nữ niên thập ngũ chí tứ thập, giai dĩ niên xỉ tương phối. Kỳ bần vô lễ sính, lệnh trưởng lại dĩ hạ, các tỉnh bổng lộc dĩ chẩn trợ chi. Đồng thời tương thú giả nhị thiên dư nhân. Thị tuế phong vũ thuận kiết, cốc giá phong diễn. Kỳ sản tử giả, thỉ tri chủng tính Hàm viết : Sở ngã hữu thị tử giả, Nhâm quân dã. Đa danh tử vi Nhâm...

(Sơ Bình đế thời, Hán trung Tích Quang vi Giao chỉ thái thú giáo đạo dân di, tiệm dĩ lễ nghĩa, hóa thanh mâu ư Diên. Vương Mãng mạt, bế cảnh cự thủ. Kiến vũ sơ, khiển sứ cống hiến, phong giám thủy hầu. Lĩnh Nam Hoa phong thỉ ư nhị thú yên.

(Diên thị sự tứ niên, trưng chỉ Lạc Dương, dĩ bệnh kê lưu, tả chuyển Thú dương lệnh. Cửu Chân lại nhân sinh vi lập từ.)

Dựa vào những điều nói trong đoạn văn của *Hậu Hán thư*, chúng ta biết được :

*a*) Về mặt dân cư, Giao Chỉ và Cửu Chân không giống nhau : khi nói về Cửu Chân, tác giả không phân biệt di với hoa gì, có lẽ vì ở đó đại đa số dân là Lạc Việt ; còn khi nói đến Giao Chỉ, thì nói rõ là « giáo đạo dân *di* », có lẽ vì ở đó người Trung Hoa sang định cư đã đông, nên phải phân biệt hai thứ người.

*b*) Về mặt làm ăn, vào đầu thế kỷ I, Giao Chỉ đã sản xuất nhiều lúa, lúa này không những đủ ăn cho người Giao Chỉ mà còn có để bán cho người Cửu Chân. Không rõ ai đã làm ra lúa đó, người Trung Hoa sang khai thác, hay là thổ dân được người Tàu chỉ bảo cho. Một điều chắc, đó là dân Cửu Chân bấy giờ vẫn chưa biết canh tác, chỉ biết lối đốt rẫy và săn bắn. *Toàn thư* đã nói : « điếu xạ », nghĩa là câu cá và săn bắn, đó có lẽ cũng vì luôn miệng mà thêm chữ « điếu » vào, chứ không phải là vì khám phá được một sự thật lịch sử mới.

*c*) Về mặt phong tục, dân Lạc Việt trước thời Tích Quang (ở Giao Chỉ) và Nhâm Diên (ở Cửu Chân) còn là một dân hết sức lạc hậu. Chúng ta có thể nghĩ rằng nhà chép sử Trung quốc có thể nhấn mạnh đôi chút tính cách lạc hậu đó để nâng cao công trạng giáo hóa của các thái thú vừa kể ; nhưng cho rằng có việc phóng đại đó đi nữa, tính cách lạc hậu cũng vẫn có và có với một độ rất cao, họ chưa có gì gọi là cương thường luân lý.

Ở đây, một nhận xét cần phải được nêu ra : Công việc của Tích Quang, Nhâm Diên cũng có thể gọi được là « dĩ pháp thằng chi », sao dân Lạc Việt không vùng vẫy, mà xem ra lại biết ơn những kẻ chủ trương ? Xét kỹ, sự bắt buộc do hai thái thú Quang, Diên chủ trương không phải là một bắt buộc có tính cách pháp lý, mà chỉ có tính cách luân lý. Nói cách khác, Quang, Diên dạy cho dân biết cách tổ chức, biết cách xếp đặt cho có nề nếp xứng đáng những điều dân vẫn làm một cách bừa bãi trước kia. Còn Tô Định sau này đem ép dân giữ luật pháp Trung Hoa mà luật pháp đó họ chưa biết đến, cũng không hề muốn có !

Cũng nên chú ý điều này nữa là những tiết lộ của sử sách về đời sống

dân Lạc Việt này đã không có gì mâu thuẫn với những nét các hình vẽ trên trống đồng cho biết, mà lại còn phù hợp nữa là khác.

## VII. – DÂN LẠC-VIỆT TỪ NHÀ HÁN VỀ SAU

Sau thời Hán, tên Lạc Việt không còn được nói đến nữa. Sử sách không cắt nghĩa rõ hiện tượng này, nhưng xét chung, không phải là không thể hiểu được. Theo đà tiến triển về việc cai trị của nhà Hán và các đời sau, dân Lạc Việt dần dần đã mất tính cách của một dân tộc riêng, một phần do sự đồng hóa rất khó nhọc và rất chậm rãi với văn hóa Trung quốc (sự đồng hóa này không bao giờ hoàn thành), phần khác do sự gia tăng càng ngày càng đông hơn của người Tàu đến lập nghiệp ở Giao Chỉ, Cửu Chân, khiến cho thổ dân cuối cùng trở thành thiểu số ; phần khác nữa, thổ dân lại có tính đố kỵ với văn minh phương Bắc nên cố tránh những chỗ có người Tàu lập cư để rút vào xa hơn — có lẽ không xa lắm — trong chỗ rừng hoang cây rậm, để sống mãi cuộc đời tự do phóng khoáng của giống người man di. Vì lẽ đó, các nhà viết sử về sau sẽ gọi họ là người liêu ở miền núi, để phân biệt với hạng người con cháu của dân Trung quốc đến định cư.

Tại sao lại có thể nói dân Liêu là con cháu của người Lạc Việt ? Đó là vì dân Liêu, tổ tiên dân Mường ngày nay, đã duy trì được những đặc tính của dân Lạc Việt. Họ vẫn tôn trọng trống đồng ; họ vẫn giữ thói thờ vật tổ, không nhiều thì ít.

Về việc thờ trống đồng, Bùi Ân đã chép trong *Quảng châu ký* về dân Liêu rằng :

« Lý Liêu chú đồng vi cồ. Cồ duy cao đại vi quý, diện khoát trượng dư. Sơ thành, huyện ư đình. Khắc thần trí tửu, chiêu trí đồng loại. Lại giả dinh môn. Hào phú tử nữ dĩ kim ngân vi đại soa đĩ khấu cồ, khấu cảnh lưu dĩ chủ nhân dã ». (Nhị Thập Ngũ sử, bộ I, 747-3) Lê Tắc về sau đã lấy lại đoạn này với một ít thay đổi nhỏ. (« Liêu tử kích đồng cồ, dĩ cao đại giả vi quý. Cồ sơ thành, trí trưởng đình, thiết tửu chiêu đồng loại. Lại giả đình môn. Hào phú nữ tử dĩ kim ngân soa kích cồ, cánh tức lưu dữ chủ nhân.» Điều đáng chú ý là cùng với việc tôn trọng trống đồng nơi dân Liêu, tác giả của *An nam chí lược* còn nói đến những thói quen khác như : « Ở trong hang đá, hầm đất, hoặc ở chuồng, ở ổ, hay uống rượu cần, thích đánh giặc, phần đông biết dùng cung nỏ ». (giai cư nham khốc, hoặc lô sào, ẩm lư tửu, hiếu chiến đích, đa thao nô).

Những đặc tính của dân Lạc Việt và dân Liêu như vừa mô tả, xê xích cũng còn là những đặc tính của dân Mường, dân Mọi rõ hơn cả là việc uống rượu cần, việc kính trống đồng, việc trang điểm bằng lông chim (trong lễ mai táng). Như thế, thảo nào, sau khi khảo sát văn hóa Đồng Sơn, các ông H. Marneff và L. Bezacier đã có thể viết : « Xem đó thì biết, những người xưa ở vùng này, một đàng có tộc thuộc với người Dayak và Battak, đàng khác họ có tộc thuộc với người Mường. Vậy họ phải được cấu tạo bởi một căn bản Anh-đô-nê[9].

## VII. — DÂN LẠC VIỆT VỚI DÂN VIỆT NAM

Trong khi trình bày tiền sử và lịch sử Lạc Việt, một vấn đề đã dần dần thành hình, đó là : dân Lạc Việt có phải là dân Việt Nam không ? Một câu hỏi như thế đã được giải đáp gián tiếp trong bài « Tiến trình hình thành dân tộc Việt Nam » (*Đại học* số 32) nhưng đây thiết tưởng phải bàn đến một cách thiết thực hơn.

### 1) Ý kiến các học giả từ trước đến nay.

Có người nói rõ, có người chỉ mặc nhận, nhưng hầu hết các học giả xưa nay đều nghĩ rằng dân Lạc Việt là dân Việt Nam.

Đối với các nhà nho đó là một vấn đề chẳng những không cần bàn cãi mà còn không được phép nêu ra, vì ngay việc nêu ra đã là một điều bất kính đối với tiền nhân rồi.

Quả thế, các sử gia chính thống đã kể hai bà Trưng vào số các nhà vua kế truyền quốc thống Việt Nam. Lê văn Hưu nói : « Trưng Trắc, Trưng Nhị là những người con gái, hô một tiếng mà các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố cùng 65 thành ở ngoài Ngũ Lĩnh đều vâng, lập nước, làm vua dễ như trở bàn tay. Đủ rõ hình thế *nước ta* có thể gây nên cơ nghiệp, bá vương ». Ngô Sĩ Liên bàn thêm : « Bà Trưng giận sự tàn ngược của viên thái thú nhà Hán, vung cánh hô một tiếng mà *quốc thống nước Việt ta* đã xuýt gây lại được ». Và vua Tự Đức đã phê vào *Cương mục* rằng : « Hai bà Trưng là hạng người mặc váy cài thoa, vậy mà có lòng hùng, làm nên nghĩa lớn, rung động đến cả Hán triều. Dầu là thế yếu, vận non, cũng đã đủ làm cho lòng người hăng hái, soi sáng sử xanh. Kìa đám đàn ông râu mày đành chịu mặt dày, khép áo thờ kẻ khác, há không xấu hổ đến chết được sao ! »

Gần đây hơn, khi các sử gia Tây phương nghiên cứu lịch sử Việt Nam, họ cũng không nghĩ đến sự khác nhau có thể có giữa dân Lạc Việt và dân Việt Nam. Henry Maspero, Leonard Aurousseau, đều không ngần ngại lập luận trên tư tưởng cho rằng hai dân tộc là một. Các nhà chép sử Việt Nam của thế kỷ hai mươi kể ra ít khi nghĩ đến vấn đề nguồn gốc dân tộc, và nếu có dịp nhắc đến cũng chỉ lặp lại luận điệu cũ. Chẳng những vậy, có người còn quả quyết một cách táo bạo rằng người Việt Nam là con cháu của các giống Mê-la-nê và Anh-đô-nê.

### 2) Dân Lạc Việt khác dân Việt Nam.

Nhưng, như đã thấy được trong khi khảo sát nền văn minh Lạc Việt, dân Việt Nam không giống dân Lạc Việt về nhiều phương diện : không giống về phong tục, không giống về tôn giáo, không giống về nhân chủng.

Về phong tục, dân Lạc Việt thuộc về cùng một loạt với dân thuộc giống Anh-đô-nê, nhưng người Việt Nam lại thuộc về cùng một loạt với dân Trung Hoa. Những dấu vết của phong tục Lạc Việ

được ghi lại trên trống đồng, không hề gặp thấy trong xã hội Việt Nam. Người ta có thể cắt nghĩa rằng đó là vì trong khi chung đụng lâu dài với người Trung Hoa, dân Lạc Việt đã thay đổi phong tục. Nhưng người ta cũng rất có thể nói rằng, đó là vì dân Việt Nam do dân Trung Hoa di cư sang, chứ không phải do người Lạc Việt mà ra nên mới có phong tục như người Trung Hoa ; người ta càng có thể nói như thế khi người ta thấy rằng dân Mường dân Mọi vẫn còn duy trì nhiều phong tục Lạc Việt.

Về tôn giáo, có lẽ không ai chối cãi được rằng dân tộc Lạc Việt thờ vật tổ là chim. Chim này có lẽ không phải là chim Lạc, nhưng chắc chắn chim đóng vai tối yếu trong đời sống tôn giáo của họ. Không thể nào giải thích được rằng những hình chim, cùng những đồ hóa trang bằng lông chim vẽ trên các trống đồng chỉ có ý nghĩa trang trí. Nếu chim quan trọng như thế đối với dân Lạc Việt. tại sao nó không có một tí quan trọng nào, hay không để lại một đấu vết nào nơi dân Việt Nam ? Bàn về vấn đề này ông Văn Tân đã viết :

« Nghiên cứu các cổ vật của ta, nghiên cứu các đền đài miếu mạo của ta, nghiên cứu các hình thái tín ngưỡng đã mất hay hiện còn ở nông thôn Việt nam, nghiên cứu các sử sách của ta, nghiên cứu các truyện thần thoại các truyện cổ tích của ta v.v... chúng ta khổng tìm được vết tích gì khả dĩ chứng minh rằng tô-tem của người Việt xưa là giống chim hậu điểu, hoặc một giống chim nào khác ».

Người ta có thể nhắc đến những cọn hạc đứng trên lưng rùa ở các cửa đình và hỏi rằng phải chăng đó là một dấu vết tôn giáo còn sót lại của việc thờ vật tổ chim của người xưa ? Không thể nói được như thế, vì con hạc ở đây đóng vai trang trí và tượng trưng, chứ không phải tôn giáo, và nó nằm trong tập truyền từ lâu đời về trước của người Trung Hoa chứ không phải bắt gốc từ thời vật bái của người Anh-đô-nê.

Cuối cùng, về phương diện nhân chủng, người Lạc Việt chắc chắn thuộc loại Mông gôn-lịch Trong trường kỳ lịch sử, nhiều cuộc chung đụng với các giống người khác đã làm phong phú thêm cho giống nòi Việt Nam, ví dụ người Việt Nam, trong thời hình thành đã pha lẫn với người Lạc Việt, trong thời bành trướng về Nam đã pha lẫn với người Chàm, người Chân-Lạp, nhưng thế không phải là để nói rằng người Việt Nam cũng là người Lạc Việt, cũng là người người Chàm, hay người Chân Lạp ! Người Việt Nam bao giờ cũng chỉ là người Việt Nam qua các cuộc chung đụng vừa kể. Nghĩa là tách tự giòng giống Trung quốc, họ vẫn giữ thói tục Trung quốc, ngôn ngữ Trung quốc, tôn giáo Trung quốc, cho đến khi cá tính của họ nầy nở dần dần theo đà một quốc gia độc lập và một số những điểm dị biệt đối với Trung quốc phát sinh. Những điểm dị biệt này một khi trở thành càng nhiều và càng mạnh, người Việt Nam càng là người Việt Nam hơn và họ tiến mãnh liệt trên đà vận mệnh của họ, đang lúc đó các dân tộc họ chung đụng với như dân Lạc Việt, dân Chàm, dân Chân Lạp, đã không tiến thêm, lại còn rút dần ra khỏi lịch sử. (*Hết*)

**NGUYỄN PHƯƠNG**

TRUYỆN 2 KỲ :

*Doãn - Dân*

# CHỖ CỦA HUỆ

*(tiếp theo)*

Buổi sáng hôm sau, tôi đến gõ cửa nhà Trị. Khi cánh cửa mở, Trị đứng sững người trố mắt ra nhìn. Tôi cũng đứng im nhìn hắn. Mấy phút sau mới có tiếng hắn :

— Vào đây.

Cánh cửa được đẩy rộng hơn. Tôi theo hắn bước vào nhà. Một đêm thức trắng, lang thang ngoài làm chân tay tôi bủn rủn. Đầu óc tôi mềm nhũn. Tôi ngồi xuống cái ghế sát nách, ngả lưng vào tường.

— Tối qua mày đến tao có việc gì ?

— Anh chị Thời đâu ?

— Ông ấy vừa đạp xe đi rồi. Bà ấy đem hàng ra chợ.

— Tao muốn ngủ.

Trị dẹp chiếc giường của hắn ở góc nhà. Tôi đến nằm xuống đó. Linh hồn tôi thoát đi rất nhanh.

Lúc tôi tỉnh dậy thì trời đã quá trưa. Nắng bên kia cửa sổ lấp lánh trên những cành cây ngoài vườn. Tôi lấy quần áo của Trị, ra sau nhà, tắm rửa. Nước lạnh làm tâm thần tôi dần dần hồi tỉnh. Nhưng sự tỉnh táo khiến tôi nhớ đến mọi chuyện xảy ra. Tôi tự nhủ : « Phải quên. Phải quên tất cả đi ». Lúc nhìn vào gương chải đầu, tôi sửng sốt : Hai mắt tôi sâu hoắm, thâm quầng. Hai gò má nhô lên. Hai bên má hóp lại. Những lỗ chân lông trên làn da xanh nhợt, nở ra và râu ria đâm tua tủa. Chỉ một đêm mà người tôi thay đổi đến thế này sao ? Tim tôi thoáng se lại.

— Ra ăn cơm. Muộn rồi.

Tôi nhìn vào gương, thấy đầu Trị ló vào cửa buồng. Tôi nói :

— Ra trước rồi tao ra.

Trong suốt bữa ăn, Trị không nói nửa lời. Hắn không hỏi tôi tại sao hôm qua tôi đến đây; rồi sáng nay lại đến đây. Trị không hỏi, nhưng tôi linh cảm, hắn đã biết hết cả rồi. Sự im lặng của hắn giống như một sự tức giận quá độ, không biết phải dùng lời nào để nói. Tôi ngồi ăn cơm, thỉnh thoảng lại nhìn hắn. Hồi này hắn cũng gầy và đen đi nhiều. Tôi nghĩ đến những đêm hắn không ngủ nhà (như lời chị Thời nói). Tôi muốn khuyên hắn vài câu, nhưng nghĩ đến bản thân mình, tôi lại im lặng.

Lúc ngồi uống nước, Trị hỏi :

— Sao mày không nói với tao ?

— Nói gì ?

— Chuyện mày rời nhà bà Nghị.

— Tao nghĩ mày không muốn nghe chuyện đó.

Trị hơi nhếch miệng cười. Nụ cười không làm mặt hắn tươi hơn chút nào

Lại im lặng. Trị móc gói bastos và bao diêm vứt lên mặt bàn. Hắn đốt huốc cho hắn rồi cho tôi. Khói thuốc đắng như bồ hòn. Một lúc sau, hắn nói :

— Tao thấy tao có quyền can ngăn mày nếu mày làm điều gì không phải Nhưng quyền quyết định thì vẫn ở mày. Và sau đó, mày lại vẫn là mày, không có gì thay đổi. Mày hiểu lầm tao.

Tôi cảm động về lời nói của Trị. Tôi ngả hẳn người vào thành ghế, nhìn lơ đãng lên trần nhà, hút thuốc liên hồi. Một con thạch sùng đang rình đớp một con muỗi. Những ý nghĩ mung lung chạy thoáng qua óc tôi Tôi nghĩ đến Huệ và mọi chuyện xảy ra đêm qua. Tôi nhắm mắt lại và nghe một mối buồn chìm lẫn vào lòng.

— Đã có chuyện gì xảy ra ?

— Tao đánh Huệ. Bây giờ tao cần có một việc làm.

Tôi mở mắt nhìn Trị. Hắn ngồi cúi đầu, tay vân vê điếu thuốc, hai khuỷu tay tỳ trên đầu gối. Nét mặt hắn rắn đanh. Hai hàng lông mày đen rậm gần giao nhau. Những sợi khói chầy từ từ, ngắt quãng, từ hai lỗ mũi. Hắn vẫn ngồi nguyên, nói :

— Cái đó không khó.

Một tia sáng lóe lên trong óc tôi như một lằn chớp. Hắn tiếp :

— Tao nhường cho mầy chỗ của tao.

— Làm gì ?

— Dạy học. Hai đứa học vỡ lòng, một đứa lớp năm và một đứa lớp tư

Tôi cười :

— Gì mà nhiều ngành vậy ?

Trị vẫn nghiêm giọng, nói :

— Chúng còn nhỏ, ông bà ấy cẩn-thận không dám cho đến trường, mướn người về dạy. Nếu muốn sáng mai mày đi với tao.

Tôi nhìn Trị và bỗng cảm thấy buồn, nỗi buồn gần giống một niềm tủi thẹn. Tôi nói :

— Rồi còn mày ?

— Tao đã có cách. Vả lại, còn ông bà Thời. Đừng ngại.

Tôi không ngại. Chỉ thấy mình tàn nhẫn. Tôi nói trong tiếng thở dài :

— Sao cũng được.

— Còn tiền thì người ta hiểu hoàn cảnh mình, mỗi tháng trả hai nghìn. Có điều tao cần dặn trước là nhà ấy khó tính lắm. Mày ăn nói nên giữ gìn một chút.

Tôi lại bắt gặp nỗi buồn hồi nãy. Lần này nó giống một sự nhục-nhã. Tôi tự an ủi : « Đi tìm sự sống là như vậy. Mỗi người trao sự nhục-nhã của mình cho kẻ khác để lại đón nhận cái của kẻ khác về mình. » Mặc cho tâm-hồn chìm sâu trong niềm an-ủi ấy, tôi thấy mình ích kỷ. Tôi nghĩ đến Trị, đến Huệ. Và những giọt đau-buồn lặng-lẽ rơi xuống hồn tôi.

Ngay buổi chiều hôm đó, tôi thuê một căn nhà. Đó là căn nhà lá nằm ở cuối một cái ngõ cụt, rộng hơn ngõ nhà Huệ. Dân trong ngõ phần nhiều sống bằng nghề lao động. Trị cũng đưa cho tôi một số tiền để tiêu trong thời gian tôi chưa có tiền lương.

Ngày đầu tiên trong đời, ở trong căn nhà do chính mình thuê, tôi thấy lòng nôn-nao một tình cảm vừa quạnh hiu vừa thích thú. Trong cái vắng-vẻ đìu-hiu của gian nhà nhỏ, phảng-phất một niềm vui man-mác và một mối buồn nhẹ-nhàng. Tôi thấy tự-do, thoải-mái. Nghĩ rằng mình đã có cả một việc làm, tôi thấy lòng rộn ràng, sung-sướng. Tôi có cảm tưởng như đời tôi bây giờ mới thực sự bắt đầu ; bây giờ mới thực sự là của tôi, thuộc hẳn về tôi. Cảm tưởng đó làm tôi phấn khởi.

Buổi tối, tôi xem lại những bài vở mà ngày mai tôi sẽ đem ra kèm cho lũ trẻ. Công việc làm tôi quên mọi chuyện. Không biết mấy giờ khuya, tôi mới vào giường. Tôi nghĩ thoáng qua về Huệ, nhưng tôi vội gạt đi. Và sự mệt mỏi trong đêm hôm trước còn sót lại làm tôi ngủ thiếp.

Quá nửa đêm, một giấc mơ làm tôi tỉnh dậy. Trời bên ngoài đang mưa. Những hạt mưa rơi tí-tách trên mái nhà. Tôi cố nhớ nhưng không hiểu mình vừa mơ thấy gì. Những hình ảnh trong giấc mơ lộn-xộn đứt khúc làm tôi không nhớ được hình ảnh nào rõ rệt. Hình như trong đó có Huệ. Và hình như cuối cùng, tôi giết chết nàng. Tôi nhắm mắt toan ngủ lại, nhưng tâm thần tôi đã tỉnh hẳn. Những hình ảnh trong giấc mơ lại lướt phớt lướt qua. Rồi hình ảnh Huệ đứng lại và nở bừng trong óc. Từ sáng đến giờ, tôi đã cố-gắng chống chỏi, cố gắng quên đi. Đến bây giờ thì tôi không còn đủ sức nữa rồi. Tuy vẫn biết trước là thế nào cũng có lúc mình sẽ nhớ Huệ và sẽ đau khổ trong sự xa nàng, nhưng tôi không ngờ cái giây phút đó lại đến với tôi vào giữa lúc này, giữa lúc đêm khuya, chung quanh hoàn toàn vắng vẻ, chỉ có mình tôi với tiếng mưa rơi lác-đác bên ngoài. Bây giờ tôi không còn cảm thấy thích thú một chút nào vì được một mình làm chủ một gian nhà nữa. Căn nhà nhỏ hẹp này bỗng dưng trở nên rộng rãi, trống trải lạ-lùng. Nhìn vào chỗ nào tôi cũng thấy thoáng một nỗi đìu-hiu quạnh-quẽ. Chỉ cần vắng bóng một người mà sự vật thay đổi đến thế này sao ?

Trước, kia, hồi chưa sống chung với Huệ, cũng chưa khi nào tôi thấy đời tôi cô-quạnh thế này. Nằm im trong bóng tối, tôi nhớ Huệ và nhớ mọi chuyện xảy ra đêm qua. Tôi nhớ lại tất cả những cái đấm, đá từ tay chân tôi gieo xuống người Huệ. Tôi nhớ vẻ mặt đau-đớn cùng cực của nàng. Tôi không hiểu tại sao lúc đó tôi lại có thể hành động như vậy được. Hình như bao nhiêu đau-khổ, uất ức âm-thầm tích lại từ ngày tôi quen Huệ đã nổ bùng ra trong những cái đấm đá của tôi lúc đó. Hình như tôi đã trút bỏ sự tức-giận, ghen tuông lên cái dĩ-vãng của nàng. Tôi đánh lên người Huệ mà thực ra, thâm-tâm tôi muốn đánh lên những gì đã qua của Huệ. Và ngay trong những phút có những hành động điên

cuồng tàn-bạo như thế, tôi cũng lờ mờ thấy rằng mình thật xấu xa, hèn-hạ. Nhưng cơn ghen làm tôi không kìm lòng được.

Bây giờ thì nỗi xấu-xa không còn lờ-mờ như đêm qua nữa. Nó đã nổi rõ lên trong óc tôi. Tôi đã thấy nó một cách hết sức rõ ràng. Tôi nghĩ đến việc làm của Huệ Tôi hình dung lại tất cả những cử chỉ, lời nói của Huệ lúc nàng mạt sát tôi, để mong xóa bỏ nỗi hối hận xấu-xa mỗi lúc mỗi dằn-vặt, vò-xé trong lòng. Và tôi không hiểu, mình đau khổ mình niềm ân-hận đó hay vì việc làm đêm qua của Huệ. Tôi muốn quên tất cả. Tôi nghĩ về Trị, về căn nhà và chỗ dạy học của tôi. Nhưng hình ảnh thân hình co rúm, đầu tóc rõa-rời, nét mặt đau đớn của Huệ lúc nàng lăn-lộn giẫy-giụa ở dưới chân tôi, làm tan những ý nghĩ ấy. Và tôi tự hiểu, nếu lúc này có mặt nàng ở đây tôi sẽ sẵn sàng làm lành với Huệ, không phải bằng cách bắt nàng phải xin lỗi tôi về cái công việc nàng làm, nhưng bằng những lời xin lỗi của tôi. Tôi sẽ nói với Huệ : « Không hẳn những kẻ hòa thuận sống bên nhau là đã yêu nhau. Những kẻ yêu nhau say đắm chính là những kẻ đôi lúc đánh nhau như những kẻ thù. Anh yêu em thế đó ». Ý nghĩ này làm tôi nôn nao mong gặp Huệ. Đêm qua, lúc ở nhà Huệ ra đi, tôi nghĩ rằng sẽ không bao giờ tôi còn trở lại đây nữa ; sẽ không bao giờ tôi thèm nhìn mặt Huệ nữa. Nhưng lúc này đây, tôi thấy tôi thèm nhìn thấy mặt Huệ hơn hết bao giờ. Sự thèm muốn đó làm tôi nhớ Huệ. Tôi nhớ từng hơi thở của nàng. Tôi nhớ từng mùi hương ngai-ngái toát ra từ làn tóc, từ da thịt nàng. Tôi nhớ từng đường chỉ tay vòng-vèo, chằng-chịt ở trên bàn tay trắng, nhỏ, mềm-mại của nàng. Tôi nhớ cả từ cái mụn nốt ruồi rất nhỏ đậu trên bờ vai bên phải của nàng. Và tôi nhớ nàng đến nỗi, tôi không còn hình dung được vẻ mặt người yêu của tôi lúc vui, lúc buồn, lúc giận hờn, tươi tỉnh ra sao nữa. Cả giọng nói cả tiếng cười của Huệ hình như cũng đã tan trong nỗi nhớ của tôi.

Thao-thức trong sự nhớ-thương âm-thầm, mênh-mông đó, tôi nóng lòng mong trời mau sáng.

*
*

— Ai đó ?

— Anh.

— Anh là ai ? Tôi không quen ai hết.

— Anh về xin lỗi em.

Tiếng dép bên trong cánh cửa lết lại gần. Tim tôi ngừng đập.

Khi cánh cửa hé ra, tôi muốn kêu lên : Mặt Huệ sưng vù. Hai con mắt nàng lặn đi đâu mất, chỉ còn là hai cục thịt thâm tím, tấy lên. Huệ bước tránh ra cho tôi lách vào nhà. Tôi ngồi xuống ghế, không dám nhìn mặt Huệ, cũng không dám nói với nàng. Giá bị kẻ nào đánh tôi thâm tím mặt mũi thế kia, chắc tôi cũng không đau đớn bằng nhìn thấy Huệ bây giờ. Tôi ngồi gục đầu, nhìn xuống. Lúc đi

đường, tôi nghĩ ra bao nhiêu điều để nói, sao bây giờ tôi lại không nói được gì ? Chỉ có thể nói bằng tiếng khóc hay sự im lặng như thế này sao ? Tôi không khóc được nên nói với Huệ bằng sự im lặng. Có lẽ Huệ hiểu những « lời nói » đó của tôi nên nàng bước lại gần, đứng sát bên tôi, đặt nhẹ một tay lên vai tôi. Nàng nói :

— Em đun nước rồi. Em rót anh xơi nhé. Hôm nay hết chè tươi, em phải pha chè tầu.

Câu nói của Huệ làm tôi sững-sờ. Giọng nàng có thể thản-nhiên đến thế được sao ? Nàng nói như mọi buổi sáng nàng nói với tôi ; như tôi chưa hề đánh đập nàng. Tôi bàng hoàng nhìn Huệ. Nét mặt nàng vẫn bình thản Trước những lời nói và nét mặt bình thường của Huệ, tôi thấy sự buồn-bã của mình trở nên trơ-trẽn, ngỡ-ngàng. Tôi chưa biết xử trí cánh nào thì Huệ đã đem đến cho tôi một tách nước chè, hãy còn bốc khói. Nàng để yên trên tay, đưa lên trước mặt tôi

— Anh uống đi kẻo nguội.

Tôi đón ly nước, giơ lên định uống nhưng cổ tôi như nghẹn lại. Tôi đặt tách nước xuống mặt bàn, nhìn Huệ :

— Huệ... Em hết giận anh chưa ?

— Anh làm gì mà em giận.

— Đừng nói thế. Mặt mũi và thái độ của em làm anh đau lòng. Cứ nói giận anh đi.

— Em nói thật. Nếu nói đến giận thì em lại phải giận em. Việc anh làm chỉ chứng tỏ anh yêu em thôi. Sao em lại giận một người yêu em đến thế ? Anh giết chết em vì yêu em, em cũng không giận.

Tôi cúi đầu nghe Huệ nói, vừa cảm động vừa buồn Trong một thoáng, tôi hoang mang, không nhớ rõ là mình về đây để xin lỗi Huệ hay để nghe nàng xin lỗi tôi.

Có tiếng Huệ tiếp :

— Đáng lẽ em cũng không nghĩ đến. Nhưng anh đã nói ra thì bây giờ đến lượt em, em xin lỗi anh. Em chỉ xin anh một điều là từ nay anh đừng nói em như thế. Em chịu được hết mọi người gọi em là « đĩ ». Nhưng đến anh mà cũng gọi em như vậy thì em khổ lắm, em muốn chết..

Tôi ngồi ở trước mặt Huệ để nghe những âm thanh ấm, nhỏ từ miệng nàng hốt ra. Tôi lại nói với nàng bằng sự im lặng. Đáng lẽ chính tôi là người phải an ủi Huệ, phải nói với nàng những lời như thế. Tại sao tôi không nói được ? Nàng không xứng đáng nghe tôi nói vậy hay sao ? Hay tâm hồn tôi không thể nghĩ được những điều hay-ho, tốt đẹp, chỉ toàn nghĩ đến những sự khốn-đốn, đê-hèn ? Tôi quay nhìn ra cửa để khỏi nhìn Huệ và khỏi nhìn vào lòng mình. Mặt trời đã ên, dính trên nóc ngôi nhà trước cửa. Ánh nắng ban mai ùa vào, đến sát chân tôi. Tôi cúi nhìn những tia sáng xôn-xao trên nền đất bóng, và tôi tự bảo : « Mày vẫn

chỉ còn là một thằng hèn. Hãy nói gì với Huệ đi. Nói đi ». Tôi ngước mắt lên. Tôi muốn nói một vài lời để xin lỗi Huệ, để đền đáp những lời vừa nói của nàng, nhưng thay vì nói thế, tự nhiên tôi lại bảo :

— Em thu xếp đồ đạc đi. Mình đón nhà mới. Hôm nay anh về là để đón em.

* * *

Cuộc sống của chúng tôi tại nơi ở mới đã thay đổi hẳn Ngày ngày, mỗi buổi sáng, tôi đi làm, trưa mới về. Trong thời gian đó, Huệ ở nhà lo cơm nước Buổi chiều, nghe lời Huệ, tôi mua sách về học thêm. Công việc bận rộn làm tôi không có thì giờ để nghĩ vẩn vơ. Thảng hoặc nếu có thì cũng chỉ thoáng qua thôi. Tâm hồn tôi trở lại bình thường, không phiền hà, sôi nổi như hồi chúng tôi còn ở đằng kia. Tôi lấy làm lạ là bây giờ, sự ghen tuông trong người tôi như đã lắng xuống. Tôi nghĩ đến cuộc sống đã qua của Huệ bằng một tâm trạng gần như thản nhiên, hờ hững. Tôi không còn cảm thấy đau khổ một cách ồn ào, nghiệt ngã như trước đây. Hình như những nỗi đau khổ của tội đã được trút ra phần nào theo với trận đòn trong đêm tôi đánh Huệ. Cuộc sống chung quanh chúng tôi, sự sinh hoạt của mọi người trong cái hẻm này cũng không có một dấu vết nào gợi ra cho tôi những hình ảnh mà tôi muốn quên, về Huệ Chỉ thỉnh thoảng lắm, vào một lúc nào đó, có thể vì sự thay đổi thời tiết bất thường, có thể vì phải chứng kiến một cảnh làm tôi xúc động, có thể vì sự xum họp vui vầy của một gia đình người khác, hay cũng có thể chẳng vì gì cả, đột nhiên tôi cảm thấy tâm hồn trống trải, ngậm ngùi, trạnh nghĩ đến thân phận mình. Lúc đó tôi mới bắt gặp nỗi đau khổ gây nên bởi cái dĩ vãng của Huệ Nhưng tôi vội gạt đi ngay. Gạt đi bằng cách nghĩ đến nỗi khổ của nàng ; nghĩ đến những phút mà nàng đã phải chịu đựng đau đớn vì tôi. Vả lại, sự gần gũi thân mật hàng ngày giữa tôi và Huệ đã làm nảy sinh một thứ tình cảm êm đềm, đầm ấm, tỏa ra, bàng bạc trong bầu không khí chung quanh chúng tôi. Niềm tình cảm đầm ấm này ở với chúng tôi điều hòa, liên tục, không rời chúng tôi một giây phút nào khiến cho những tình cảm khác không len vào được. Nó mang một sắc thái, hương vị hoàn toàn riêng biệt như mỗi loài hoa đều chứa tiềm tàng một thứ hương thơm cá biệt của mình. Chính nhờ nó mà chúng tôi phân biệt được bầu không khí của gia đình tôi với những gia đình người khác. Nó luôn luôn nằm trong một khoảng không gian nho nhỏ vây quanh chúng tôi, di chuyển theo với chúng tôi và chúng tôi sống ngay trong nó. Nếu có một nguyên nhân nào đẩy tôi đi lạc ra ngoài khoảng không gian ấy, tôi sẽ cảm thấy hoang mang bứt rứt và tâm hồn tôi đòi hỏi tôi phải trở về. Tôi gọi bầu không khí ấy là « gia đình tôi » ; là cái « thế giới » mà chỉ Huệ và tôi mới có. Và tôi chỉ có thể làm ra, với Huệ, không thể với bất luận một người nào khác. Chính thứ tình cảm mơ hồ này đã trói buộc đời tôi với cuộc đời Huệ ; đã cho tôi biết là tôi cần nàng, tôi không thể thiếu nàng.

Do những nguyên nhân ấy mà tôi được sống với Huệ trong một trạng th

tâm hồn yên ấm, hài lòng. Tôi không còn lo buồn, thắc mắc cho những tình cảm của tôi. Tôi dành thì giờ để lo cho Huệ. Tôi nhận thấy từ ngày chúng tôi dọn đến ở đây, Huệ có vẻ trầm tĩnh hơn trước. Trong câu chuyện, nàng nói cười một cách đoan trang, dè dặt. Và nàng cũng ít nói cười hơn trước. Đôi khi hình như Huệ có sắc buồn. Tôi ngờ là nàng vẫn còn để ý đến chuyện xảy ra hôm nào. Nhưng trong cách cư xử hàng ngày của Huệ, tôi không tìm thấy một thái độ nhỏ nhặt nào chứng tỏ Huệ còn giận tôi hay bớt yêu tôi. Trái lại, trong những lời nói, cử chỉ thân mật hàng ngày, chúng tỏ Huệ càng yêu tôi nhiều hơn. Có điều là tình yêu của nàng đã quay trở vào, âm ỉ, thầm kín ở trong lòng nàng, không còn hồ đồ, náo nhiệt như trước. Nét trầm tư của Huệ làm tôi thấy nàng như đã trở thành một con người mới, chín chắn hơn, chững chạc hơn, vẻ chững chạc của một cô gái vừa có gia đình. Tôi vừa vui, vừa buồn trước sự đổi mới của tâm hồn Huệ. Sự đó làm tôi có cảm tưởng như nàng đã không sống một cách thành thực với nàng. Tôi muốn Huệ cứ sống đúng như những gì nàng có. Huệ cứ vui vẻ, hồn nhiên, giận hờn, tàn nhẫn... đúng thật với tâm hồn nàng. Một hôm, tôi bảo Huệ :

— Hồi này, em có vẻ thay đổi đi nhiều. Huệ nhìn tôi mỉm cười. Lát sau nàng nói :

— Sao anh lại nói thế ? Em vẫn vậy chứ có thay đổi gì đâu. Em vẫn là Huệ chứ có là cô nào khác đâu.

Rồi nàng đùa :

— Hay chính anh thay đổi nên thấy em không phải là « Huệ của anh » nữa ?

Tôi không cười, nói :

— Tại anh thấy em hay có vẻ buồn. Huệ im lặng. Nàng lại cúi xuống cắt cụt những móng tay vẫn để dài. Mấy phút sau nàng vẫn không nhìn lên, nói

— Có lẽ tại hồi này em hơi mệt.

Câu nói của Huệ làm tôi liên tưởng đến bệnh ho của nàng. Tôi nhận thấy ít lâu nay Huệ bớt ho hơn. Chỉ thỉnh thoảng nàng mới húng hắng vài tiếng, không ho nhiều như trước. Nghĩ vậy và tôi mơ hồ không tin là vì Huệ mệt mà nàng hay buồn. Cuối cùng, tôi cho là cuộc sống ở đây chưa thích hợp với nàng, Phải một thời gian lâu, Huệ mới quen được. Tôi khuyên nàng nên làm quen với một vài người trong xóm truyện trò cho đỡ tẻ trong những khi tôi đi vắng. Huệ vẫn chỉ mỉm cười. Tôi không yên tâm với nụ cười của Huệ.

Ít lâu sau, một hôm, tôi bắt gặp một vài người đàn ông trong ngõ nhìn nàng cười lúc nàng đi mua thuốc lá cho tôi, trở về. Huệ không thấy họ. Tôi ngờ là Huệ đã làm quen với các bà vợ hoặc các cô em họ. Tôi hỏi, Huệ nói nàng không quen ai và cũng không biết có ai nhìn nàng. Nàng bảo :

— Em đã có anh thì không cần quen ai hết.

Tôi cảm thấy hãnh-diện về lời nói của Huệ. Từ đấy, tôi không quan tâm gì đến vấn-đề bạn bè của Huệ. Tôi cũng quên cả những nét ưu-tư phảng phất trên vẻ mặt nàng.

* * *

Một buổi trưa, đi làm về, đến đầu ngõ, tôi ngạc nhiên thấy một đám người đàn ông, đàn bà, con nít đang đứng xúm lại trước cửa nhà tôi, ồn-ào nhốn nháo. Tôi hồi hộp đi nhanh về phía đó và linh tính cho tôi biết, có chuyện chẳng lành đã xảy ra cho Huệ. Lúc gần đến nhà, tôi nghe tiếng Huệ từ bên trong vọng ra :

-- Tôi thuê nhà của bà, tôi trả tiền Bà không có quyền vào đây kiếm chuyện.

Tiếng mụ chủ nhà oang-oang :

— A ! Con này ăn nói hay nhỉ ! Tao thèm kiếm chuyện với cái hạng mày à ? Mày thuê nhà tao, mày trả tiền, nhưng tao không có thừa nhà cho đồ đĩ thuê. Tao mà biết trước thì một ngày mày cũng không ở trong nhà tao được. Đi khỏi nhà tao. Đi ngay..

Người tôi bỗng nóng bừng. Chân tay tôi bủn rủn. Tôi lao vào đám đông, đẩy dạt ra, xông vào nhà : mụ chủ đang một tay chống cạnh sườn, một tay xỉa xói về phía Huệ. Mụ đứng quay lưng ra cửa. Huệ ngồi ở mép giường, mặt nhợt nhạt. Tôi không nghĩ được gì, cũng không kịp hỏi đầu đuôi câu chuyện. Tôi sấn đến trước mặt mụ :

— Ra ngay. Cút khỏi đây ngay.

Tôi nhìn trừng trừng vào cái mặt phì nộn, bự phấn, chiếc cổ to, đen có những đường gân chưa lặn hết của mụ. Tôi biết, nếu mụ chỉ chửi Huệ một tiếng nữa à tôi có thể chộp ngay lấy cái cổ ấy, xiết chặt lại. Tôi chỉ thẳng ngón tay vào mặt mụ, tiến tới, từ từ tiến tới :

— Định làm gì trong cái nhà này ! Hử ! Định làm gì làm gì làm gì.

Máu trong người tôi bốc ngược lên. Mụ chủ nhà có vẻ bối rối. Mụ hầm hầm nhìn tôi. Bỗng mụ quay ngoắt đi, vùng-vằng đi ra cửa :

— Rồi biết tay tao. Rồi chúng mày biết tay tao. Từ giờ đến mai không xéo đi thì biết tay tao.

Tôi đóng sầm cánh cửa, khoá chặt lại.

Lúc quay trở vào, tôi thấy Huệ đang úp mặt xuống hai cánh tay kê trên chiếc gối ở đầu giường. Hai chân nàng buông hững-hờ xuống đất, người vặn đi và đôi vai rung khe khẽ. Tiếng khóc, của nàng không phát hẳn ra, nghẹn ngào ấm ức ở rong cổ họng như tối hôm nào nàng khóc vì tôi. Ruột gan tôi thắt lại. Từ ngày ống chung với Huệ, chưa bao giờ tôi thương nàng bằng cái giây phút nhìn thấy nàng như vậy. Tôi đến bên nàng phân vân, luống cuống, không biết phải làm gì

Cuối cùng, tôi đặt một tay lên đầu Huệ. Và tôi cứ đứng bên nàng như thế. Trong giây phút để tay lên mái tóc Huệ, tôi chợt thấy một tình cảm hết sức lạ ùng, mới mẻ vụt nầy ra trong lòng tôi. Tôi cúi nhìn bàn tay mình và tôi bừng hiểu : mãi đến giây phút này tôi mới thật sự coi nàng là « vợ ». Phải đợi đến khi nhìn đến kẻ khác hành hạ nàng, làm nàng xót xa tủi hổ tôi mới hiểu được thế nào là cái « nghĩa » trong cuộc sống vợ chồng. Và tôi hiểu được vì sao tôi không thể nào sống xa được Huệ.

Tôi mon-men đến ngồi xuống, giữ im lặng, mặc cho Huệ khóc. Tôi muốn nâng-niu, kính trọng những giọt nước mắt và nỗi đau khổ của nàng. Vả lại, dù muốn an-ủi nàng, tôi cũng không biết nói gì lúc đó. Trong trường-hợp này dù có nói cách nào thì cũng khơi đến nỗi khổ của nàng Tôi đành ngồi im như vậy để cho tiếng khóc ấm ức của Huệ thấm dần vào lòng.

Mãi một lúc lâu sau khi Huệ đã lau nước mắt, tôi mới nói .

— Anh sẽ tìm nhà. Mình đi nơi khác.

Huệ ngồi hẳn dậy. Nét mặt nàng thừ ra. Hai mắt đỏ hoe, mệt mỏi nhìn vu-vơ vào khoảng không. Tôi cảm thấy bứt rứt đau khổ vì không biết làm thế nào để an-ủi Huệ. Tôi nói trong nỗi bứt-rứt đó :

— Em đừng buồn. Mình sẽ đi nơi khác.

Huệ vẫn ngồi im. Lát sau, nàng nói như đã suy nghĩ từ bao lâu rồi :

— Đi đâu cũng thế thôi. Em biết, đi đâu rồi cũng thế thôi. Từ lâu, họ rủa cùng khắp. Sống ở đây, ai cũng chửi em được. Anh đâu có biết những đó. Mỗi sáng, sau khi anh ra khỏi nhà là em bắt đầu khổ sở. Em thui thủi một mình, không dám ló đầu ra đến cửa nữa. Từ đứa bé con trong cái ngõ này cũng biết gọi em là con đĩ. Em có làm gì họ đâu Sao họ đối với em như thế. Em không cần họ tử tế với em. Chỉ cần để yên cho em sống. Thế thôi. Lắm lúc em nghĩ, trước kia, hồi còn làm đĩ thật sự, em cũng không cảm thấy em là « con đĩ » bằng từ ngày mình đến ở đây... Nhưng nghĩ cho cùng thì tự đó đối với em cũng chẳng sao. Em nghe những tiếng ấy quen rồi. Nhưng còn anh, em không muốn chỉ vì em mà anh khổ. Bởi vậy em đã dấu anh...

Những tiếng nói của Huệ như những mũi kim đâm vào tim tôi làm tôi lặng người. Tôi muốn nói thật nhiều mà không biết phải dùng đến những lời nào. Lát sau, tôi nói :

— Em nhầm. Nếu anh có khổ thì chỉ vì thương em thôi, chứ không phải vì những cái đó.

— Dù chỉ vì thương em mà anh khổ, em cũng không muốn.

— Đành là em không muốn. Nhưng ở đời, có những điều mình không muốn, nó vẫn xảy ra, không sao tránh được được. Tốt hơn hết là mình dọn đi. Nhất định mình phải rồi đi nơi khác.

Huệ nhẹ lắc đầu. Giọng nàng chán nản :

— Vô ích anh ạ. Chỗ của em không phải ở đây. Chỗ của em là ở trong cái ngõ đó. Anh cho em...

— Anh không cho em trở lại đó.

— Anh đừng hiểu lầm em. Em chỉ về ở đó với anh... với anh như thế này thôi cơ mà.

Tôi cương quyết :

— Đến chết anh cũng không để cho em trở lại cái ngõ đó.

Huệ quay hẳn lại nhìn tôi. Đôi mắt nàng hơi cau lại. Trong một giây tôi ngờ là mình đã nói lỡ lầm làm nàng nổi giận. Nhưng Huệ quay lai đi. Giọng nàng trùng hẳn xuống :

— Như vậy là anh vẫn khinh em. Nếu anh coi em như những người thường thì dù em ở đâu mà chẳng vậy, can gì cứ phải ở chỗ này hay chỗ khác. Anh sợ đến đó, anh sẽ lại ngoi về em như mọi người ở đây vẫn nghĩ hay sao ?

Lời nói của Huệ làm tôi bàng hoàng cả người. Quả thật tôi không ngờ nàng có thể nói ra điều đó, điều vẫn ẩn kín trong thâm tâm tôi mà chính tôi cũng không hay. Tôi bối rối không biết nói gì để chống đỡ cho ý nghĩ mình. Mãi một lúc lâu, tôi mới nghĩ ra được một điều để nó. Tôi nhẹ cầm bàn tay Huệ, cố lấy giọng tự nhiên :

— Không phải vậy đâu. Em biết là bệnh ho của em không hợp với một nơi chật chội, ẩm thấp đó chứ ?

Tôi tránh, không dám dùng những tiếng có thể khiến Huệ mũi lòng, để nói về cái hẻm u tối đó.

Nghe tôi nói vậy, Huệ im lặng. Tôi biết, nàng không tin tôi Nàng không tin tôi nhưng tôi không làm thế nào khác được.

Trong nỗi bối rối, đau khổ đến cùng cực vì sự bất lực của mình, bỗng dưng tôi muốn gục đầu vào lòng Huệ ; tôi muốn cấu xé người nàng và tôi muốn chết.

*
* *

Buổi sáng hôm sau, khi đến chỗ dậy học, tôi ngạc nhạc nhiên thấy Trị đã đứng ở cổng của tòa nhà đó từ lúc nào. Nét mặt hắn lầm lì, hơi tái như hôm hắn cãi nhau với tôi về Huệ. Không đợi tôi hỏi gì, hắn nói :

— Ra ngoài này uống nước với tao. Tôi nói :

— Tao phải dạy học, đến giờ rồi

Trị nắm vai tôi kéo đi ;

— Không phải vào đó nữa.

Tim tôi thốt nhói lên :

— Sao ?

Trị nhìn tôi rất nhanh :

— Thì cứ ra đây, sẽ hay.

Tôi đi theo hắn, ruột gan như lửa đốt. Không nhìn được, tôi lại hỏi :

— Có gì thì cứ nói đi ?

Trị cúi đầu, lầm lũi đi bên cạnh. Chúng tôi đến một tiệm café nhỏ ở đầu đường. Trị chọn tôi, nói :

— Từ nay mày không phải đến đó nữa.

— Sao ? Có gì đột ngột vậy ?

Trị cúi xuống mặt bàn, suy nghĩ lung. Vài phút sau, Trị nhìn lên hỏi :

— Hôm qua, con mẹ chủ nhà đến mày ?

Tôi vụt hiểu. Tim tôi đứng lại. Tiếng Trị :

— Mụ ấy bà con với chỗ mà dậy học. Họ đến tìm tao và nhờ tao nói lại với mày.

« Nhờ nói lại.. » Nhờ nói lại vì họ không muốn gặp mặt tôi nữa, dù chỉ là gặp một lần cuối cùng. Phải rồi ! họ không muốn con cái họ phải học một người có vợ là « con đĩ ». Một tiếng thở dài bỗng buột ra khỏi miệng tôi như quả bóng xì hơi. Tôi đưa tay lên ôm đầu và thấy choáng váng. Tự nhiên tôi không dám nhìn vào mặt Trị, cũng không dám nhìn những người chung quanh. Tôi bối rối, không biết đặt tầm mắt mình vào đâu. Tôi cúi đầu, nhắm mắt. Đầu óc tôi trống trơn.

Một lúc sau, tôi đứng dậy, đi ra cửa. Trị đuổi theo tôi. Hắn đặt vật gì vào tay tôi :

— Họ trả mày, cầm lấy.

Tôi cúi xuống : một xấp tiền Tôi nói :

— Tao không cần.

Trị quắc mắt :

— Khỉ

Hắn nhét tiền vào túi tôi. Hắn bảo :

— Đi chơi với tao sáng nay.

— Tao phải về. Tao không thể để Huệ ở nhà một mình.

Trị cúi nhìn mũi giầy. Hắn lại nhìn lên, nói :

— Đừng cho nàng biết vội.

Tôi đứng sững lại nhìn Trị. Lần đầu tiên hắn gọi Huệ như thế. Tôi nhìn hắn và nỗi sung sướng làm tôi muốn khóc. Bằng bàn tay run run, tôi giơ ra :

— Sớm muộn gì cũng phải cho nàng biết. Không can gì. Mày cứ về đi.

Trị nắm chặt lấy tay tôi giây lát, đoạn, lẳng lặng bỏ đi.

Trên đường về, tôi nghĩ lại chuyện vừa xảy ra. Tôi nghĩ lại những lời của Trị. Tôi nghĩ về tôi, về Huệ. Một nỗi đau khổ ê chề, xót xa nhục nhã ngấm vào lòng tôi rồi chìm xuống, chìm xuống làm ruột gạn tôi nhói lên, nhói lên mãi. Tâm hồn tôi lịm trong nỗi đau khổ đó. Tôi biết, tôi không đau khổ vì thương mình, nhưng vì thương Huệ. Tôi thương xót thân phận nàng. Huệ sẽ buồn khổ lắm nếu biết tôi mất việc. Nhưng nàng sẽ đau đớn đến từng sợi tóc nếu nàng biết được vì sao tôi mất việc. « Chỗ của em không phải ở đây. Chỗ của em là ở trong cái ngõ đó... Người ta chửi em cùng khắp... Sống ở đây ai cũng chửi em được... » Những lời nói của Huệ bừng lên trong đầu tôi như có người đang bắt loa nói trong đó. Tôi bước đi như chạy trên những quãng đường đầy ánh sáng và tôi ước ao, ngay lúc này được ôm Huệ vào lòng và nói với nàng : « Chỗ của em không là ở đó Không chỗ của ai là ở đó. Người ta, hoàn toàn tự do trong việc chọn lựa vị trí của mình Không đứa nào đuổi được em trở về chốn đó. » Tôi nhắc đi nhắc lại hàng trăm lần ý nghĩ ấy để khỏi nghĩ điều gì khác. Rồi nó dẫn dắt tôi về.

Tôi đứng lại ngoài cửa. Hai cánh cửa đóng kín và khóa lại từ lúc nào. Tôi hơi ngạc nhiên, vì từ ngày chúng tôi dọn đến đây, ít khi Huệ đi đâu. Tôi móc trong túi lấy chìa khóa riêng, mở cửa. Căn nhà trống trơn Đồ đạc đã đi đâu mất. Cả Huệ cũng đi đâu mất. Tôi bàng hoàng bước vào nhà, ngơ ngác nhìn quanh.

Cuối cùng, tôi nhặt được mảnh giấy của Huệ để lại, ở dưới nền nhà. Nàng viết :

*« Anh yêu quí của em,*

*Em xin lỗi anh vì em đã làm anh ngạc-nhiên khi anh đi làm về mà không có em ở nhà. Sở dĩ em phải làm thế này là vì nếu như em đợi anh về thì đâu anh có cho em đi. Em dọn lại nhà cũ của mình ở trong ngõ ấy. Anh xem xong thơ này thì về ngay với em. Em đợi anh về rồi mình ăn cơm. Anh nhớ về với em mau mau lên nhé. Đừng để em trông tội nghiệp em nhé anh nhé.*

*Vợ của anh ký tên :*
**NGUYỄN-THỊ-HUỆ**

Tôi đứng như chôn chân ở giữa gian nhà bây giờ đã trở thành rộng rãi thênh thang. Tôi đọc lại mảnh giấy của Huệ. Tội đọc lại lần nữa. Rồi lần nữa lần nữa lần nữa. Tôi đi ra cửa. Tôi lại quay vào. Lại đi ra cửa, ra hẳn ngoài đường.

Ánh nắng chiếu xuống đầu tôi, đâm vào óc tôi và cháy bừng bừng trong đó. Đi đâu ? Tôi đi đâu đây ? Tôi bước chân đi trong những câu hỏi rối-bời, lộn-xộn.

Gần một giờ sau, tôi thấy mình đứng trước khung cửa nhà Trị.

Vừa trông thấy tôi, hắn nhảy bổ ra :

— Sao còn đến đây ?

— Ra ngoài này với tao được không ?

— Được.

Chúng tôi vào một quán cơm ở góc đường. Tôi đưa mảnh giấy của Huệ cho lắm. Đọc xong hắn hỏi :

— Mày tính sao ?

— Chưa biết. Chắc chắn tao không trở về nhà Huệ.

Im lặng Tiếng Trị :

— Ăn gì chưa ?

— Chưa nhưng không đói. Mày cứ ăn đi.

Trị gọi hai ly cà phê. Hắn cho đường, nhìn đăm đăm vào cốc cà-phê, tay nhè nhẹ ngoáy Chiếc thìa con chao qua, chao lại và đảo mãi trong tách nước đen, đặc. Một lúc lâu sau, chiếc thìa đột nhiên ngừng lại. Trị nói :

— Cứ ở đây với tao.

Tôi phân vân :

— Rồi ... mày lấy gì nuôi tao ?

— Lấy ông bà Thời.

Tôi quay nhìn ra đường. Tầm mắt tôi chạm phải một chiếc xe cứu thương chợt vút nhanh qua. Tôi quay lại :

— Bất tiện lắm. Giá chỉ có mình mày.

Trị cười :

— Nếu chỉ có mình tao thì chết đói cả hai thằng. Họ gọi tao trở lại dậy cho tụi nó, tao từ chối rồi.

Tôi nâng tách cà-phê lên uống. Chất nước đăng-đắng trôi qua cổ họng, mang nỗi buồn xuống theo. Chúng tôi không nhìn nhau, mỗi đứa theo đuổi những ý nghĩ riêng.

Lát sau, Trị chậc lưỡi :

— Chẳng có gì quan trọng hết. Khi có việc làm mình sẽ tính sau. Về.

Hắn đứng dậy, vẫy người đến tính tiền. Tôi đi theo hắn ra ngoài.

Hai cái bóng dưới chân chúng tôi chụm lại.

* * *

Gần một năm sau, tôi tìm được một việc làm, ở một ga nhỏ. Công việc của tôi là thỉnh-thoảng cầm chiếc đèn và chiếc cờ đỏ, chạy lăng quăng trong khoảng sân ga để đón những chuyến tàu đi, về.

Lĩnh tháng lương đầu tiên, tôi thuê ngay một căn nhà, gần nơi tôi làm việc. Tôi cũng mua một cái giường, một bộ bàn ghế và ít đồ lặt-vặt cần dùng khác. Tất cả đều mới. Tôi muốn khi đón Huệ về, nàng sẽ ngạc nhiên một cách mừng cỡ trước những đồ vật còn mời nguyên đó. Rồi cuộc đời của chúng tôi sẽ đổi mới. Chúng tôi sẽ vứt bỏ lại phía sau những gì đã qua, đã cũ. Mỗi đứa chỉ giữ một « thứ » duy nhất của mình.

Sau khi thu xếp xong-xuôi, tạm đủ cho một gia đình bé nhỏ, một buổi chiều, tôi đi đón Huệ.

Chiếc ngõ con của Huệ đã có đôi phần thay đổi. Những chỗ trũng trên đường đi đã được lấp bằng lại từ hồi nào. Tấm ván gỗ bắc qua cái rãnh lớn cũng đã được bỏ đi, thay thế bằng một tấm tôn chắc-chắn. Duy chỉ có nhà Huệ là vẫn không có gì thay đổi. Vẫn cái sân đầy rêu mốc thuếch ; vẫn cánh cửa có nhiều khe hở.

Tôi nhìn vào cánh cửa đóng kín ở trước mặt tôi mà tưởng chừng như bao lâu nay nó vẫn đứng im như thế, chưa được ai mở lần nào. Những vết nứt vòng vèo quen thuộc làm tôi cảm tưởng, chỉ mới hôm qua tôi còn sống ở nơi đây.

Tôi giơ tay, gõ nhẹ lên những lần nứt đó. Thời gian đứng dừng lại. Tim tôi dừng lại.

Khi cánh cửa xoay đi, tôi bỗng ngạc nhiên : Người con gái vừa hiện ra trước mắt tôi không phải là Huệ. Trong một giây, tôi bối-rối đảo mắt nhìn quanh chỗ mình đang đứng Biết chắc mình không nhầm nhà, tôi nói :

— Xin lỗi cô. Tôi muốn tìm cô Huệ.

Người con gái nhìn tôi từ đầu đến chân :

— Ông tìm Huệ.

— Vâng.

— Ông là ai ?

Tôi hơi khó chịu. Nhưng tôi chưa kịp nói gì thì giọng cô ta đã chợt reo lên :

— A. Xin lỗi. Ông là ông Sơn ?

— Vâng. Tôi là Sơn.

— Mời ông vào. Tôi là Liên, bạn của Huệ.

Nàng thụt nhanh vào nhà, dẹp vội-vàng những món đồ lặt vặt vứt bừa bãi trên bàn. Tôi hoang mang bước qua ngưỡng cửa.

Nàng kéo ghế mời tôi :

— Ông ngồi chơi. Từ lâu, Huệ nó mong ông lắm.

Tôi hỏi luôn :

— Bây giờ Huệ ở đâu, cô ?

Liên không để ý đến câu tôi hỏi, đi loay-hoay rót nước. Lúc đem ly nước đặt trên bàn, nàng nói :

— Huệ có gởi tôi một món đồ: Nó nói nhiều về ông. Nó dặn khi ông đến tìm thì đưa cho ông. Bởi vậy, lúc thấy ông hỏi nó, tôi đoán ra ngay.

Tôi cười :

— Sao Huệ biết tôi đến đây mà gửi cô ?

— Nó bảo thế nào ông cũng đến. Không biết chắc bao năm sau, nhưng nó cam đoan thế nào ông cũng đến.

Tôi hỏi :

— Đồ gì thế, cô ?

Liên lại chạy vào nhà trong. Một lát, nàng đem ra cho tôi một gói giấy nhỏ. Tôi mở ra xem. Đó là chiếc giây chuyền Huệ vẫn đeo ở cổ. Tấm ảnh vẫn còn nguyên trong chiếc hộp bé tí teo. Tôi nhìn nụ cười của Huệ và tâm hồn tôi thoáng chìm ngập đi trong nỗi vui mừng tan trong nỗi nhớ. Tôi hỏi nhanh :

— Huệ gửi lâu chưa ? Bây giờ Huệ ở đâu cô ?

Liên nhìn tôi :

— Nó ở xa lắm. Ông xơi nước đi.

— Huệ rời đây lâu chưa ?

— Được hơn một tháng.

— Cô có biết Huệ dọn đi đâu không ?

Liên lại nhìn tôi. Đôi mắt nàng có vẻ phân vân như không muốn cho tôi biết chỗ ở của Huệ, sợ tôi sẽ đến phiền nàng. Tôi phải nhắc lại câu hỏi lần nữa Liên mới nói :

— Huệ đi chữa bệnh lao.

— Chữa bệnh lao ?

— Vâng. Nhưng nó khỏi hẳn rồi.

Ruột gan tôi như một lò lửa. Tôi hỏi :

— Sao lại phải đi xa mới chữa được ? Mà sao cô biết Huệ đã khỏi hẳn ?

— Biết.

Câu trả lời cộc-lộc của Liên làm tôi khó chịu. Tôi cố dằn lòng, dịu giọng nói như năn nỉ Liễn :

— Chắc cô hiểu là tôi nóng lòng mong gặp Huệ lắm. Xin cô cho biết ngay, Huệ hiện ở đâu để tôi tìm đến kiếm nàng.

Chẳng hiểu trong lúc nói vậy, nét mặt tôi có tỏ ra khiếm nhã một chút nào không mà tôi thấy Liên có vẻ buồn. Nàng quay nhìn đi nơi khác rồi lại cúi xuống hai bàn tay kẹp giữa đùi. Mãi mấy phút sau, Liên mới nói :

— Thì tôi đã cho ông biết là Huệ ở xa lắm mà, Ông không kiếm thấy Huệ đâu.

— Xa là mãi đâu ?

— Là xa lắm.

— Cô làm khổ tôi nhiều quá. Xa lắm là ở đâu, cô Liên ?

Hai mắt Liên sáng lến, giọng nàng tàn-nhẫn :

— Là ở nghĩa-trang. Đó. Ông đến đấy mà tìm.

Như một nhát búa bổ xuống đầu tôi ; như những mảnh thủy tinh vỡ tan-tành trong đó, tôi căng mắt ra, nhìn người con gái :

— Sao ? Huệ chết rồi ?

« Huệ chết rồi ? Huệ chết rồi sao ? » Không có tiếng ai trả lời tôi hết. Cũng không có cả tiếng tôi. Và không còn gì nữa hết.

Chỉ còn có linh hồn tôi bay vút lên cao. Tôi mơ-hồ thấy tôi vút lên, vút lên cao mãi, quay cuồng, đảo lộn, xoay tròn trong cơn gió lốc. Cơn gió đem tôi đến lưng chừng giời. Rồi đem tôi lên với Huệ. Tôi nghe văng-vẳng tiếng nói của nàng : « Chỗ của em không phải ở đây. Chỗ của em là ở trong cái ngõ đó ». Tiếng nàng ngân-nga, xa vời, đầy ngợp không gian. Có giọng nói nào bay theo tiếng Huệ : « Chỗ của em không là ở đó. Không chỗ của ai là ở đó. Người ta hoàn toàn tự do trong việc chọn lựa vị-trí của mình... »

***

Bây giờ thì anh đã hiểu, người ta không được hoàn-toàn tự-do trong việc chọn lựa vị-trí của mình. Chỗ của em là ở đó. Vâng. Chỗ của em chính là ở đó Chỗ của hết thảy mọi người đều là ở đó. Rồi Anh cũng sẽ về đó với Em.

26-10-64.

DOÃN-DÂN

*ĐÃ DO LÁ BỐI ẤN HÀNH :*

**Đạo Phật Hiện Đại Hóa**

**của NHẤT-HẠNH**

Là một quyển sách đánh dấu cuộc hóa thân của Phật giáo Việt-Nam và của cả Phật giáo thế giới, một tác phẩm đảo lộn cả những giá trị cũ và xây dựng một nền tảng mới cho tư tưởng Phật giáo hiện đại.

*Sách dày 270 trang, giá 50đ.*

*Nghĩ rối*
*buồn như mây*
*Vào tranh theo nét nhạn*

*Sông quanh tìm núi khuất*
*Người rẽ thôn chiều*
*lê gậy trúc*
*Nhịp cầu*
*mái gianh*
*vài bông lau*
*Nơi đó may ra trời lặng đáy*
*Ngày tháng năm còn biết có mai sau*

*Trở lại trưa nay*
*cùng đợi héo*
*Ngủ quên cho tóc chậm thay màu*
*Trải các ngàn cao không đáng hát*
*Gọi gió đưa mùa qua bóng dâu*

*Phải chờ khi Trường-Giang chia hội mới*
*Nửa trái cầu tạm khép lũy tre xanh*
*Bên kia*
*chịu nhớ nguồn chưa cạn*
*Hết tang*
*chim bay*
*vườn được nở*
*Vững mộng*
*phướng này xây vựa lúa*
*nàng Thơm chợ Đào phơi nắng hanh*

*Xa lắm*
*mười phen còn chợt tỉnh*
*Đất vẫn mọc rừng gây chuyện lửa*
*Sẽ nhiều bước nữa rụng trong đêm*
*Quáng mắt*
*kho vàng treo cuối dốc*
*Đua gót trèo thang*
*mau xuống giá*
*Trận múa xoay tròn những số không*
*Hỏi thăm khách lạ*
*đường chưa thấy*
*Rủ nhau đi kiếm một vì sao*

*Ngõ tối*
*rào gai*
*vũng nước lầy*
*Tin hoa sắp reo*
*mừng buổi sáng*
*Hương mới sẽ dâng từ ngọn cỏ*
*Khóm cúc liệu nhường ngôi*
*Các ngả đi lên*
*đòi mở rộng*
*Sức sống vươn vai chiếm cuộc đời*

*Thơ sẽ nối vần sang tiếng quen*
*ca bản tình yêu không ngại lỡ*
*của những màn vui buông tấn kịch*
*để nói lời riêng từng giữ kín*
*bao nhiêu yên lặng chứa cung đàn*

**THỦY-TRIỀU XXIII**
*Đ. T.*

# NHỮNG ĐOẢN-KHÚC DALAT

tặng Yến

1

*ru em ngủ giấc cao này*
*gió trên đèo hú khơi dậy dấu xưa*
*tiếng thông ươm lạnh trăng mờ*
*những chồi hoa cóng nằm chờ bước dêm*

*vó buồn nhịp mãi môi em*
*nhắn con ngựa cũ đi tìm cỗ xe ..*
*về đây ngủ kín trăm bề*
*chút tàn thuốc đó cơn mê đong đầy*

2

*ru em ngủ giấc nào đây ?*
*những năm xa vắng nghe bầy dấu xiêu*
*bão rơi xuống phủ chân đèo*
*những con dốc cũ nghe chiều đồ mưa*

*âm âm gió vọng sang mùa*
*ngủ đi, đêm lạnh cho vừa môi hôn*
*xe lăn thuốc nhạt lưng cồn*
*tiếng ru xa vắng, giọng buồn tan theo...*

**HOÀI-VỌNG**

# thân phận
## thanh thuyền

*rồi thôi cồn bãi cũng chìm*
*rồi thôi giọt nến trái tim cũng mòn*
*nỗi buồn mọc kính thành non*
*mai sau gió cát biết còn lại chi*
*anh như hạt lúa đương thì*
*nỗi đau đất mẹ làm gì cũng đau*
*bây giờ vũng trán còn sâu*
*rừng ưu tư đó còn lâu xóa nhòa*
*nghĩa gì chút bọt phù-sa*
*hư-vô nào biết đâu là hóa thân*
*thương em giấc ngủ thiên thần*
*loài chim oanh-vũ chưa lần cánh bay*
*uyên nguyên lỡ bước lưu đày*
*quê hương với cát bụi này dẫn thân*
*xôn xao mái tóc phiêu-bồng*
*không xa băng hoại cũng gần đắng cay*
*cho em giọt nước mắt này*
*với trang nhược tiểu tháng ngày phủ rêu*
*mai sau kín lối thủy-triều*
*trái tim gởi lại cho chiều hồng-hoang.*

Huế 1965
**T.T.**

Thanh - Tâm - Tuyền

TRUYỆN DÀI

(khởi đăng từ BK 193)

# CÁT LẦY

## PHẦN THỨ HAI

4 Buổi chiều thứ bảy thật dài. Ánh nắng tưởng không bao giờ tắt, gió sông thổi như hơi thở sốt, trong thành phố nhịp động một niềm rạo rực ngượng ngập. Chiều thứ bảy ở tỉnh nhỏ — những ngày nghỉ — như cơn băng huyết làm bộ mặt xanh xao thêm. Những chuyến xe về Saigon đông chật. Tôi lần quần các phố, khắp tỉnh, không biết phải đi đâu với nỗi nhớ nhung cào cấu trong da thịt. Một sức đẩy trong thân với nhập với kẻ nào đó sẵn sàng ôm ấp lấy mình để cùng tan hòa trong nhịp thúc hối của cơ thể. Nỗi nhớ nhung luyến tiếc xô tới rớt xuống vũng mịt mùng cảm giác. Những cảm giác chấn động mãnh liệt phủ mờ, biến dạng và triệt tiêu đối tượng. Dục tình như khoảng rừng già ngút ngàn trong bóng nắng, cô đơn và đầy đủ.

Trưa đã đi qua, bầu trời không mây vẫn tỏa chói. Lúc bấy giờ Diệp đã về nhà ! Căn nhà mát mẻ, kiến trúc mới, với hàng rào cây thưa bên mặt nước sông đầy. Và Diệp im lìm trên giường trong nỗi mông lung của giấc ngủ muộn trái

giấc chắc chắn sẽ chụp xuống, ủ kín những dấu vết trinh nguyên của mớ cảm xúc hỗn độn tự ghi sâu bằng tưởng tượng. Mái tóc xõa rối, mắt cháy thầm. Diệp sẽ ngủ đi như một tàu dừa trong cơn giông, khua động xơ xác. Dù sao Diệp cũng ngủ được trong vòng che chở của gian nhà kín đáo, thân tình mà mỗi xó góc đều đang thở hút, gìn giữ bầu không khí của một gia đình nền nếp được tạo dựng từ mấy đời mang theo khắp chốn như hành lý quý báu nhất. Ba Diệp là Trưởng ty Công chánh, thời trẻ ông đã được ra Hànội học trường Bưởi, sau đó làm công chức đổi khắp đó đây đã sang tận Lào, ra tận Côn Đảo, tuy là người sinh trưởng tại tỉnh. Má Diệp, người Long An đẹp xuề xòa, đeo cặp mắt kiếng trắng nhỏ ; trong vẻ tươi cười dễ dãi của người nhiều tuổi vẫn phảng phất những nét kiêu hãnh của một thời con gái. Các anh chị của Diệp đều làm nên và có gia đình riêng, trừ người anh trai kế Diệp thường tỏ ý mong ước và tin tưởng tôi cũng sẽ thành đạt như anh chị trong gia đình nàng.

Tại sao anh lại học toán ? Anh học luật hay học sư phạm đi, hay nếu anh không thích y dược ? Anh chẳng biết biết học cái gì hơn là học toán ? Anh tính làm giáo sư ? Không khi nào. Giáo sư giống như ông giáo Hiệp của em hả ? Không. Anh học chơi vậy. Học chơi ? Ờ, học chơi không có việc gì thời học chơi đó, cho đỡ buồn. Tôi không thể nói với Diệp là tôi không đủ bình tâm để có thể ngồi học hàng chục năm trời kiếm mảnh bằng và chức nghiệp trong xã hội. Tôi không thèm cái tương lai; cái địa vị mà xã hội trưởng giả đốn mạt sẽ dành cho tôi. Nàng đừng hòng lôi cuốn tôi vào bẫy của nàng. Tôi yêu Diệp, nhưng Diệp cũng chỉ là sự mời mọc của một nơi chốn tôi ghê tởm trốn tránh. Càng lâu Diệp càng chìm khuất vào trong đời sống bao vây nàng, không còn là người thiếu nữ tôi nhìn thấy qua hàng chấn song nhà tù. Diệp. Diệp. Không thể được. Anh không thể theo em. Tôi phát khùng, tôi biết tôi mất nàng từ trong tôi. Không, không khi nào anh đầu hàng Diệp ơi.

Buổi trưa thứ bầy ấy, chúng tôi đã ngồi trên phiến đá nơi gò cao sau nhà thờ. Trong mắt Diệp, thành phố say nắng núp kín. Dưới chân chúng tôi, mặt đường nhựa lỗ dỗ hoa nắng nhảy nhót vũng đất sâu, bờ dốc cây gai gai chằng chịt chen lấy bò trườn phủ con đường rầy, đá xanh lồn nhồn, những chuyến xe lửa đã thôi chạy qua từ hồi chiến tranh. Rời nơi đó, chúng tôi xuống ngồi chùa khuất trên con đường đất. Diệp vận bà ba, quần đen, đội nón, ép mấy cuốn tập trên ngực. Diệp được nghỉ học bất ngờ vì Hiệp đi vắng và tôi bỏ ý định xuống Sài gòn. Chúng tôi ngồi lại nơi thềm sau liêu vắng, ẩn trong kẹt bề chứa nước bám rêu. Nền gạch cát bụi nhưng sạch. Những dãy cửa gỗ trai phòng đóng kín. Chúng tôi gây nhau vì một chuyện gì đâu. Diệp bỏ đi ra ngoài sân chùa. Tiếng guốc nghiến lạo sạo trên sỏi vụn. Diệp ra tới cổng, đứng dưới gốc đa già, rễ chùm buông thõng. Diệp tránh tôi, tiến sát bờ ruộng khô đất mới bừa, tới nửa trên bờ đất lồi lõm đắp giữa hai thửa ruộng dẫn ra ngôi miếu hoang trên bãi cỏ cháy giữa đồng. Diệp bước vào giữa vùng nắng đang tỏa bốc ngùn ngụt rung rinh trên khắp mặt đồng. Nàng trợt chân, đứt guốc, nhấc cầm lên tay ; chân dẫm phải đất bỏng

nhầy nhỏm. Thốt kêu, thốt cười, thốt tuôn chạy. Chúng tôi đón gặp nhau trong miếu. Tôi quỳ phủi cẳng cho Diệp, nắng vây tối hết cảnh bên ngoài, Diệp cười ngặt nghẽo, mồ hôi dính ướt trán, tóc xổ tung, mềm đi, trơn truồi trong tay tôi, níu lấy tôi, mặt ngửa ưỡn, thân dài thêm, mắt nhắm khít không muốn nhìn.

— Đừng, đừng. Anh.

Diệp bất giác và tôi đột nhiên khựng lại, không tiến nữa, đợi Diệp hoàn hồn. Nàng hé mắt, mỉm cười hân hoan, ôm bàn tay tôi áp lên má nàng, « cám ơn anh », áp lên ngực phập phồng « anh coi tim em đập dữ không ? » Ngoài cửa miếu, một con ngựa gầy gò thả hoang chậm rãi nhai cỏ, đuôi quật nẹt nẹt vào không khí, thỉnh thoảng thở phì phì nồng nặc. Tôi ngồi thẳng lên để mặc cho Diệp âu yếm lấy khăn tay của nàng chùi mồ hôi trên mặt tôi. Hồi sau tôi nói :

— Đi về.

Diệp xách guốc lủi thủi theo sau tôi, thấy tội nghiệp. Lên đến đường nhựa, tôi đi mau bỏ Diệp. Tôi tính trở về nhà, tìm chỗ nằm ở góc vườn khuất gần miệng giếng đào, ở đó hương cỏ thơm hắc, những trái điều đỏ trên thân cây nghiêng lả xuống bờ lạch như một cây cần cụt, nơi tôi vẫn lăn lộn như một con vật cuồng cẳng trong những buổi trưa ngộp thở thúc cơn dâm trơ trọi thoát mau khỏi thân xác. Để chỉ còn thấy mình đọng lại như một vũng nước ứ bần thỉu nhơ nhớp. Nhưng sự căng thẳng của thần kinh và xác thịt làm tôi tê mỏi bứt rứt loanh quanh.

Tôi vô tiệm thọc bia đơn thân. Bên cạnh hai đứa nhỏ đang chơi banh bàn nhấp nhỏm la hét với nhau Ba trái cầu gỗ, một đỏ hai trắng, lăn đi lăn lại trên thảm da xanh, va động vào các cạnh bàn, vẽ những đường chuyền động rắc rối. Tôi xoay xung quanh chiếc bàn hình chữ nhật vuốt ve cây gậy, ngắm nghía cẩn thận từng đường banh trước khi đánh. Nắng vẫn sáng trên chòm cây ngoài hè như âm vang hồi tưởng chờn vờn trước các giác quan. Quầy trống không người, những hộc gỗ gắn trên tường đặt những chai nước ngọt, xanh, đỏ, vàng chen lấn. Màn sắc dơ dại như khích động vu vơ. Từ trong nhà, một chiếc « transistor » đang truyền lại những bài hát được yêu cầu với một lũ tên họ kêu vang bâu xung quanh như đám muỗi trên bóng điện của đường phố — Tôi không ở đây, không chút gì quyến luyến tôi vẫn bị đẩy vào chân không với một nỗi ham muốn mờ nhạt. Tôi nghĩ đến Diệp nếu tôi đã vô sâu hơn trong đời nàng tôi sẽ tới đâu. Tôi còn đủ can đảm tàn nhẫn để từ chối Diệp, từ chối cuộc chung sống với những giá trị tôi coi rẻ nhưng là một phần của con người Diệp không ? Tôi nhớ đến người đàn bà nhớp dính trong ngõ hẻm lội, trong căn nhà sàn ọp ẹp trên sông, trên chiếc giường trần mùng, bên ngọn đèn lay lắt, tiếng chuột chạy lịch kịch đụng đổ chiếc chậu nhôm, mùi hơi người trộn lẫn với nệm dơ và hôi mốc mọt ruỗng của cột kèo, đã dạy tôi một cách tỉnh táo bỡn cợt cách xử dụng thân thể như một lối mộng không hình ảnh, trùm lấp mọi ý tưởng bằng những hồi xô đẩy, tuyệt vọng không thể kéo dài. Lát sau một bọn thanh niên

nhàn rỗi kéo vô chật ních vây quanh tôi, bộ tịch hớn hở vui thú, tiếng nói cười cọc cằn úp mở, mang theo dáng vẻ ngày nghỉ ở tỉnh đang dần hiện từng khoảng trong các quán nước, nghèo túng và phiền muộn.

Tôi thả ngược về chợ. Quán xạp cái đóng, cái mở. Giữa những xấp hàng chồng chất, vài mặt người nhìn qua màu nắng không rõ nét ngồi chóc ngóc. Tiệm tạp hóa, chạp phô, tiệm sắt, tiệm hớt tóc, tiệm thuốc bắc, tiệm may, thợ sửa giày, sửa khóa ngoài hè lẫn với đám thúng mũ trái cây .. tất cả đều buồn tẻ ngái ngủ. Trên nóc chợ, mặt đồng hồ lớn kim chỉ mười một giờ ba phút từ ngày này qua ngày khác. Chỉ ở bến xe, thấp thoáng màu áo lạ từ Saigon lên kiếm mua trái cây nhân chuyến đi chơi xa, vài bóng tươi thắm vay mượn nghịch mắt trên một nền vàng đều đặn của phố lỵ.

Tôi trông thấy Hiệp bước xuống từ một chuyện xe lô vừa ghé bến cùng một người đàn bà lạ mặt. Hai người tới đứng trong hàng hiên trạm thông tin, loa phóng thanh trên máy vừa ngưng tiếp vận chương trình ca nhạc của đài Sài gòn và một giọng rè rè đọc bản tin tức hằng tuần và thông cáo của tỉnh. Căn phòng hộp đặt trên hai đường chéo góc so với hình khối của chợ và toàn thể kiến trúc của con phố bị xẻ đôi, cửa kính sơn trắng đục, biểu ngữ cũ như vải, bích chương bị rách toạc từng mảnh lớn. Hiệp dáo dác tìm xe, người đàn bà quan sát dè dặt cảnh vật quanh mình, chiếc va ly da đặt dưới đất. Nàng mặc áo dài trắng mộc mạc như mặt không một nét trang điểm, nước da xanh, mắt dài như nheo lại, sống mũi thẳng xuôi, môi cắn chỉ. Một vẻ đẹp chỉ cần nhìn thoáng đã thân quen lập lờ, trong bóng dâm như một khoảng sáng mát. Thuận đó. « Chị đến tỉnh, mới thoạt trông, cảm tưởng như người lâu ngày trở về xứ. Tưởng như người bỏ đi từ hồi nhỏ, quên hầu hết cảnh vật quê hương » Tôi đã nói vậy với Thuận. Vẻ bỡ ngỡ của người muốn tìm lại trí nhớ. Hiệp kêu xích lô cho Thuận, xách va ly để dưới chân ; mượn chiếc xe máy của một học sinh đứng chơi kế đó đạp thủng thẳng theo bên xe chở Thuận. Lúc ấy thân tôi êm tĩnh, xa vắng hoàn toàn.

Thuận ít ra ngoài một mình, ít giao thiệp với xóm giềng. Ngoài phố người ta thường gặp nàng cùng với Hiệp. Diệp là người bạn độc nhất lui tới với Thuận. Mỗi lần Hiệp phải xuống Sài gòn vắng, anh ghé trường nhắn Diệp tới chơi Thuận. Diệp mang sách báo cho Thuận mượn, thường khi ở lại cho đến lúc Hiệp trở về. Vẻ thoạt nhìn thấy quen ngay trong buổi đầu của Thuận, dần dần tôi ngó thấy nhạt đi nhường chỗ cho vẻ đằm chìm bí ẩn. Tiếp tôi, Thuận thường ngồi nơi bàn máy làm việc, tấm lưng gầy quay về phía tôi như một bức vải kín. Bàn tay ngón Thuận dài cử động khoan hai, nắm giữ bánh xe quay, móng tay nhọn trắng ngà gạch những nếp dấu trên mặt vải, như vờn trên những sự vật mơ hồ. Khi nào có Diệp, Thuận tới ngồi chung ở bàn khách, Diệp trở nên dịu dàng đằm thắm thêm. Thuận và Diệp hòa lẫn, ẩn hiện, chấp chới như một song tấu, dẫn dắt nhau theo những biến điệu hợp hòa.

— Cậu không thể nói chuyện gì khác chính trị hay sao ?

•

Thuận đã trách tôi khi nhân bữa Hiệp vắng mặt tôi hỏi cớ sao Thuận di cư Tôi lúng túng ngượng nghịu thật sự. Với người khác hoặc tôi nổi giận biện uận đến cùng cho ra lẽ hoặc tôi khinh bỉ im lặng không thèm chấp. Tôi có thừai những luận chứng rằng ngày nay người ta không thể sống ngoài lịch sử, ngoài chính trị, dù muốn hay không ; thoái thác chính trị là thái độ ngây thơ ấu trĩ và thái độ ấy là đồng lõa với phản động. Tôi đã học được rằng sự ngây thơ hồn nhiên cũng là một tội lỗi và tôi tâm niệm tôi phải sống sáng suốt và dám lựa chọn. Nhưng trước cặp mắt luôn luôn mang vết quầng thâm, cái nhìn thẳng và xa khuất của Thuận tôi ngồi im không cãi. Thuận chĩu nặng ở tôi như một vùng quá khứ tối tăm không phải của tôi. Thuận như món kỷ niệm của kẻ khác bị thất lạc khêu gợi những tình tự bí ẩn nơi tôi.

Khuân mặt Thuận có những giây phút sững sờ như nước hồ in bóng một bầu trời hiu hắt của thành phố miền Bắc, nơi tôi chưa hề đặt chân tới nhưng vẫn hằng nhìn trong tưởng tượng. Hànội. Và mùa thu bằng khuâng trên mặt hồ. Gươm, thồi dài qua những đường phố heo may ; Mùa đông rét mướt ngoài cửa ô, mưa phùn gió bấc tê cóng cả trời đất... tôi thấy như hút lại, tỏa ra trong những dáng vẻ ngập ngừng thấp thoáng của Thuận. Một bữa tôi hỏi :

— Chị thấy ở đây thế nào ?

— Đây hợp với tôi — Saigon ồn quá. Hồi gần di cư tôi mới lên Hà-nội — Thuở bé tôi cũng sống ở tỉnh nhỏ.

Nơi Thuận sinh ra và lớn lên, trong vòm giọng nói của chị, còn hiu quạnh trống trải hơn cả đây — Thị trấn ấy còn cả ngôi thành cổ với dãy tường dài đen xám, hào lũy vây bọc. Phố xá mở cách xa trường thành vài trăm thước, bụi đất chưa trải nhựa. Thuận vẫn nghĩ đinh ninh nơi những tử tội bị chán treo ngành trong buổi sáng trở lạnh Nguyễn Tuân đã tả chính là bãi đất trống chạy dài một bên đường tới sát hào thành ở trước cửa nhà chị — Nhà Thuận ở cửa Bắc, lưng chừng một con dốc. Trên đỉnh dốc là đường xe hỏa, bên kia dốc mới thật là thành phố. Từ cửa nhà nhìn ngược lên dốc bụi như đồ lửa những trưa hè, Thuận thấy cái nhà ga xe hỏa bé của tỉnh lỵ. Chiều tối trong ánh đèn dầu le lói; Nhàn nghe tiếng còi hú dài, tiếng chuyền động của đoàn tàu từ Hà nội sang vào ga và sự yên tĩnh mênh mông cổ kính điểm những hồi trống kêu gọi của gánh hát nghèo. Những đêm đông dài tối, nửa khuya về sáng, đoàn tàu từ biên giới xuống kinh đô không đỗ lại ga xếp, tiếng còi và chuyền động kéo lâu mới im tắt. Từ tỉnh về Hà-nội đường cũng dài ba mươi cây số, có thể đi bằng xe tay, bánh gỗ lộc cộc, cánh gà kín bít, trên quốc lộ chạy giữa những làng mạc và cánh đồng — Vào những năm Nhật chiếm đóng, xe hảo thưa đi ban ngày, xe hơi chuyên chở hành khách mang những ống than khói phun đen nghịt. Thuận kể những chuyện ấy với Diệp, tôi ngồi nghe. Không thấy chị nhắc đến những năm tiếng theo.

— Chị không nhớ Hà-nội ? Diệp hỏi.

— Có. Nhưng có lẽ bây giờ cho tôi về ngoài ấy, tôi không muốn về nữa.

— Chị không buồn ?

— Không, Trì ạ.

Tôi nhìn Thuận, muốn đọc rõ những ý nghĩa của chị

— Chưa ở đâu, tôi được hạnh phúc như ở đây.

Thuận ngước mắt lên khoảng rộng tối trên mái. Từ xà ngang giông xuống ngọn đèn trầm nếu vẫn tỏa vòng sáng yếu đuối của nhà máy điện tỉnh nhỏ trong gian nhà ban đêm. Tôi nghĩ thầm : chị nói dối ..

**THANH-TÂM-TUYỀN**

*(còn tiếp)*

SỰ AN NINH CÁC BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO HIỂM BẠN

**DESCOURS & CABAUD**

**Bảo Hiểm**

*27 - 29, Đại lộ Hàm - Nghi — SAIGON*

Điện thoại : 23.739

ACCIDENT — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
Tai Nạn Hỏa Hoạn Hàng Hải Linh Tinh

*ĐẠI LÝ CỦA*

**MUTUELLE GÉNÉRAL FRANÇAISE ACCIDENTS**

CENTRALE — RHONE MEDITERRANÉE
LA MUTUELLE DU MANS

*Chi Nhánh :* Paris — Tourane — Cholon — Dalat — Cantho — Vientiane — Hongkong Tananarive — Tamatave Addijan Douala

*Đập nát cánh cửa kiếng,*
*Cho đường trong ly bia,*
*Mẹ thỏ học đánh đàn,*
*Ngoài kia... kia... kia... kia...*

— Ở đâu hát bài hát lạ lùng đó ?

— Ở trong « Quán củ hành » của nhà văn trẻ tuổi Tây Đức : Gunter Grass. Bản việt ngữ in trong **TRUYỆN HAY CÁC NƯỚC** do THỜI MỚI xuất bản, giá 34đ.

*NGUIỄN- NGU-Í*

# Sống và Viết với VI-HUYỀN-ĐẮC (1)

*Vi-Huyền-Đắc với Ô. Hoàng-Minh-Tuynh chủ nhiệm Tạp chí Mai.*

« Hoàng Mai Liên » sáng nay, sao mà trông vắng vẻ quá. Và dây là lần đầu tôi chạm trán với cánh cửa lớn đóng kín lại, trái hẳn mọi khi, lúc nào tôi cũng gặp nó mở rộng y như chủ nhân của nó, hễ thoáng thấy bạn đến thăm là miệng rộng nụ cười thân hữu.

Tôi lên tiếng. Người ra mở cửa không phải là u già quen thuộc, mà một cậu bé lạ. Tôi hỏi thăm chủ nhà, thì chủ nhà hiện đi ra chùa Pháp-Hội ở Sài-Gòn, để cúng một trăm ngày cho người bạn đời vừa quá cố. Tôi hỏi thăm người u già đã sống với anh chị ngoài hai chục năm, thì mới hay người lão bộc trung thành này phải giã từ chủ vì « đêm nào cũng thấy bà về gọi ». Tôi để lại một tờ báo mới, cùng mảnh giấy hẹn ngày đến nói chuyện...

oOo

Anh đang ngồi làm việc. Quần bà ba,

---

(1) Sinh ngày 18 tháng Chạp Mậu-tuất (30-1-1899) tại làng Vạn-Xuân quận Ninh-Hải, tỉnh Hải-Ninh (Bắc-Việt). Tác phẩm in đầu tiên : UYÊN ƯƠNG, kịch 4 đoạn, do Thái-Dương văn xã xuất bản, Hải-Phòng, 1927. Kịch diễn đầu tiên cũng là kịch này, ngày 5, 6 và 12, 13 tháng 5 năm 1928 tại Hà-Nội, do hội Uần Hoa tổ chức. Những bạn nào muốn biết tiểu-sử đầy đủ hơn, xin xem lại Bách-Khoa, số 107 ngày 15-6-1961,

áo mai dô trắng. Đơn sơ như bàn ghế trong nhà.

— Ngu f muốn cái gì cũng được. Nhưng ngồi yên đã. Uống vài chén nước trà cho nó khỏe con người. Trà Đài-Loan đây.

Thấy tôi nhìn, có ý hỏi, anh đoán trước, đáp ngay :

- Của ông bạn cho đấy. Chứ mình giàu có gì mà dùng thứ trà « Vương kì chủng » đó. Trời này anh đạp xe từ khu Bàn Cờ đến xóm Ngã-Năm Bình Hòa đây, cũng đáng cho chủ nhân « Hoàng Mai Liên » thưởng cho vài chén trà. hương xa này.

Anh gọi. Cậu nhỏ chạy ra, trao ấm nước sôi. Anh thận trọng pha trà.

— Ấy, tôi nay có chú hề đồng này thay cho u già. Còn u già, tôi đỡ bao công việc. Nay, thì tôi phải giặt giạ, trông trước, ngó sau, mất thì giờ cũng nhiều, nhưng cũng có cái hay hay, thử ăn lạt để biết thương cho mèo.

Anh đề trước mặt tôi chén nước trà nhỏ, khói mơ màng. Tôi nhìn quyển sách Pháp bìa láng bóng và xấp giấy đầy chữ viết đều đặn, chữ của anh.

— Anh làm việc lại lâu rồi chớ !

Đầu anh hơi lắc lư :

— Mới mấy ngày đây thôi. Bị cái xúc động tâm lí ấy, tôi không làm gì được trong suốt ba tháng liền. Mà làm việc lại, tôi cũng làm vừa vừa, không như trước kia..

Rồi anh nhìn thẳng vào mắt tôi, đổi ngay đà câu chuyện.

— Năm xưa, anh hỏi, tôi đã trả lời khá cặn kẽ về kịch. Phỏng nay còn gì để anh vấn nữa ?

• **đại nam văn hiến** sắp cho tái bản lại một cuốn sách triết học

**frederick NIETZSCHE**

**THẾ-PHONG** viết •
**CHWAST** trình bày b'a.

Sách dầy 132 trang, ấn loát trang nhã, giá 48 đồng. Quí vị nào muốn có bản đẹp và chữ ký của người viết xin liên lạc với xuất bản cục.

Và mắt anh cười, hơi ranh mảnh.

— Nói, bàn về kịch, biết bao giờ mới hết, mà anh lo. Từ dạo đó đến nay, biết bao tấn kịch đã xảy ra trên đất nước mình : *bi* có, *hài* có, mà *bi lẫn hài* cũng chẳng ít gì. Nhưng hôm nay, chẳng phải là phỏng vấn gì anh, mà là chuyện trò với anh, mong sau đó, ghi lại được một ít gì về con người, về sự nghiệp, về quan niệm sống của anh.

Anh cười :

— Một ít gì của anh đó, mà về ba phương diện quan trọng như thế, thì đâu có phải là ít.

Rồi anh tiếp, sau một hớp nước trà :

— Anh có biết không ? Anh coi ốm yếu như vậy mà « anh tham lam, anh đòi hỏi quá nhiều ». Nói thế chớ cũng xin chiều anh. Nào, anh muốn bắt đầu bằng...

Cậu tiểu đồng lại trao ấm nước sôi, làm cách quãng câu anh đang nói.

Nắng đã lên cao. Và cái xóm anh ở, sát nghĩa địa đây, trong nhà nào cũng

có ít nhiều bóng lá, cũng đà có vẻ oi bức.

— Tôi bắt đầu bằng xin anh một bữa cơm trưa. Câu chuyện chắc là dài. Có gì phiền anh không ?

— Chẳng có gì phiền cả. Ông cháu tôi có nấu nướng gì mà phải mất công.

Rồi anh quay ra sau gọi cậu bé :

— Chút nữa ra cậu mợ lấy cơm, con nói ông có một người bạn trưa nay ở lại dùng cơm nhé.

Thì ra vợ chồng người con trai lớn của anh ở Đa-Cao lo việc cơm nước cho anh, cậu bé mỗi trưa đạp xe ra lấy Phần cơm về, còn chiều...

— Chiều thì cậu hề đồng tôi đi học — cháu học Đệ Lục — rồi về nhà ăn cơm với gia đình, tôi ăn cơm gạo lứt lấy lúc trưa với muối mè đã có sẵn.

— Rồi tối, chỉ có mình anh ?

— Không, tối cháu nó qua làm bạn với tôi. Nhà cháu ở gần đây.

Anh ngừng một chặp.

— Ấy, vợ chồng thằng cả tôi định thuê một người lớn để thế u già, tháng năm trăm bạc. Nhưng tôi không chịu. Vì giữa họ và mình không có liên hệ tình cảm gì. Cháu đây là người trong họ, nhà nghèo. Về ở với tôi, tôi sắm cho cháu chiếc xe đạp, chiếc xe để ở ngoài hiên đó, để cháu tiện bề đi học, và tôi tối tối săn sóc việc học cho nó. Nhà tôi suốt đời làm nhà giáo, còn tôi nay mới tập cái nghề gõ đầu trẻ tại gia này ! Cũng có lắm cái thu thú, hay hay, anh à.

*NHẮN TIN*

Những bạn đọc không mua kịp cuốn

**các trào lưu lớn của tư tưởng hiện đại**

của André Maurois, xin vui lòng chờ ít lâu : Sách đang được in lại lần thứ Ba, sắp xong.

**Nhà xuất bản THỜI MỚI**

Tôi thầm nghĩ, một trong những cái hay hay, thu thú mà anh gặp trong khi dạy dỗ thêm đứa cháu họ này, làm anh cảm thấy gần thêm người bạn đời đã vĩnh biệt anh, sau ba mươi bảy năm cùng anh chia mặn, xẻ bùi...

— Thôi ta vào đề đi chứ !

— Chúng ta đã nhập đề từ lâu rồi mà anh chẳng hay. Bây giờ, chỉ có chuyển sang chuyện khác thôi.

— Chuyện gì đây ?

— Người đời biết nhiều về Vi-Huyền Đắc, nhà soạn kịch, nhưng ít biết người « cách mạng » chữ Việt, người dịch thuật, và người làm từ điển.

— Thế là « mình với ta tuy ba nhưng một ! ». Như thế thì « Cô Uyên » này phải cần cầm khách lại cho đến chiều mát mới cho về...

Cô Uyên ? Bạn đọc Bách Khoa đã biết một Cô Liêu, một Cô Kiều Yiêu, một cô Phương Thảo, nay sắp làm quen với một Cô Uyên.

Chủ bắt gặp đôi mắt hỏi dò của khách

— Anh nhớ vở kịch đầu tiên của tôi chớ ?

— Tôi còn nhớ. Vở *Uyên Ương*.

— *Uyên Ương* là vở kịch tôi soạn lần đầu, cũng là vở kịch được xuất bản lần đầu, được thấy ánh đèn sân khấu lần đầu. À, anh còn nhớ những lời tôi nói với anh, khi anh hỏi tôi lúc trước về đề tài vở kịch đầu tay này ?

— Tôi nhớ đại khái. Nhưng tôi có mang sẵn Bách Khoa đăng cuộc phỏng vấn ấy. Tốt hơn là xin đọc lại đoạn ấy.

Anh gật đầu.

— Đây: « Xem sách Tàu, tôi đặc biệt để ý đến tích tình chim Uyên Ương. Thật là kì dị ! Chim đó sống lúc nào cũng có đôi, quấn quit lấy nhau. Một con chết, thì con kia cũng chết theo. Tôi liên tưởng đến một mối tình chung thủy của hai người yêu nhau, yêu nhau tha thiết và chân thành ».

Tôi nhìn người tiếp :

— Mà « cô Uyên » tức là con chim Uyên nay lẻ bạn.

Anh đưa tay lên, ra dấu bảo tôi ngừng. Tôi gấp tờ báo. Mắt anh chưa hết mơ màng. Anh bỗng gõ tay xuống mặt bàn.

— À tôi xem qua tờ Hòa Đồng, số 14, định gặp anh là nói việc này.

Anh dùng chữ « *j* » để thay thế cho chữ « *y* » trong những trường hợp chúng cũng đọc là y cho được thống nhất, tôi đồng ý ; anh dùng chữ *j* để thế chữ *gi*, cho *ga, ge, gê, gi, go, gô, gơ, gu, gư* đi xuôi một chiều, rồi do đó *nga, nge, ngi, ngo, ngô, ngơ, ngu, ngư*, tôi đồng ý nốt. Song anh dùng chữ *k* để thế chữ *kh* thì tôi chẳng chịu. À, mà tôi đi lạc đề rồi. Giờ đây chính tôi là người phải cho anh xem Việt tự của tôi, một lối viết tiếng Việt không phải dùng tới 5 cái dấu. Anh chờ một phút nhé.

Rồi anh lanh lẹn lên thang gác, làm

**các bạn yêu thơ hay ghét thơ**

ĐỀU KHÔNG NÊN BỎ QUA TẬP TUYỂN THƠ DU TỬ LÊ ★ TIẾNG NÓI THIẾT THA CHÂN THỰC CỦA MỌI TÂM HỒN ★ SÁCH DO THẾ PHONG VÀO ĐỀ ★ VƯƠNG TÂN VIẾT BÀI ★ HIẾU ĐỆ HUY TƯỜNG ★ MAI TRƯỜNG PHỤ BẢN ★

rung rinh mấy nhánh trầu-bà xanh mát đang ôm lấy phần dưới của tay thang.

Đó là một vở kịch do anh soạn, do anh xuất bản, từ ba mươi lăm trước đây. Nhan : *Cô đầu Yến.*

— Tản cư kháng chiến, di cư cắt nước, mà anh còn giữ được bên mình « cố đầu » này, quả là điều hiếm thấy.

Anh đính chánh ngay.

— Tôi thì còn giữ được cái gì đâu anh. Năm 1946, chạy tản cư, tôi mất rất nhiều sách, và mấy tác phẩm của tôi, đã in hay còn trong bản thảo. Quyển này, là do linh mưu Thanh Tâng đã tìm thấy ở trong thư việncủa một nhà chung ở Huế, và đem về cho tôi Nhưng cái mà tôi muốn cho anh xem, không phải là vở kịch « Cô đầu Yến » mà là cái bìa sau, ở đó có in mẫu chữ của Việt tự.

Tôi nhìn cái bìa sau đó, thì thấy một lối chữ phảng phất như chữ Hán với những nét sắc sảo và bay bướm.

— Tự tay anh viết ?

— Tự tay tôi viết với ngòi viết «ronde»

— Còn khắc ?

— Tôi phải thuê một người thợ chuyên khắc bảng gỗ có tiếng. Trong quyển *Việt Tự* của tôi cho in ra từ năm

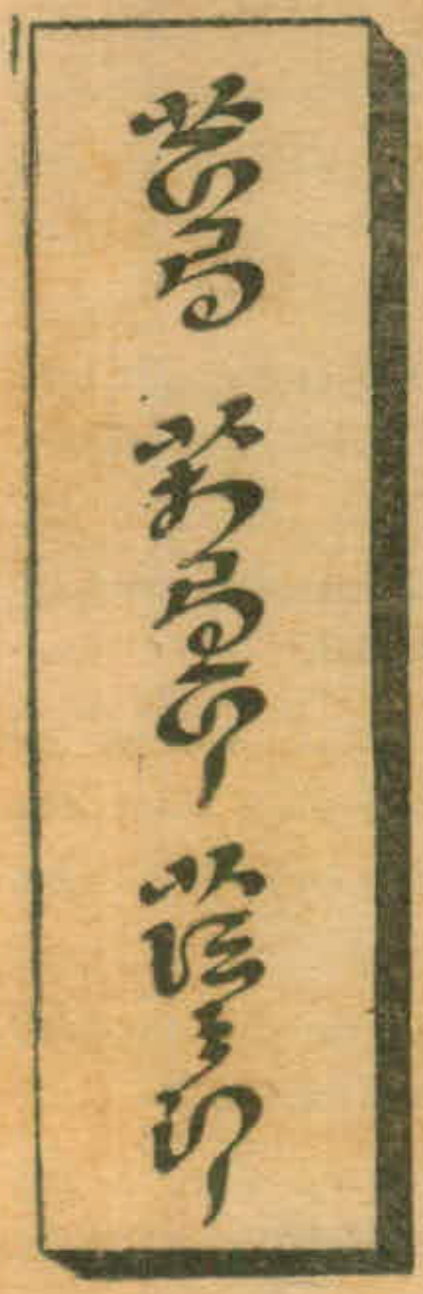

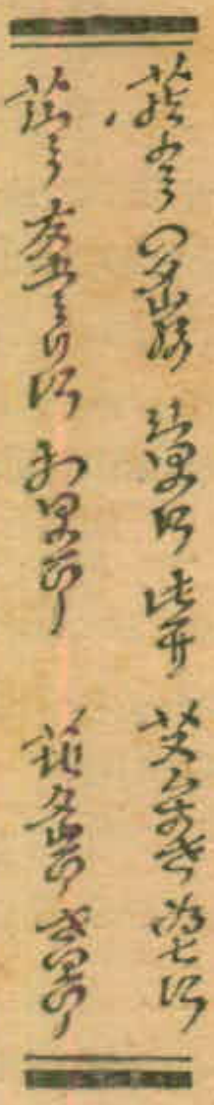

Một mẫu chữ Việt của Vi-Huyền-Đắc :
*Cộ Đốc Minh* (hàng chữ lớn)
*Phong trần tri cỉ*
*Vi-Huyền-Đắk trước tác*
*Thái Dương Văn Khố* xuất bản

1929 — tôi có giải thích tỉ mỉ về các chữ nguyên âm, phụ âm và các vần. Đây chỉ là một cái mẫu để cho người ta thấy cái hoạch thể của Việt tự.

— Xin anh đọc giùm.

— Đọc từ trên xuống dưới, rồi từ trái qua phải. Chữ hoa với cái bộ « thảo » dẫn đầu. Chữ *ca*, chữ *ô : cô*, tôi thay hai chữ *c* và *k* bằng một chữ mới mà tôi cũng gọi bằng *ca*, nhưng ráp với tất cả nguyên âm; *đ... ốc : đốc ; m..., inh :*

— *Cô đốc Minh*. Còn ba dòng chữ nhỏ kế bên.

— *Phong trần tri cỉ* (tôi cũng dùng chữ *i* ngắn ở cuối và ở giữa như anh bây giờ).— *Vi Huiền Đắk trước tác*.— *Thái Dương văn khố xuất bản*.

— Còn cuốn « Việt tự » của anh... Anh vừa lắc đầu, vừa thở dài.

— Anh còn nhớ anh in bao nhiêu cuốn?

— Một ngàn cuốn.

— Chắc là anh... tặng hết !

— Tặng đâu có một phần ba. Còn thì gởi bán.

— Chắc là bán không mấy chạy.

Anh cười ra tiếng, giơ ngón tay trỏ chỉ vào tôi, thách đố :

— Đố anh tìm cho ra một quyển. Tôi sẽ mua lại anh với giá gấp ngàn lần giá ghi ở bìa sách. Bán được, anh à. Họ chỉ vì tò mò mà mua, anh nghe chưa ?

— Thế là anh không lỗ vốn !

— Tôi không nhớ là lời, là lỗ hay hòa vốn nữa. Các sách của tôi, mà cho in ra (*Thái Dương văn khố*, chẳng nói, anh cũng biết là nhà xuất bản của tôi). Thời tiền chiến, tôi sống dư giả, nên tôi cho in sách ra chỉ có mục đích là để vấn thế mà thôi.

Tôi cười :

— Nếu bây giờ, anh mà thế thì đáng trách, nhưng ở vào cái « thuở xa xưa tốt đẹp ấy » — tôi tạm dịch thành ngữ Pháp « en ce bon vieux temps là » — thì đó lại là một giai thoại hay hay. Có trách, là trách tôi thiếu thực tế, hỏi anh ra ngoài cái chữ Việt mới của anh. Xin anh cho biết những cái « khác » của anh trong lối chữ mới này.

— Phải đi từ gốc. Trong thâm tâm tôi vẫn lấy làm thèm tiếc rằng, dân Việt ta không có một thứ chữ riêng của mình.

Chữ Quấc ngữ dùng tự mẫu La-Tinh rất tài tình về năm cái dấu sắc huyền hỏi nặng ngã, nhưng cũng vì năm cái dấu đó mà trở thành phiền toái. Bởi vậy, tôi nhất định phải loại trừ năm cái dấu đó đi. Nguyên do mẫu tự quấc ngữ của ta có mười hai nguyên âm. Theo tôi ta phải nhân số đó làm 6, tức là bảy mươi hai nguyên âm, vì mỗi nguyên âm còn có thêm năm nguyên âm khác giọng, tỉ như, a, thì có á, à, ạ, ả, ã.

Tôi ngắt lời anh :

— Nhưng ă với â chỉ có giọng sắc và giọng nặng, thì con số 72 của anh, phải trừ đi 8, còn lại 64. Mà còn 60 mới phải, vì ă với â, anh đã có á với ớ rồi.

Anh « À ! » một tiếng, gật đầu, rồi tiếp :

— Tôi không cho rằng á là : a + ´ = á, mà á là á. Nó nguyên một chữ. Anh thấy chữ Pháp, ê viết ra, đọc ngay là ê, chớ có ai phân tích ra : e + ^ = ê đâu.

— Thành ra anh ráp vần : b(o) + á = bá, chớ không phải : b(o) + a = ba, + ´ = bá.

— Đúng vậy. Cũng như : ả + ng = ảng, rồi b(o) + ảng = bảng, chớ không phải : b + ang = bang + ả = bảng.

— Như thế là anh phải đặt ra 60 nguyên âm, 14 phụ âm đơn : b, c, d, đ, g, h, k, l, m, n, r, s, t, v và 8 phụ âm kép : ch, gi, kh, ng, nh, qu, th, tr, tổng cộng là 82 kí hiệu mới...

— ... mà mỗi kí hiệu có một hoạch thể riêng. Anh đã bỏ hai phụ âm kép gh và ngh là đúng với ý tôi. Các ông cố đạo Tây-Phương ấy nếu đề ge, gê, gi, thì các ông sẽ đọc thành gie, giê, gii mất, do đó mà phải thêm chữ « h », Với ta, chẳng cần, loại chữ h vô ích ấy cho nó tiện, vì ta không sợ đọc lầm.

— Tôi cũng có lần nói : các ông cố đạo Í, Pháp, Bồ, I... tạo chữ Quấc ngữ cho họ, nên có vài cái vô lí, rối, phiền. Ta nên sửa lại cho ta. À, thế các phụ âm kép, anh cũng ráp hai chữ lại hay anh đặt một chữ mới.

— Tôi đặt ra chữ mới cả, và có tám hoạch thể : cha (ch), nha (nh), tha (th), pha, (ph), kha (kh), tri (tr), gi (gi), nga (ng).

— Thế khi viết chữ án chữ ăn, chữ ớn chữ ân, anh ráp vần ra sao ?

— Anh cũng tinh ý đó. Án, tôi ráp vần như thường : án, còn ăn thì aán. Ớn thì ơớn, còn ân thì ơớn.

— Hẳn là chữ mới anh tạo ra, viết một chữ, dầu là c hay ch, a hay á, để viết xuống là viết luôn một hơi, khỏi phải giơ tay lên viết một lần thứ nhì, như trường hợp chữ quấc ngữ gặp phải chữ đ, hoặc gặp dấu chữ, dấu giọng.

— Đúng thế. Sau này, tôi lại biết hội đồng xem xét sách xuất bản — lúc đó, không có kiểm duyệt — đã đặt vấn đề : Có nên cấm cuốn Việt Tự hay không ?

— Báo chí lúc ấy và bạn bè có phê phán gì về Việt tự của anh không ?

— Có tôi còn nhớ Trung-Bắc tân văn có nói đến. Trần-Trọng-Kim có viết thư cho tôi, khen việc tôi làm, nhưng tiếc rằng « giá Việt-Tự ra đời trước năm mươi năm, thì có lẽ tác giả đã trở thành Thương-Hiệt của dân Việt !» Đông-Hồ và Tương-Phố tán thành tôi bằng cách trao đổi thư từ với

tôi bằng thứ chữ này. Nhất-Linh sau đó mấy năm trách tôi đã bỏ công làm một việc vô ích, để thì giờ đó mà viết kịch phải hơn không. Nếu anh ấy biết tôi đã nghĩ đến việc hỏi đặt làm máy chữ tại Đức, nhờ người đại lý máy đánh chữ Đức hiệu Adler làm trung gian, thì tác giả « Đoạn tuyệt » sẽ trách tôi nhiều hơn nữa.

Tôi cười.

— Nhưng anh ấy đâu biết anh nào có cần việc thành bại, mà chỉ tỏ ý chí muốn cho người mình cũng có mội lối chữ. Việc anh làm, tất cả ý nghĩ là ở chỗ đó.

Anh cười.

— Còn anh, nặng nợ với *i*, với *ga*, *ge*.., anh nên lập thành nhóm, rồi như vết dầu loang. Để một ngày kia, người ta công nhận việc làm của anh. Sẽ có tôi trong mặt trận này, nếu anh không chê tôi già.

Tôi nhìn người đàn anh này mà không khỏi ngùi ngùi. Tóc anh chưa bạc trắng và sức khỏe anh chưa hao mòn trông thấy hhư một số bạn cùng nghiệp, tuổi nhỏ hơn anh — tôi nhớ đến hai người bạn chung : Đông-Hồ và Nguyễn-Hiến-Lê — nhưng mang nặng trên vai ngót bầy chục tuổi đời, mà vẫn còn nhiệt thành với cái mộng thời hoa niên. Một số khuyết điểm trong chữ nước nhà, anh thấy từ lâu, tìm cách giải quyết, kết quả kể như không, nhưng hơn nửa đời người trôi qua, thấy chúng vẫn còn ì ra đấy, anh vẫn hăng say đứng vào mặt trận những ai quyết tâm sửa đổi chữ Việt cho nó « hợp tình hợp lí » hơn. Quả anh còn « trẻ » hơn bao chàng thanh nam, bao nàng thanh nữ mới độ hai mươi mà máu trong người đã lạnh tanh hễ thấy cái gì thay đổi là vội lo âu nếu chẳng mỉa mai, chế giễu, không cần xét lại coi điều đổi thay nọ nó phải cùng chăng. Và tôi liên tưởng đến cái bút hiệu viết với *i* của mình, đã làm một số bạn trẻ bực mình, ghét lây đến người, và có bạn lại đòi tìm « con người ngu thích i cụt ngủn » mà « mần cho một trận ».

**NGUYỄN-NGU-Í**

*(Còn tiếp một kỳ)*

## SÁCH BÁO MỚI

— **Thảo Luận :** 4 cuộc thảo luận về tiểu thuyết, hội họa, thi ca, văn nghệ tiền chiến của các cây bút trong nhóm Sáng Tạo do nhà xuất bản Sáng Tạo gửi tặng. Sách dày 124 trang giá 52đ.

— **Trời Thơ Bao La :** tập thơ của Huy Lực do Đăng Trình xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 62 trang, gồm 30 bài thơ, in trên giấy « ngàn mai, hoa bướm » Giá 50đ.

— **Người lính Việt Nam** Trường ca của Tô Kiều Ngân do Phong Lan xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 60 trang, giá 25đ.

— **Một số nhạc phẩm mới** do « Tinh Hoa Miền Nam » xuất bản và gửi tạng. (Vĩnh biệt đồi sim, Hai mươi câu tuổi trẻ, Đôi tay ngọc nữ, Giọt sầu trong mắt ai, Hận Tha la, Hiện diện của em, Về đâu mái tóc, Cô nữ sinh Đồng Khánh v. v...)

● *Chiến tranh nới rộng ra miền Bắc:*

Chiến tranh nới rộng từng nấc một ra miền Bắc vẫn được tiếp tục thực hiện bằng các cuộc oanh tạc hàng ngày, đã lan tới khu vực cách Hànội 100km. Đặc biệt bắt đầu từ 14-4 vừa qua đã có những cuộc oanh kích và tuần thám, rải truyền đơn về ban đêm ra tới tận Thanh-Hóa: Các phi vụ trong những đêm 14, 16, 18, 20, 21, 23 tháng 4.. của không lực V.N. và H.K.

Theo bản thuyết trình của đại-diện không quân trước Đại hội Tâm lý chiến ngày 21-2 thì tính từ 8-2 đến 21-2 không lực V.N. đã thực hiện tất cả 17 phi vụ ra miền Bắc, phá hủy 24 cơ quân sự, 1 phi trường, 2 đài radar, 3 cây cầu, 45 xe vận tải v.v... Từ trung tuần tháng 4-65 trở đi, không lực V.N. và H.K. đã oanh tạc thêm cầu Thanh-Yên (nối Hà-Tĩnh với Đồng-Hới) ngày 13-4, 6 cây cầu trong ngày 17-4 bằng hỏa tiễn, cầu Mỹ-Đức ngày 20-4, 7 cây cầu ngày và đêm 23-4, cầu xóm Thái Hạ (Vinh) ngày 24-4, 1 cầu trên Quốc lộ 12 ngày 25-4...

Riêng ngày 19-4, sau khi hoàn thành một cuộc tuần thám Bắc Việt tại một mục tiêu cách Vinh 15km, trên đường về, phi cơ của Trung Tá Phạm Phú Quốc vì diệt một dàn cao xạ gần Hà Tĩnh, đã bị bắn rớt. Trung Tá Quốc là chiến sĩ đã thả bom phá dinh Độc Lập thời Ngô đình Diệm ngày 27-2-62. Tính đến ngày 19-4 ta đã thiệt mất 3 sĩ quan không quân trong các phi vụ ra miền Bắc là: Đại úy Huề, Thiếu tá Chần và Trung tá Quốc.

Hỏa tiễn phòng không của Nga sô đã tới Bắc Việt và những dàn hỏa tiễn đã được thiết lập tại gần Hà nội.

● *Tin tức chiến sự:*

*Đêm 12 rạng 13-4*: V.C. dùng bích kích pháo bắn vào 3 nơi ở tỉnh Quảng Trị. Doanh trại của các cố vấn quân sự Mỹ, doanh trại của quân đội V.N.C.H., quận lỵ Hải Lăng, làm thiệt mạng 47 người (trong đó có 43 thường dân) và làm bị thương 90 người.

*14-4*: 230 phi cơ Việt — Mỹ dội 1000 tấn bom xuống chiến khu Dương Minh Châu (dài 6km, rộng 3km).

*15, 16-4*: Giao phong ở Phù Cát, Phú Mỹ (Bình Định), địch chết tại chỗ hơn 100, 3 bị bắt, một số khí giới bị tịch thâu.

*18-4*: Mặt trận Đà Nẵng: giao phong ác liệt tại Việt An ở Tam Kỳ và sau 6 ngày kịch chiến Trung đoàn Quyết Thắng của V.C. đã rời bỏ chiến trường với nhiều tổn thất nặng (350 chết tại chỗ hoặc mang đi). Bên ta khoảng 140 tử thương.

● *Những tin tức khác:*

*8, 9-4*: Đề đốc Chung-Tấn-Cang, Tư lệnh Hải quân và Thiếu tướng Phạm-văn-Đồng, Tư lệnh Biệt khu Thủ đô, đã dị cất chức để điều tra. Một Ủy ban điều tra vụ lạm dụng Thủy cước của Hải-Quân đã được thành lập ngày 20-4.

*12-4* : Phái đoàn V.N.C.H. do Phó T.T. Trần-văn-Tuyên hướng dẫn, viếng thăm thiện chí các quốc gia Phi Châu sau khi ghé qua Pháp.

*13-4* : Cuộc tranh chấp giữa 40 kỹ sư với ông Phó T.G.Đ. tại Điện lực V.N.

*14-4* : Bom nổ ở sân bay Đà Nẵng làm thiệt hại 4 phi cơ.

*15 4* : T.T. Quảng-Liên đi Pháp chữa bệnh T.T. đã từ chức Chủ tịch Phong trào Tranh đấu Bảo vệ Hòa bình và Hạnh phúc Dân tộc và Phong trào này cũng không còn nữa.

*19-4* : Đại hội toàn quốc Thông tin Tâm lý chiến :

*20-4* : Sa di Thích Giác Thành (tục danh Nguyễn Hữu-Phước) 16 tuổi, quán ở quận Hoài Ân, Bình Định, đã tự thiêu tại phía sau V N Quốc tự để « cúng dường tam bảo và cầu nguyện cho dân tộc V.N. chóng được hưởng Hòa Bình ». Đám tang được cử hành sáng 24-4 và nhục thân được hỏa táng tại An Dưỡng Địa (Phú Lâm). 5 giờ chiều ngày 22 4 một ni cô (Thích Huệ Thiện) 23 tuổi, cũng định tự thiêu tại sân V.N. Quốc tự, nhưng được can thiệp kịp.

*23-4* : Đặc sứ của chính phủ Anh, Gordon Walker tới Saigon.

oOo

● Bắc-Việt không cấp giấy chiếu khán cho ông Gordon Walker để tới Hanoi thăm dò ý kiến hầu giải quyết hòa bình vấn đề Việt-Nam.

● Báo Nhân-Dân của Trung-Hoa Cộng-Sản, trong một bài xã thuyết (12-4) cũng bác bỏ mọi ý định điều giải về V.N của U Thant Tổng thư ký L. H. Q. « U Thant đã gõ nhầm cửa ». Ngày 15-4 U Thant tuyên bố sẽ từ chức nếu xét rằng ông không còn ích lợi gì trong việc « tìm kiếm hòa bình ở V.N. »

● Phạm văn Đồng, trong bài diễn văn đọc tại Quốc Hội Bắc-Việt ngày 12-4, đã xác định đường lối giải quyết vấn đề V. N. bằng 4 điểm : Thi hành các điều khoản hiệp định Genève 54 ; Quân đội Mỹ rút khỏi V.N ; Giải quyết vấn đề miền Nam trên căn bản của chương trình M.T.G.P.M.N. ; Thống nhất xứ sở không có sự can thiệp của ngoại quốc.

● Chánh phủ Pháp và những người V.N. thân Cộng ở Pháp tổ chức « Tuần lễ vận động hòa bình cho V.N. » từ ngày 15-4 và trong dịp này 3 nhân vật bị tống xuất ra miền Bắc ngày 19-3, cũng được chính phủ Bắc Việt đưa qua Pháp.

● Ủy Hội Ngoại Giao Thượng Nghị Viện Hoa Kỳ biểu quyết hoàn toàn chấp thuận không hạn chế số chi phí của chánh phủ để viện trợ V.N.C.H. về quân sự và kinh tế. Thái Lan và Lào cũng được hưởng biện pháp này,

oOo

● *Tổng số học sinh, sinh viên niên khóa 64-65* : 1.994.052 so với 1.906.200 trong niên khóa trước Trong số trên đây có : 1.633.212 học sinh tiểu học, 323.823 trung học, 8.228 kỹ thuật và chuyên nghiệp, 1.117 âm nhạc và mỹ thuật. Số sinh-viên có 24.122 Đại Học, 1.777 Nông, Lâm, Súc, 2.203 các trường Sư Phạm.

● *Giải thưởng truyện ngắn của Trung Tâm Văn Bút Việt Nam :*

— Giải nhất (15.000đ) : « Những ngày cạn sữa » của nữ sĩ Minh-Quân.
(Bà Nguyễn-Thị Lợi)

— Giải nhì (5.000đ) : « Làng » của nhà thơ Tường-Linh.

# BÁCH-KHOA

# THỜI-ĐẠI *trong những số tới*

| | |
|---|---|
| *Dung Hóa, một chủ trương của người Phật Tử* | NGUÊYN-ÂN |
| *Quan niệm « Không » trong Phật giáo* | THANH-THUYỀN |
| *Vài quan niệm sai lầm về Sử* | NGUYỄN-THẾ-ANH |
| *Góp ý về bài « Đạo Phật trong lãnh vực văn học nghệ thuật »* | VŨ-HẠNH |
| *Vấn đề bảo thủ các báu vật lịch sử* | PHẠM TRỌNG NHÂN |
| *Uy quyền quốc gia* | LÊ-THIỆN-DÂN |
| *Winston Churchill, cuộc đời và sự nghiệp* | ĐOÀN-THÊM |
| *Pháp trị* | GIẢN-CHI và NGUYỄN-HIẾN-LÊ |
| *Đọc cuốn « Hiệu-Chú Bích-Câu-Kỳ-Ngộ » của Ô. Hoàng-Xuân-Hãn* | TẠ-TRỌNG HIỆP |
| *Nhạc Jazz* | TRẦN-VĂN-KHÊ |
| *Sống và viết với Nguyễn-Hiến-Lê* | NGUYỄN-NGU-Í |
| *Một ngày của Ivan (Dịch A. Soljénitsyne)* | NGUYỄN-MINH HOÀNG |
| *Ký sự của một thành phố bị vây (dịch Slawomir Mrozek-id-Mrozek)* | — id — |
| *Nai lương thành phố của hươu nai (Dịch Boris Pelniak)* | TRÀNG-THIÊN |
| *Đường về (truyện ngắn)* | Y-UYÊN |
| *Tóc mai nghìn năm (truyện ngắn)* | TÚY-HỒNG |
| *Hai thành phố (truyện ngắn)* | LÊ-TẤT-ĐIỀU |